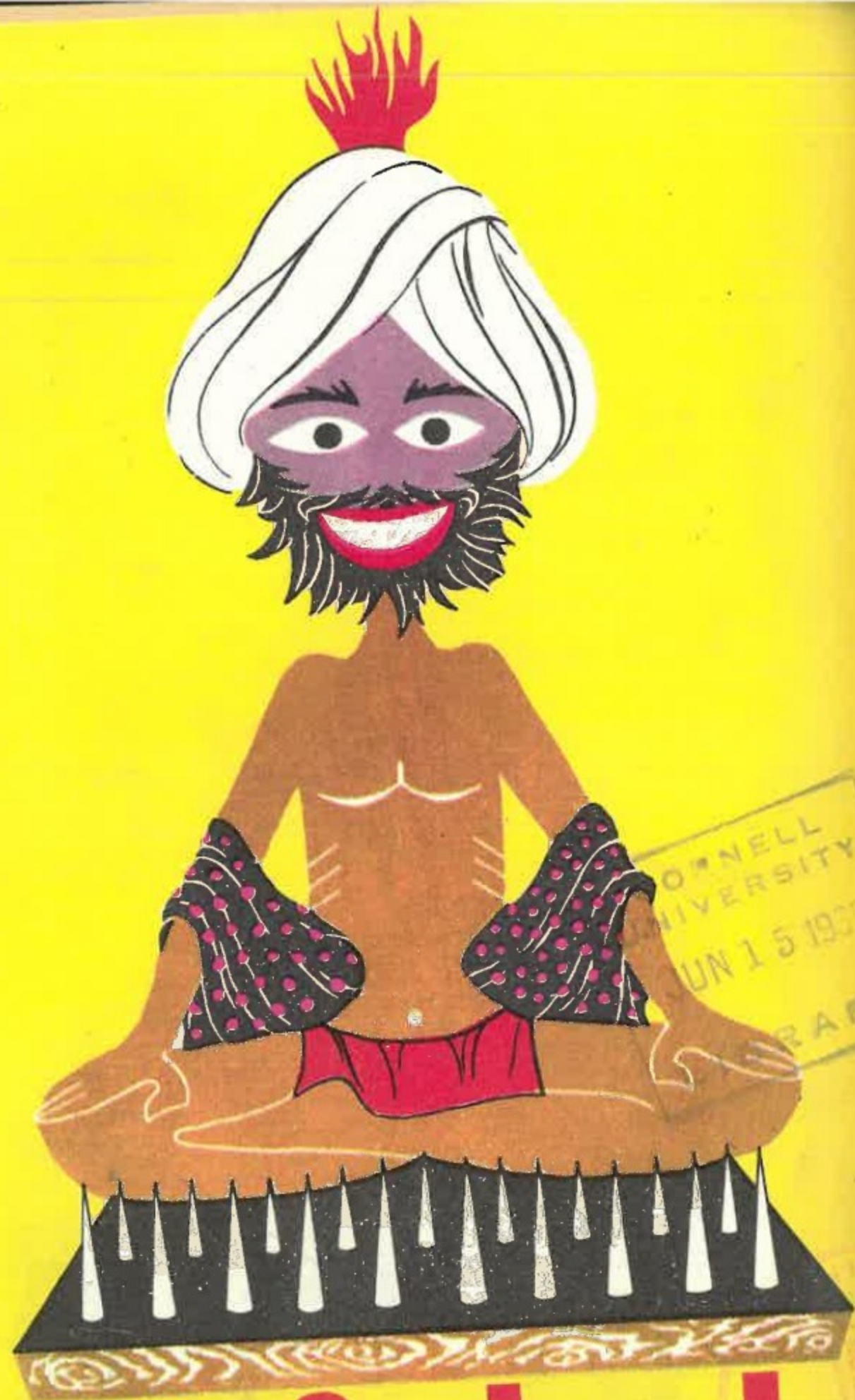




midol

Thuốc viên bọc đường

TRỊ ĐAU NHỨC, CẢM CÚM, ĐAU LÚC KINH K

K.N. SỐ 981 BYT NGÀY 27/4/65

Bìa trước: Đèn Kannon ở Asakusa (Nhật)
trong ngày lễ đầu năm

10\$00

PHỔ THÔNG

Tạp-chí Văn-Hóa ra ngày 1 và 15

Giám-đọc : **NGUYỄN-VỸ**

144

1-3-1965

George Séféris, một thi sĩ

cách mạng

TÍN-KHANH

Duyên đầu (truyện ngắn)

MỸ-KHANH

✱ Nhân sinh quan của

nhà nho VN

PHẠM-VĂN-SƠN

Vẽ hào hoa của trà

đạo Nhật Bản

CHÂM-VŨ

Người chiến quốc : Vệ-Ưởng

THIẾU SƠN

Cải lão hoàn đồng

KIM-GIANG-TỬ

✱ Tuấn, chàng trai nước Việt

NGUYỄN-VỸ

Những chuyện tình đầy

nước mắt

NGUYỄN-HƯƠNG

● Họa thơ « Xuân Nhật Sầu Ngâm »

✱ Thơ lên ruột

TÚ-BE

Thần thoại Hy-lạp

ĐÀM-QUANG-THIỆN

Những bí mật trong thế chiến

THIẾU-SƠN

Mười phút hồi hộp nhất trong năm

BÙI-QUÂN

✱ Nat King Cole không còn nữa

ĐOÀN-BÍCH

THƠ : Sa Sương Trinh, Mặc Tường, Yên Bằng
Thích Quảng Độ, Hương Linh...

TRUYỆN DÀI :

● NGƯỜI TÙ 69 của NGUYỄN-VỸ

(xem mục lục đầy đủ ở trang 5 - 6)

CARDIOCORINE

Thuốc giọt



BỒ TÂM
ĐIỀU HOÀ
HƠI THỞ

DÙNG CHO NGƯỜI LỚN và TRẺ EM

Cardiocorine

TRỊ: *YẾU TIM, CỨNG NHƯỠC
MỆT, MỎI, NGẤT SÚC*



Viện bảo-chữ NGUYỄN-CHI
Số 2, Tự-Đức-Saigon

BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

CARDIOCORINE

LE SECOURS

Công - Ty Bảo - Hiểm và tái Bảo - Hiểm những
tai nạn, hỏa-hoạn, hàng-hóa trộm cắp và tất cả các rủi ro

Trụ sở chánh:

30 - 32, đường Laffite — Paris (9ème)

Chi-Cuộc Viễn-Đông

16, đại - lộ Nguyễn - Huệ — Saigon

Điện-thoại: 20.461

- Bồi thường mau lẹ
- Nghi thức giản tiện

Khi hữu sự hãy hỏi thăm liền chớ ngần ngại — Mọi sự
dễ dãi và tiếp rước niềm nở sẽ dành cho khách bảo-hiểm,

Xổ Số Kiến-Thiết Quốc-Gia
Giúp nước thêm nhà ta thêm của
3 LÔ ĐỘC ĐẮC
mỗi lô

1.000.000 \$

XỔ THỨ BA HÀNG TUẦN, MỖI VÉ 10 \$

THẦN-TÀI CHẴNG VỊ RIÊNG AI

CỨ MUA VÉ SỐ

THÌ THẦN-TÀI SẼ ĐẾN THĂM

PHỔ THÔNG

TẠP - CHÍ

GOP PHÂN XÂY DỰNG VĂN HÓA VIỆT NAM
PHỔ BIẾN VĂN HÓA ĐÔNG TÂY KIM CỎ

Giám-đốc, Chủ-bút: Nguyễn-Vỹ

Tòa-soạn: 233, đường Phạm-Ngũ-Lão, Saigon — Đ.T. 25.861

NĂM THỨ VII ★ SỐ 144 ★ 1-3-1965

1.— Xã luận: Chính trị, Cách mạng, Văn Hóa.	Nguyễn-Vỹ	7 — 9
2.— Georges Seféris, một thi sĩ cách mạng	Tín-Khanh	10 — 14
3.— Duyên dẫu (truyện ngắn).	Mỹ-Khanh	15 — 23
4.— Em là KH thuở xa xôi (thơ).	Mộng-Táo-Nga	24
5.— Nhân sinh quan của nhà nho VN (tiếp theo và hết).	Phạm-văn-Sun	25 — 29
6.— Nỗi buồn thế kỷ (thơ)	Yên-Bằng	30
7.— Mối tình của M. Bashkirtseff.	Nguyễn-Hương	31 — 37
8.— 10 phút hồi hộp nhất trong năm	Bùi-Quân	38 — 42
9.— Chiếc nón Huế (thơ).	Hương-Linh	43
10.— Thông điệp của biển cả (truyện dịch).	Lê-Minh-Khuê	44 — 47
11.— Vẻ hào hoa của trà đạo Nhật (tiếp theo và hết).	Châm-Vũ	48 — 57
12.— Một bức tranh (thơ).	Sa-Sương-Trinh	58
13.— Xuân Cầm (thơ).	Thích-Quảng-Độ	59
14.— Người chiến quốc: Vệ Ương.	Thiếu-Sơn	60 — 67
15.— Freud.	Thái-Dương	68 — 74
16.— Cải lão hoàn đồng.	Kim-Giang-Tử	75 — 80
17.— Martin Luther King được tự do.	P.T.	81

18.—	Nat King Col không còn nữa.	Đoàn-Bích	82 — 86
19.—	Con đường khám phá năng lượng nguyên tử.	Võ-Quang-Yến	87 — 97
20.—	Xuân Nhật Sầu Ngâm (thơ họa).		98 — 101
21.—	Tuấn, chàng trai nước Việt.	Nguyễn-Vỹ	102 — 105
22.—	Mai anh đi (thơ).	Thiên-Hà	106
23.—	Mình ơi ! Rắn là con vật thế nào ?	Diệu-Huyền	107 — 112
24.—	Thơ Lên Ruột	Tú-Be	113
25.—	Mông mênh (thơ).	Ly-Tan	113
26.—	Người tù 69.	Nguyễn-Vỹ	115 — 118



- * Chúng tôi hoàn-toàn không chịu trách-nhiệm về những bài lai cảo của bạn đọc, (theo thề-lệ chung của các tạp-chí quốc-tế).
- * Bài lai cảo không đăng, không trả lại.
- * Các Sách Báo Việt-ngữ ở trong nước được tự-tiện trích đăng những bài trong tạp-chí PHỒ-THÔNG, nhưng yêu-cầu đề rõ xuất-xứ : « Trích Tạp-chí PHỒ-THÔNG » và đừng viết tắt.
- * Cấm trích, dịch, phỏng đăng vào sách bao Ngoại-quốc mà không xin phép.
- * Tous droits de traduction, d'adaptation, et de reproduction même partielle, réservés pour tous pays.
- Copyright by PHỒ THÔNG, printed in Việt-Nam.

Tổng-phát-hành PHỒ-THÔNG ở Âu-Châu và Phi-châu
 ● Notre représentant général pour l'Europe et l'Afrique
 ● Our general agent in Europa & Africa
LONG-HIỆP

13, Rue de la Montagne Ste Geneviève — PARIS Vê
 (vente — abonnements — Publicité)

Chính - trị, Cách-mạng, Văn - Hóa

★ NGUYỄN - VỸ

TRONG một cuộc hội-thảo sôi-nổi của các đảng-phái chính-trị tại Hội-Trường Diên-Hồng, một đảng-viên của một đảng nọ đang có đôi chút thế-lực trong chánh-quyền đứng dậy hỏi tôi : « Anh công-kích các đảng phái là không làm được tích sự gì cả, nhưng còn anh, trong thời-gian chín năm qua, anh đã làm gì cho Cách-mạng ? » Tôi chỉ trả lời một câu ngắn : « Tôi làm văn-hóa ».

Một số đông những người làm « chính-trị » cười rõ lên, một tiếng cười ấu-trĩ đáng thương. Trình-độ văn-hóa và quan-diêm lạc-hậu của một số « chính-trị-gia » đã nẩy ra tiếng cười nông nổi ấy, khí-giói mạnh nhất của họ.



Trong tất cả các cuộc chiến-đấu, Văn-hóa và tinh-thần chân-chính cách-mạng luôn luôn đi đôi

với nhau và bồi-túc cho nhau. Trong nhiều hoàn-cảnh, Văn-hóa dọn đường trước cho Cách-mạng.

Nhưng trong Lịch-sử tiến-hóa của Nhân-loại, chưa bao giờ cách-mạng thành-công đơn phương, độc nhất với lưỡi lê và máu, lửa.

Bởi vì tất cả những cuộc cách-mạng đều phối-thai trong một Lý-tưởng, đều chứa đựng một ý-nghĩa. Văn-hóa đã cho Lý-tưởng ấy, và phát-huy ý-nghĩa ấy.

Những cuộc cách-mạng đều đi qua, cũng như chính-trị của loài người. Nó chỉ phụng-sự quyền-lợi của một hay nhiều nhóm, và chỉ cần-thiết trong một hay nhiều giai-đoạn. Nhưng không bao giờ nó vĩnh-viễn. Nó đáp đờ những tham-vọng kia để làm thỏa-mãn những tham-vọng này. Nó tồn-tại trong một thời-gian, rồi sẽ bị thay thế trong một thời-gian khác.

Chinh-trị là một cái vòng lần-quần, cách-mạng là một khởi-diêm và sẽ là một diêm chấp nối của bao nhiêu vòng lần-quần không cùng.



Chỉ có Văn-hóa là trường tồn, bất diệt. Văn-hóa không phụng-sự riêng cho một thời đại nào, một tham vọng nào. Nó tạo ra Lý-tưởng cao-cả cho tất cả các thời-đại. Nó phát-huy ra ý-nghĩa chung cho đời sống của con người không tham vọng, không tàn-bạo, không bất-lương.

Văn-hóa là nòng-cốt của con người sơ-khai tạo-luyện đến mức con người tiến-bộ. Nó hướng dẫn tinh-thần cách-mạng. Nó là động-cơ cách-mạng

Nhưng nó không « làm cách mạng » một thời, nó cách mạng thường xuyên. Cho nên Văn hóa không a-dua theo một đảng-phái nào cả. Nó chiến-đấu cho lý tưởng chung của Dân-tộc.

Chính trị khi đen, khi đỏ, khi tung bừng sáng chói, lúc thâm-đạm, âm-u. Cách-mạng khi trung thành, lúc phản bội, khi thất bại, lúc thành-công.

Văn-hóa không theo luật biến-chuyển ấy. Nó không tùy thuộc những biến-cổ lịch-sử : Nó không chạy theo các giai đoạn chiến tranh hay hòa bình. Nó không thay kèn đòi trống. Nó không phản-bội nó. Nó không phản-bội Dân-tộc. Nó không phản-bội Loài-người.

Nó vượt lên cao trên tất cả những hiểm thù nhỏ nhen. Nó dùng ngòi bút để bảo vệ Tự-do, Công lý, để cảnh-cáo độc-tài, để thanh-trừng tội-ác. Để, cuối cùng, đưa con người lên Chân-Thiện-Mỹ.

Cho nên, chính-trị thay đổi kẻ xuống người lên, cách-mạng cũng xoay chiều, thành-công rồi thất-bại, các đảng phái theo bên này, chống bên kia, phụng-sự quyền-lợi riêng nhiều hơn là Quốc-gia, Dân-tộc. Duy có Văn-hóa vẫn đứng yên một chỗ. Không ai thay đổi được, hoặc đáp đờ, địa-vị của Văn-hóa trong Lịch-sử, trải qua muôn ngàn biến-cổ, tồn-tại mãi với Thời-gian, Không-gian.

Trong mỗi giai-đoạn tranh-đấu chính-trị làm xáo-loạn cơ thể Quốc-gia, Văn-hóa vẫn duy-trì nét sống, tinh-thần thanh-cao của Dân-tộc. Văn-hóa vẫn bảo-vệ tự-do, Công-lý, Nhân-phẩm của con người. Văn-hóa vẫn phát-huy mãi mãi, không ngừng. Lý-tưởng Hòa-Bình, Nhân-đạo.

GEORGES SÉFÉRIS

một thi sĩ cách mạng

* Tin-Khanh

Tôi đã được hân hạnh biết ông Séféris vào mùa hạ năm 1946 tại đảo Poros. Trong 15 năm nay, tiếng tăm ông đã vang lừng đối với thế hệ trẻ chúng tôi, ông đã thuộc về giới những siêu nhân, ở các đại học, người ta say mê xướng đọc, luận bàn từng câu thơ ông, và chúng tôi, ai cũng thuộc lòng hết các thi phẩm ông.

Cái điểm tình trong những thi phẩm đầu tiên của ông là những thứ điểm tình tuy nghiêm trang nhưng lại nhịp nhàng êm ái, làm nổi bật tâm hồn lãng mạn nhưng cuồng nhiệt của tác giả.

Cũng trong dịp này, tôi được tiếp xúc với ông: Người ông

đầy đà, tuổi mới 45 mà mái đầu đã hói. Ông tiếp tôi niềm nở và dường như khi thấy tôi lúng túng trong lúc tự giới thiệu và đề cập đến thi văn ông mà tôi mê mết, ông lễ vẻ hơi khó chịu nhưng kín đáo, lễ độ. Ông chỉ thích nói những chuyện rất thông thường hàng ngày rồi hỏi tôi về cách luyện tập trong thủy-quân, nơi mà tôi mới nhập ngũ. Tình cờ biết hôm ấy tôi trốn ra không giấy phép, ông châu mày nhắc nhở tôi tinh thần kỷ luật trong quân đội phải được tôn trọng.

Tôi tui ngưu đứng im. Tôi không ngờ con người nền nếp, đề dặt, có khác gì mọi người cùng

G. GEORGES SÉFÉRIS

một hạng tuổi lại có thể « đề » ra những vần thơ xốt xa thống khổ tự do và tươi đẹp như trong bài « Tình ca » (Cantique d'amour) hay « Citerne »

Trong mấy tuần sau, tôi vẫn không hết ngạc nhiên. Ngôi biệt thự giữa rừng thông xanh um đầy ánh dương nằm trên gành cao sát bờ biển là nơi ông về nghỉ mát, tình cờ lại ở gần chỗ tôi trú quân. Ngày nào tôi cũng thấy ông và vợ ông, một người hiền lành, với giọng nói nhẹ nhàng, với mái tóc vàng hoe duyên dáng. Tôi đã nhiều lần gặp ông, nhưng cũng như lúc ban đầu, tôi rất tiếc là không nghe ông đề cập đến các vấn đề gì về trí thức. Tôi đâu có thể đoán được vào khoảng này chính là lúc ông đang viết thiên trường thi « Kichli » (Con chim họa mi) một trong những tác phẩm hay và chín chắn nhất của ông. Mãi về sau tôi mới biết « tật » của ông, thường lánh mặt lúc làm việc. Khi viết văn ông đi đi lại lại trong phòng và đứng viết ở một cái kệ dành riêng.

Mấy năm trôi qua, tôi mới đi sâu vào, tìm hiểu được con người kỳ dị ấy và thấy rằng những nhận xét lâu nay của tôi đều sai lạc cả.

Nếu ông thường đề dặt gói ghém tính đa cảm và các mối suy

tư của nhà văn của ông là do tánh ngại ngùng, khiêm tốn, hay sở thích, hoặc do một tài năng tân tiến và thực dụng, khác hẳn những « văn nhân đồn mạt » chỉ biết phô trương, bay bướm.

Ông Séféris rất ghét bàn về những học thuyết, chủ nghĩa này nọ hay những lối tiên tri, ước đoán lơ lửng. Ông không cho rằng muốn thành thi sĩ phải tách rời nếp sống đơn giản, khiêm tốn, ăn mặc, cư xử như mọi người, biết mỉa mai cười cợt, và cũng như mọi người trong xã hội, biết làm nhiệm vụ hằng ngày của mình.

Ông Séféris tốt nghiệp ở Đại-học Balê nhưng lại có những mối tương ứng với người Nhật-nhĩ-man. Trong các sáng tác phẩm ông, cũng như trong cương vị một nhà ngoại giao, ông luôn luôn đi sát vào vấn đề — dù là một thiên hùng tráng hay một giấc mơ, là tình yêu hay một vấn đề chính trị quốc tế — ông đã lấy kinh nghiệm làm phương châm, tránh lối sáo ngữ trong hình thức, và lúc đưa ra nhận xét, phân tích, không khi nào có thiên kiến.

Trong những cáo luận về văn chương của ông đều thấy những điểm đặc biệt này.

Thái độ ông đối với vấn đề Chypre đã làm sáng tỏ tinh thần chính

trực ông. Năm 1955, nhân du lịch đến đảo này, ông rất xúc cảm trước cảnh máu đỏ thịt rơi giữa dân Hy-lạp và nhà cai trị Anh quốc, nên muốn đi sâu vào việc điều tra riêng.

Ông đi khắp đó đây trên giải đất đang sục sôi máu khởi nghĩa, chỗ nào hẻo lánh xa xôi cũng không từ, khai thác các kỷ sự cũng như các tài liệu quý giá xưa, hỏi han tỉ mỉ từng người dân, với một thái độ ưu ái, chú ý đến từng câu khẩu hiệu mặc dù không tin tưởng, không nghe theo những lập luận sẵn có. Ý của ông là muốn hiểu thấu đáo địa phương, thấy rõ đặc tính Hy-lạp trong huyết quản người dân ở đây, trước khi có một thái độ dứt khoát.

Sau cuộc điều tra khó khăn công phu ấy, tự nhiên ông cảm thấy tình yêu đảo Chypre rào rạt vươn lên và nhận chân chính nghĩa của cuộc nổi dậy của người Hy-lạp.

Ông đã tô điểm bao nhiêu cảm tình ấy trong một tập thơ về Chypre, với một giọng vô cùng cao thượng, không một mảy may vụng về lạt lẽo, hay chứa đựng cái thô thiển của một chủ nghĩa quốc gia nông cạn, sơ cấp đã từng khích động một số nhà trí thức Hy-lạp thời bấy giờ :

*Hỡi các bạn đang vui thân trong
khởi lửa*

*Trên bãi bờ hoang vu mà mây
đen bao phủ*

Tôi nhớ các anh

Khi hoàng hôn rủ xuống

Các anh, những người

*Đã ngã gục trước làn tên mũi
đạn*

*Hay sáu tháng năm lặn lội chiến
trường*

*Hay còn thấy lại ánh bình minh
Qua giá sương của cõi chết !*

*Trên cát sạn ấy, chúng tôi chỉ phải
quên thôi.*

Còn nhắc làm gì đến nữa ?

Ý muốn của kẻ mạnh

Còn ai có thể chuyển lay ?

Còn ai nói mà họ chịu nghe ?

Kẻ này mặc sức ước mơ

*Ngờ đâu ác mộng kẻ kia tràn
đầy !*

Nỗi đắng cay của ông đối với các đồng minh xưa, tạm thời là thù địch, chỉ đến đó là cùng.

Thật ra, ông Séfêris đặt vấn đề về các thắng trận quốc gia bằng một phạm vi khác nên nhận đó, nhận ra giới hạn của các biến chuyển ấy một cách sáng suốt hơn. Ông sinh trưởng ở Smyrne năm 1900 nhưng lúc lớn lên lại bị mất gốc nhân cuộc di cư vĩ đại của một triệu dân Hy-lạp gốc Tiểu Á

sang lãnh thổ Hy-lạp trong những ngày đầu của Đệ nhất thế chiến. Có phải chăng nguồn gốc ấy và do sinh trưởng trong một giải đất bị ngoại bang thống trị hằng mấy thế kỷ, đã un đúc nên con người dũng cảm, lúc cần phản ứng thì phản ứng chậm chạp nhưng vững chắc, rất khôn khéo nhưng cái khôn khéo nhẫn nại, bền bỉ. Và cũng do nguồn gốc ấy mà tâm tư ông lúc nào cũng ưu sầu, nỗi sầu nhớ quê hương triền miên của kẻ phải xa lìa vĩnh viễn quê cha đất tổ như trong hai câu sau đây (tạm dịch):
*Ngày đấy cuộc bể dâu còn đâu ?
Tìm đâu ra sông nào sâu cho
thuyền ta lướt sóng ?*

Tuy nhiên, không phải vì thế mà Séfêris, lúc nào cũng ôm mối tuyệt vọng : ông đã luyện mình thành sắt đá bằng một kỷ luật riêng.

Vốn con một giáo sư luật học, ông cũng học nổi nghề cha, nhưng sau đó lại đổi nghề và trở thành một nhà ngoại giao xuất sắc. Thói thường người ta hay cho rằng là thi sĩ không nhiều thì ít cũng « mất thăng bằng » về tinh thần hay trí tuệ nhưng đối với ông lại khác hẳn. Văn nghiệp rạng rỡ của ông đã chứng minh con người rất đều hòa vững chắc.

Đã 30 năm nay, ông đã tạo ra

được một ảnh hưởng khá sâu xa ở Hy-lạp. Đó là do kỹ thuật của câu thơ ông. Đệ tử ông rất đông và những kẻ bắt chước ông cũng không ít. Chính ông là người đầu tiên nhập nội vào Hy-lạp nền thi văn mới ngày nay, một mặt bằng các sáng tác phẩm ông, mặt khác do các bản dịch của ông về Eliot.

Từ những ngày đầu, văn phẩm ông đã đứng vào hàng tiên phong : Khuôn khổ bạo dạn, ý văn lẫm lức khó nhận ra, vắng hẳn cái đa cảm thông thường, đề mục có khi phản cả thi pháp. Tất cả cái mới mẻ ấy đã gặp phản ứng của văn pháp nặng nề cổ truyền.

Nhưng mặt khác lại là liều thuốc hồi dương, kích động các tâm hồn trẻ trung luôn thêm khát cái gì mới lạ.

Chính ông đã nêu lên được cái âm điệu của từng chữ, cho ta thấy cái bi thảm có thể diễn tả một cách rõ ràng văn tắt và lộn trần ra được, và một lời xác nhận dù có xa thực tế chẳng mà khéo thì thăm kín đáo, còn có mãnh lực gợi cảm hơn là cả tu từ tràng giang đại hải một lối mà những nhà văn tiền bối ta đã quá quen thuộc.

Tuy nhiên sự nghiệp ông Séfêris không chỉ đóng khung trong vai trò một bậc thầy của thi pháp, và

ảnh hưởng của ông không chỉ trong đám văn nhân. Thì văn ông, lúc tuổi 20 đọc say mê thế nào thì giới 40 cũng hào hứng không kém. Nhưng làm sao giải thích được ảnh hưởng bao la ấy?

Trước hết là phải tìm cho ra bí quyết. Ông Séféris dạy cho ta thấy cái gì mà lâu nay ta không từng thấy, màu sắc và ý nghĩa của một tảng đá, ý nghĩa sâu kín cuộc viễn chinh thần bí của quân Arganante xa xưa chạy theo số mạng.

Nhìn quanh nhân loại, đi sâu vào lịch sử kể cả truyền kỳ bằng con mắt không ảo giác nhưng can đảm, hiểu biết và đầy trắc ẩn, ông đã đề lộ ra một vũ trụ công bình hơn, cân đối và đầy đủ hòa hợp hơn nếu không nói là cao thượng hơn.

Trong lúc giúp ta nhận xét và hiểu biết thế gian hơn, (hiểu theo nghĩa hiện hữu chứ không phải theo lý đoán) ông đã tạo cho ta một nguồn cảm giác mới, một cảm giác không phải nguy tạo, yếu hèn, nhưng cứng rắn, nghiêm khắc, không có lối phô trương cảm xúc thái quá như thiên hạ thường quen. Nó làm ta nhớ lại những mộ bia của thời cổ điển, trong đó, mỗi chữ chỉ đều có chừng mực, sự buồn thảm được đề nén nhưng không phải không đoan trang thống thiết, và cái chết được xem

là quá vô lý không còn trái ngược với sự xác nhận của cái sống. Đó là một lâu đài vô giá mà con người tự do phải chiêm ngưỡng.

Séféris, con người lưu vong đã từng sống và chịu đựng nỗi vui buồn của thời đại, cũng là một trong những nhân tài hiếm hoi, điển hình của nhân loại. Ông còn là một siêu nhân của đời nay và của mãi mãi trong đám người đời.

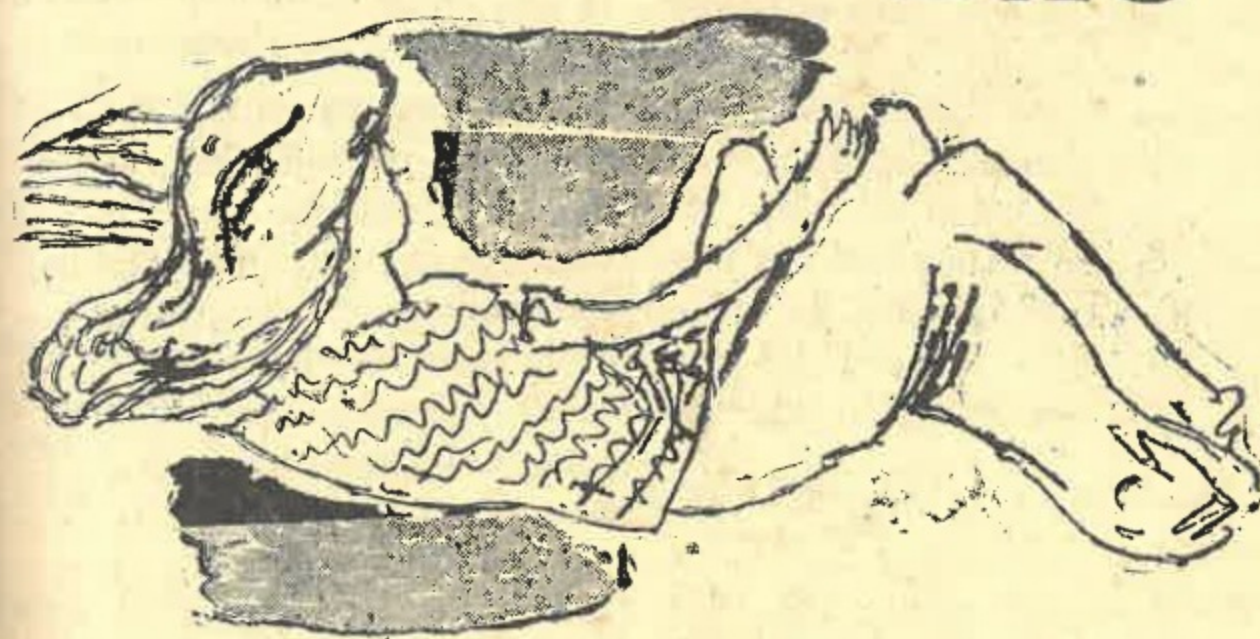
Thăm nhuần kinh nghiệm của đất nước, với lối chọn đề mục khác lạ, với lối văn trong các bút ký về lịch sử, ông lại còn là một thi sĩ bác lãm, toàn thông toàn trí.

Như ông Georges Spyridaki đã nhận xét trong tập *Hy-lạp và nền thi văn hiện đại*: « Tất cả cái gì đã làm ra, sáng chế ra, và do đó óc con người suy nghĩ ra, dường như là của Séféris ».

Với một nhãn quan bao quát, tiên kiến, lối diễn tả hay lối kèm thúc khéo léo nổi xúc cảm, với giọng châm biếm sâu sắc, ông đã dạy chúng ta hơn cả chỉ biết suy nghĩ mà thôi. Ông còn dạy ta khôn ngoan, cái khôn ngoan bao quát, kết tinh của trí tuệ sáng sủa, đúng cảm, biết tôn thờ lẽ phải, công bình mức độ.

Tóm lại, ông dạy chúng ta làm người vậy.

(Theo PREUVES)



TRUYỆN NGẮN

* Mỹ-Khanh

VỚI ý nghĩ còn chút ít hy vọng cuối cùng, Thùy lại cảm cúi đi, mặc cho đôi chân đã mỏi.

Giữa cảnh tấp nập của phố phường, nàng cảm thấy mình bơ vơ, đơn độc. Những màu sắc tươi trẻ, rực rỡ trên mỗi con người, trên quần áo khách qua đường, của hàng hóa sang trọng bày trong các cửa hiệu càng làm nàng xót xa cho thân phận. Thiên hạ nô nức mua sắm thức ngon vật lạ để cùng gia đình tận

hưởng những ngày xuân mới đâm ấm sắp về. Họ chẳng nghĩ đến những kẻ bên cạnh họ, có những kẻ đương vất vả với cuộc sống như Thùy. Càng đi, Thùy càng thấy phố xá tưng bừng hẳn lên với muôn nghìn âm thanh hỗn loạn. Hết đường Khải Định, nàng tần ngần dừng bước, mở ví tay lục tìm xem lại địa chỉ của Lợi. Trên mảnh giấy nhỏ nhàu nát, còn lơ mờ mấy chữ số ghi bằng bút chì: « 215, Đại lộ Độc lập » Thùy lầm nhẫm đọc cho

nhớ, rồi thần thờ vò mảnh giấy vút bên lề. Nàng nghĩ về Lợi rất nhiều và thử tưởng tượng cuộc gặp gỡ lát nữa đây, giữa nàng và người đàn bà ấy. Không biết thời gian biến chuyển, cảnh ngộ đổi thay, Lợi sẽ đối với nàng ra sao? Thùy hơi yên tâm khi chợt nhớ lại rằng đã nhiều lần, Lợi nhắn tin với kẻ này người nọ mời nàng đến chơi.

Hồi thấy mẹ Thùy còn sống và làm ăn phát đạt ở quê nhà, Lợi chỉ là đứa giúp việc mới mười sáu tuổi. Nó quá liến láu gần như chanh chua, mấy chị em Thùy đều không ưa nó. Có khi nó bắt nạt cả Thùy lúc vắng mặt người lớn vì Thùy nhỏ hơn nó đến năm tuổi và mẹ Thùy vẫn bảo Thùy gọi nó bằng chị. Mẹ Thùy thì không đếm xỉa chút khuyết điểm về tính hạnh của đứa tớ gái, bà thích nó ở chỗ nó làm việc khỏe, nhanh chóng mà lại khéo léo. Nhưng Lợi chỉ ở trong gia đình Thùy được bốn năm thì bị cha mẹ gọi về gả lấy chồng. Nghe đâu cuộc hôn nhân ấy chỉ là một sự cưỡng ép. Ngày nó từ giã nhà Thùy ra về, nó khóc sụt sùi và cứ dửng dưng mãi từng đoạn đường khiến người mẹ nó lờ xềnh xệch, nó mới chịu đi. Lũ trẻ

trong xóm được một bữa nơ cười, chạy theo hai mẹ con ra mãi ngoài đường cái. Chị cả của Thùy hứ một tiếng:

— « Con gái như con này về sau dám hư thân mất nết lắm nghe! Cô à chắc là mê thằng nào, rồi chê cái thằng chồng đi hỏi nó! »

Chị hai và chị Tư cũng chen vào mỗi người mỗi câu không kém, chung qui cũng là ý kiến mặt sát đũa cọng gái lẳng lơ, dám cãi lệnh cha mẹ.

Duy mẹ Thùy lại nhìn theo Lợi mà chép miệng:

— « Biết đâu đó, biết đâu sau này nó nên cửa nên nhà tử tế! »

Chị cả bĩu môi:

— « Tử tế gì nó, cái mặt lạnh chanh phát ghét! »

Thùy nhớ ngày ấy mẹ và các chị cãi nhau suốt buổi sáng về chuyện con Lợi. Riêng Thùy, nàng chẳng có ý kiến gì cả, nàng chỉ biết rằng không có đứa giúp việc, từ nay nàng sẽ trở thành cái chân sai vặt cho mấy chị vì nàng nhỏ tuổi nhất nhà.

Bây giờ mẹ chết, các chị lấy chồng. Chị nào cũng vất vả với lũ con đàn con đống, với những ông chồng thuộc hạng bê tha, không ra gì. Minh Thùy út út

lớn lên trong cảnh gia đình suy sụp.

Một người chị em họ rủ nàng bán cả cơ nghiệp chung ít vốn với cô ta ra thành phố buôn bán sinh nhai. Bản tánh thật thà chất phác, lần lần Thùy bị cô em lấn át chiếm đoạt gần hết chỗ vốn đến nỗi Thùy mang trọn món nợ năm nghìn đồng! Thùy chán nản, muốn trở về quê thì miền quê nàng kém an ninh, dân chúng ở đấy phần đông đã tản mác cả. Nghĩ đến quê hương, Thùy cảm thấy mến yêu, nhớ nhung tha thiết một cái gì hiền lành, dịu dàng, chân thật, mặc dù quê hương nàng nghèo túng, chỉ gồm toàn những đồng đất khô cằn và những con người cằn cù lam lũ. Bao nhiêu năm chung đụng với thị thành, Thùy đã ngao ngán nhiều rồi. Toàn là sự giả tạo bề ngoài, chứa đựng bên trong đau khổ, nghèo nàn, và đôi khi tội lỗi.

Thùy sống vất vả vất vưởng nay nhà người bà con này, mai nhà người bạn khác mong tìm một công việc hầu nuôi thân, dù là việc khó nhọc. Cực đến đâu, Thùy tự hứa là sẽ gắng làm, nhưng còn món nợ, món nợ ghê gớm vẫn ám ảnh. Thùy từ bao lâu nay, biết lấy gì

trang trải? Số tiền năm nghìn, đối với kẻ sang giàu thì chẳng có nghĩa gì, nhưng đối với nàng làm sao tạo cho đủ, để kịp thanh toán cho chủ nợ trước mấy ngày Xuân.

Thùy khó chịu khi nhớ lại về mặt nặng nề, khinh khỉnh của Bà Năm. Từ thuở bé đến bây giờ hăm mấy tuổi đầu, Thùy chưa hề bị ai la mắng, nhiếc móc, nhất là về việc chầy lười tiền nong. Thế mà hôm ấy, sau khi nghe nàng than thở xin khát thêm một tháng nữa, Bà Năm buông một câu:

— « Cái người coi vậy mà cửa nợ quá, hện, hện hoài đến già chắc! Bộ cô thấy tôi dễ quá rồi cô không lo chóe chi? »

Thùy lặng người, đứng yên không một phản ứng. Một niềm tủi hổ xốn xang dâng lên, và tự nhiên, lệ nóng trào ra, mờ cả mắt nàng. Bà già cay nghiệt đó vẫn chưa chịu buông tha nàng. Hình ảnh một cô gái đứng khóc trước mặt bà đã không làm cho bà mấy may cảm động, thương xót mà lại càng làm cho bà ghét thêm:

— « Cô còn định lấy nước mắt cá sấu mà dọa ai? Tôi, tôi nói nhất định, hôm nay đến

Tết mà cô không trả nôi, tôi không đề cô yên ».

Cho đến hôm nay, còn mười ngày nữa là cuối năm. Thùy bắt đầu cuống quýt. Sau nhiều lần chạy vay mấy nơi quen biết, Thùy thất vọng mỗi khi cáo từ ra về. Trong trí nàng còn in hoài bộ mặt nhăn nhó của người bạn đương than thở kêu rêu với nàng, kẻ lẽ hăng trăm món tiền phải chi tiêu với số lương chừng nọ chừng kia. Có kẻ tiếp đãi nàng niềm nở, lịch thiệp lắm, tưởng chừng như có thể sốt sắng giúp nàng, nhưng rốt cuộc chỉ là một câu đưa đẩy mát đến tận ruột gan, và nàng buồn bã bước ra khỏi cửa, không muốn quay nhìn lại căn nhà mà mình đã đặt vào đấy khá nhiều hy vọng.

Và cuối cùng, Thùy tìm đến Lợi. Do một người bà con kẻ lại, Thùy biết Lợi bây giờ giàu có, đứng chủ một cửa hàng buôn lớn, và mảnh giấy ghi địa chỉ là do Lợi trao cho người đó cách nay đã hai ba tháng. Nhưng đạo đó, Thùy do dự mãi. Nghĩ đến hoàn cảnh mình, nhìn xuống tấm áo bạc màu sờn cả đôi vai Thùy lắc đầu: « Không, mình không bao giờ tìm đến, mình không nên đến những chỗ ấy,

họ sẽ khinh mình. Nếu họ có giúp mình chẳng nữa, họ cũng giúp với tính cách thương hại với tấm lòng bố thí của người giàu đối với kẻ nghèo. Chẳng thà mình chạy chọt, vay mượn những nơi khác hoặc những người cùng buôn xuôi bán ngược như mình! » Có vài kẻ biết chuyện, cho là Thùy thuộc hạng gần dờ, hạng khí khái hào. Họ góp ý kiến với nàng:

— « Đời này mà chị hơi đâu! Tiền trước nhân nghĩa sau mà. Họ có thật tình quý mến chị, mới hẳn nhe mời mọc hoài chứ! »

Thùy chỉ cười, vững tin nơi lòng mình. Nhưng hôm nay, những ngày cuối năm như đi nhanh hơn ngày thường, lời đe dọa, nhểch mắng của bà chủ nợ không còn giữ tâm hồn nàng bình tĩnh được nữa.

Sắp bước sang ngã rẽ qua đại lộ Độc-Lập, mắt Thùy hoa lên vì quang cảnh tấp nập của một hàng vàng đang đông khách. Các bà các cô xôn xao trả giá, ướm thử những món nữ trang vào tai vào tay, vào cổ. Có những ông chồng cùng ngắm nghía, chọn lựa những mẫu hàng với vợ. Có những cô gái ăn mặc sang trọng nũng nịu bên đức phu quân đòi

mua chiếc nhẫn ngọc này, chiếc vòng nạm kim cương kia. Thùy mơ màng một thời xưa, đã xa bây giờ, mẹ và các chị nàng cũng từng duyên dáng với các vật diễm trang ấy. Chỉ có nàng là hăm hiu nàng lớn lên trong sa sút, trong đơn độc. Thùy rung rung... Một tiếng chuông ren của chiếc xích lô vừa xát lên lưng khiến nàng giật mình bước vội vàng lên hè phố. Những ý nghĩ bị cắt đứt.



Thùy ngồi một mình trong phòng khách, đưa mắt nhìn chung quanh. Những đồ đạc bày biện đều sang trọng và quý giá khiến nàng bối rối và có ý ăn hận về sự đến đây của mình. Từ chiếc tủ gương bóng láng đứng ngẫu nhiên một góc phòng, đến bộ bàn ghế kiểu tối tân kê chính giữa, những khung ảnh phong cảnh lồng kính treo trên vách, tất cả, đối với Thùy đều có một vẻ kiêu hãnh, lạnh lùng. Chúng không thể nào tưởng được rằng xưa kia, đã có thuở, bà chủ của chúng từng đem thân đi làm tôi tớ cho người khách đạm bạc ngồi đây. Cả hai tấm hình bán thân rọi lớn treo đối diện nhau, mà Thùy đoán là hai vợ chồng Lợi. Người đàn bà trong ảnh nét

mặt đầy đặn, cười rất tươi phô hai hàm răng trắng giữa hai vành môi hơi dày. Không còn đâu vẻ bần hàn của một thời cơ cực. Ảnh người đàn ông cũng đường hoàng, phong lưu không kém, duy đôi má hơi gầy, khuôn mặt xương xương và đôi mắt đắm chiêu có vẻ nghĩ ngợi hơn người đàn bà.

Tiếng dép lép kẹp khua ngoài cửa khiến Thùy đứng dậy. Bất giác nàng cúi nhìn bộ quần áo giản dị và đôi guốc sơn mộc mạc của mình. Một chút khó chịu thoáng qua rồi tắt ngay, khi một giọng cười dòn dã cùng với người đàn bà bước vào phòng:

— Trời ơi, Cô, Cô chờ tôi có lâu không?

Rồi chưa đợi đề khách trả lời, Lợi nói luôn một hơi, giọng trách móc thân mật của những người có lòng mong mỏi nhau:

— Tệ quá thì thôi, tôi nhẫn nại, sao cô không thêm tới, bộ cô sợ tôi không dọn nôi cơm cho cô ăn sao?

Thùy cười nói nho nhò:

— Em đâu dám nghĩ xấu cho chị. Em mắc lo... Lợi cướp lời:

— Lo chi, cô mà lo chi đến nỗi không đến tôi chơi được?

Thùy chưa có thì giờ phân trần

thì Lợi nhìn nàng suốt một lượt từ trên đầu xuống chân, liến thoắng, khiến nàng nhớ lại con bé Lợi ngày nào ranh mãnh, lanh chanh giúp việc cho gia đình nàng.

— Chà, 15 năm không gặp, cô lớn quá! Có chồng chưa?

— Em chắc còn lâu. Chị cũng thay đổi quá nhiều, nếu gặp chị thỉnh thoảng, em nhìn không ra. Ngay cái chỗ ở của chị, giá không biết trước, có lẽ em không dám vô.

Lợi cười, phô hàm răng trắng, giữa cặp môi dày tô son đỏ thắm.

— Thì ở đời, thiếu chi sự thay đổi lớn hơn nữa mà cô ngạc nhiên. Con người có lúc, con sông có khúc mà cô!

Sau những câu thăm hỏi về gia đình Thùy, Lợi kéo tay nàng đi khắp nhà, chỉ chỗ này chỗ nọ. Đâu cũng bày sự giàu sang dư dật của đồng tiền. Thỉnh thoảng Lợi liếc nhìn Thùy, mỉm cười một cách kín đáo ngụ ý khoe khoang kiêu hãnh của Lợi, mà lại muốn tỏ mò biết rõ hoàn cảnh nào đã đưa người tớ gái đến đây.

Lợi thuật lại cho Thùy nghe những gian truân của mình khi phản đối cuộc hôn nhân ngày

xưa ở quê nhà, và đời phiêu lưu vong xứ của nàng trước khi đến thành phố này Lợi. từng đi ở tại Saigon, đi bán kẹo tại Nha Trang, bán bánh mì tại Qui-nhơn rồi rồi cuộc, bán giải khát tại Quảng Ngãi. Nơi đây, Thùy gặp người chồng thứ ba và ăn ở với người ấy đến bây giờ. Anh ta hiền lành thương yêu vợ, có óc kinh doanh. — Tôi làm ăn khá là nhờ có ảnh cô à! Lợi vừa nói vừa kéo Thùy chỉ tấm hình treo ở phòng khách, đối diện với hình nàng. Như chợt nhớ ra một điều, Thùy quay hỏi Lợi lúc ấy đương chăm chú nhìn ra ngoài cửa, có vẻ suy nghĩ.

— À, mà chị được mấy cháu rồi, này giờ vô tình em quên mất.

Lợi buồn rầu:

— Bây, tám năm nay trông hoài chẳng có mụn nào cả, không biết tại sao kẻ nghèo lại con đàn con đống, mà tôi thì Trời Phật chẳng ban phước cho.

Thùy cười:

— Chị còn trẻ mà khéo lo. Đến hồi Trời cho thì nuôi lại chẳng hết.

Lợi nói, giọng nghiêm nghị, thành khẩn:

— Thiệt, bây giờ giá phải đổi

gia tài sự nghiệp để sinh một đứa con, tôi cũng không tiếc.

Mấy tiếng gia tài sự nghiệp của Lợi nhắc Thùy nhớ đến món nợ đương thúc hối, và cái mục đích đi thăm Lợi của mình. Những câu chuyện mở đề cho sự hỏi vay mượn người tớ cũ, mặc dù được sắp xếp có lớp lang lúc ở nhà, bây giờ vẫn làm Thùy ngượng ngùng, giữ lại trong cổ.



Mấy lần nàng đứng dậy định ra về, mấy lần nàng tự nhủ hãy ngồi êm ít phút, tìm cơ hội thuận tiện bày tỏ nỗi mình. Nàng giở tập album xem, tay lật qua lật lại, mắt nhìn vào những tấm hình mà tâm trí đề đầu đầu. Mãi suy nghĩ, đèn trong phòng đã bật sáng từ hồi nào, và Lợi tươi cười bước vào mời Thùy sang phòng bên dùng cơm tối:

— «Lâu quá mới gặp cô, thế nào cô cũng phải ở chơi với tôi đêm nay, sáng hãy về. Mình còn nói chuyện nhiều với nhau

mà ».

Thật tình Thùy chẳng muốn ở lại, nhưng với ý nghĩ còn chút hy vọng sự hảo tâm của Lợi sẽ gỡ mình thoát cảnh ngặt nghèo, nàng gượng vui lòng.

Bữa cơm sang trọng chẳng làm Thùy ngon miệng chút nào. Hơn nữa, sự có mặt của chồng Lợi làm nàng khó chịu. Anh ta ăn mau, không nói chuyện cả với vợ, hình như vội vàng đi tính toán công việc làm ăn một nơi nào. Thùy có cảm tưởng như anh ta khinh bỉ nàng, đoán biết được mục đích nàng, đến đây là nhờ vả vợ chồng anh ta. Trái lại, Lợi nói cười luôn miệng mời mọc Thùy món này món nọ, lên tiếng sai bảo người nhà ra về tiếp một người khách quý. Cứ chỉ đó phần nào cũng làm dịu đi nỗi hậm hực tức tối của Thùy đối với người đàn ông.



— «Hăm bảy tháng chạp rồi!»

Thùy ngồi dậy trên giường, tấm chăn còn đắp trên đôi chân vì hơi gió lạnh ban mai lọt vào gian cửa khép hờ. Bà chủ trọ gánh hàng đi chợ từ bao giờ nàng cũng chẳng hay. Nhà vắng quá. Cái yên lặng hoàn toàn trong gian phòng nhỏ bé, ngại

ngái mùi ẩm ướt làm Thùy liên tưởng đến lao tù. Hình ảnh Bà Năm hiện ra bên ngưỡng cửa. Nàng rùng mình.

Nghe đôi mắt nặng nặng, Thùy vớ chiếc gương treo ở đầu giường thử soi, Thùy thấy mình tiêu tụy quá.

Đã mấy đêm nay nàng không ngủ được, nước mắt nàng đã đổ nhiều, tuy nàng không muốn khóc. Kể từ hôm ở nhà Lợi về, tâm hồn nàng xáo trộn bởi một việc không ngờ. Thật nàng không ngờ Lợi lại trắng trợn nói ra với nàng cái ý đó. Bây giờ, Thùy quên mất Thùy đã làm những cử chỉ gì khi nghe Lợi nói, Thùy chỉ nhớ rằng giọng người đàn bà ấy tha thiết và chân thật vô cùng.

« Lợi đáng thương! » Thùy nghĩ thế. Thùy không giận Lợi, chỉ xót xa cho mình. Hăm sáu, hăm bảy tuổi đầu, nàng chưa hề biết đến tình duyên như bao người con gái khác. Ai thềm đề ý đến nàng. Giữa chốn thị thành tưng bừng rực rỡ, nàng giống như một loài hoa dại giữa rừng hoa quý muôn sắc muôn hương. Chưa ai nói với nàng một lời thân yêu, ân ái. Những người con trai đi qua đều hình như không biết có nàng. Lâu rồi,

thuở 16, 17 tuổi ở quê nhà, thỉnh thoảng vài người trai làng chọc ghẹo. Thùy cũng đã có những cảm giác êm dịu lúc ban đầu. Nhưng những cảm giác đó chỉ mong manh như sợi tơ nhện, một luồng gió thoảng qua làm chúng tan biến đi, không để lại dấu vết gì trong lòng người con gái. Cảnh sống lặn dạn, xuôi ngược làm Thùy quên nghĩ đến thời gian. Bây giờ hai mươi bảy cái xuân, nàng vẫn còn là một thiếu nữ trong trắng. Đôi khi mơ màng đến tương lai, Thùy vẫn tưởng tượng ra một tổ ấm có người đàn ông là chồng và nàng là vợ, cùng nhau hạp ý hạp tình chung lo hạnh phúc. Không bao giờ nàng nghĩ đến, nàng có thể tưởng tượng được cái điều ọi nói ra kia:

— Nàng và Lợi sẽ cùng chung một người chồng!

Duyên đầu của nàng hăm hiu đến thế kia ư? Nàng xấu xa hư hỏng gì mà không lấy được một người chồng xứng đáng? Nàng nghèo thì sẽ lấy chồng nghèo, có sao đâu, miễn là người ấy hiểu được nàng, cả hai cùng sống tự do vui vẻ. Phận lẽ mọn nàng chán bit rồi, không gì

bằng một người con gái đi chia xẻ tình yêu, hạnh phúc của người khác. Huống chi!... Thùy không dám nghĩ hết câu... Cha mẹ nàng, con Lợi, người chồng của nó... Không, Thùy chẳng bao giờ. Với ý nghĩ quyết định, Thùy cảm thấy vui vẻ, hồn thanh thản, bước ra ngoài mở rộng cửa như muốn xua đuổi nỗi bức dọc chán chường.

Ngoài phố, người đi lại tấp nập. Xe cộ đua nhau chạy như đề bù lại mấy ngày qua trời mưa lạnh phải ngừng hoạt động. Chợt có tiếng vài người đàn bà chửi nhau, nứu kéo nhau ở một góc đường. Trong chốc lát, chung quanh họ đã thành một vòng người đông nghịt, Thùy cố gắng nghe thì ra một đám đòi nợ nhau tất niên. Người đàn

bà cao lớn, lúc bấy giờ được cảnh sát lôi ra khỏi vòng người, còn giơ tay lại xĩa xối:

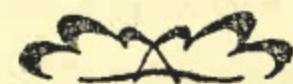
— Đồ khốn kiếp, quân ù lì, mồng một tao đến nhà cho biết tay!

Thùy nhớ lại món nợ của mình. Nàng chưa chát:

— Phải, ù lì, hể nghèo khổ không trả được nợ là ù lì hết! Mình cũng là quân khốn kiếp đây!

Những hình ảnh Bà Năm, vợ chồng Lợi, cha mẹ nàng, lần lượt nổi đuôi nhau diễn qua trước mặt tuần tự như một cuốn phim, rồi tắt hẳn.

Thùy mím một nụ cười đầy nước mắt, nhìn ra ngoài đường. Màu trời xanh lơ, đẹp rực rỡ trong tiết đầu Xuân.



● THAN ÔI!

Bạn có biết rằng có người chỉ sống trong một túp lều tranh không biết đọc mà cũng không biết viết, sức lực mỗi mồn vì bệnh hoạn mà không tiền mua thuốc men chữa trị. Hằng ngày, họ làm đồ mồ hôi sôi nước mắt mà họ và con cái họ ăn không đủ no, áo không đủ mặc. Thế mà họ vẫn nuôi hy vọng cho con cái họ được khoẻ mạnh, học hành đến nơi đến chốn được sống một cuộc đời sung sướng và được hưởng hạnh phúc và độc lập cá nhân trong một thế giới hòa bình.

Người như vậy, chúng ta tưởng rằng lạ lùng và hiếm có, nhưng bạn ơi! người ấy và đồng loại của họ chiếm 2 phần 3 tổng số nhân loại trên hoàn cầu này đó. Than ôi!

em là KH thuở xa xôi...



Thuở cắp sách em thích thơ T. Kh
Bài « tigôn » hai sắc nhuộm đau buồn
Em mãi đọc và thuộc lâu tất cả
Những vần thơ dang-dở chuyện yêu đương

Thời gian trôi vẫn cứ lạnh lùng
Bỏ trường em rẽ bến sang sông
Gia đình em ngỡ rằng hạnh-phúc
Chung-thủy ngàn năm sống cạnh chồng

Nhưng có ngờ đâu chuyện ở đời
Em là KH thuở xa xôi
Lòng em trống trải cô liêu quá
Vẫn nhớ phương xa một bóng người

● MỘNG-TỐ-NGA
(Quảng-Ngãi)

nhân-sinh-quan
của

NHÀ NHO VIỆT-NAM

từ cuối thế-kỷ XIX
qua thi-ca

(tiếp theo P.T. 143 và hết)

* Phạm-văn-Son

Khuyh-hướng chính-trị của ông nghệ Chu-Mạnh-Trinh tự Trúc-Vân sinh năm 1862 (chết năm 1905) cũng không khác gì khuyh-hướng của anh em ông Thiếu-Vân-Đình. Và khuyh-hướng hành-lạc của họ Chu cũng tương tự, nghĩa là họ Chu cũng thích làm thơ lãng-mạn và mê say cái thú cầm ca bên cạnh các đào nương trẻ đẹp có lẽ còn hơn anh em cụ Thượng họ Dương.

Người ta kể rằng lúc chưa ra làm quan, ông Nghệ Chu đã có phen lấy mũ áo của bố lên trưng bành với chị em ở phố Hàng Giấy (phố cô đầu cổ cự nhất ở Hà-nội). Sau này hiển đạt Nghệ

Chu dĩ-nhiên la cà ở xóm phần son nhiều hơn. Mỗi lần đi du ngoạn chùa Hương-tích ông mang theo mình ít nhất nửa tá đào nương, nhất là trong dịp trùng tu đền thờ Chử-Đổng-Tử ở Đa-Hòa (Hưng Yên) tự ông đi lùng ca nini, kỹ-nữ để mở cuộc đánh cờ người cho lễ khánh thành thêm « long trọng ».

Tình-cảm đối với thiên-nhiên của Chu-Mạnh-Trinh cũng đáng kể là tha thiết nếu không muốn nói là sâu sắc. Nó đượm chất lãng mạn là lẽ dĩ-nhiên cũng như nặng chất ủy-mị, rồi tình cảm tha thướt mơ màng của Trúc-Vân đã được

diễn tả trong các nhạc-điệu rất êm đềm, những vần thơ rất duyên dáng nó lôi cuốn ta rất dễ dàng.

Xin coi bài ca trù về **Phong cảnh Hương-Sơn**

Bầu trời, cảnh bụi,
Thú hương sơn ao ước bấy lâu nay.
Kìa non non, nước nước, mây mây.

«Đệ nhất động» hỏi là đây có phải?

Thỏ thẻ rừng mai chim cúng trái,
Lững lờ khe yển cá nghe kinh,
Thoảng bên tai một tiếng chày kinh,

Khách tang hải giặt mình trong giấc mộng.
Này suối giải oan, này chùa Cửa võng

Nay am Phật tích, này động Tuyết-quỳnh,

Nhác trông lên ai khéo vẽ hình
Đá ngũ sắc long lanh như gấm dệt.
Thấm thoát một hang lồng bóng nguyệt.

Gập ghềnh mấy lối uốn thang mây.

Chừng giang sơn còn đợi ai đây?
Hay tạo hóa sẽ ra tay sắp đặt?
Lần tràng hạt, niệm : Nam vô Phật.

Cửa từ bi công đức biết là bao!
Càng trông phong cảnh càng yêu...

Tiếp theo bài ca-trù về cảnh chùa Hương, Chu-Mạnh-Trinh còn hai bài lục bát với một số câu dưới đây rất bay-bướm, hoa-mỹ :

Thanh bình gặp hội du xuân,
Én oanh nô-nức xa gần đua nhau.

Thuận dòng ngàn liễu nương dâu,
Một thuyền đàn sách, lưng hầu gió trắng.

Ở đây một điều đáng chú ý : Chu-Mạnh-Trinh đi thăm chùa Hương vì kính Phật, vì cảnh hay vì người?

Dương Khuê cùng cô đào Phàm đi hành hương ở chùa Trấn-Quốc đã viết :

Niệm Nam vô A-Di-Đà Phật,
Niệm Nam vô đức Phật Như Lai,
Nàng vâng thụ giáo thiền trai... v.v...

Chu-Mạnh-Trinh đi chày hội chùa Hương không rõ khoái trá đến bậc nào mà có những câu như sau :

Lên chùa chân bước khoan-khoan
Khi mô, mô Phật, khi tang, tang tình.

Thuyền lan một lá xinh-xinh,
Non non, nước nước, mình mình, ta ta...

Ngoài ra ông còn mơ-ước và đòi hỏi :

Màu thanh vẽ lịch trăm chiều,

Hỡi ai mở khóa động Đào cho nhau!

Khách trần lạc lối cõi tiên,
Họa sau này có nhân duyên chẳng là?

Như vậy mà tin ông Nghè Chu "lần tràng hạt, niệm Nam mô Phật... cửa từ bi công đức biết là bao!" có khỏi lăm chằng?

Mê cảnh trời đất, mê đàn hát, mê người đẹp đến nỗi nghe lạc người ra cảnh, lạc cảnh ra người, tiếng suối chảy thành tiếng đàn phách :

Muôn hồng nghìn tia tung bùng,
Suối khe thét nhạc, thông rừng dạo xênh.

Vẫn chưa đủ! Chu-Mạnh-Trinh còn mê cả cô Kiều qua tác-phẩm của Nguyễn-Du đến nỗi có thể làm tới 20 bài vịnh Truyện Kiều và thêm một bài Tựa cho áng danh-văn này nhường chưa cạn xúc-cảm. Rồi cũng nhờ có những bài vịnh Kiều mà họ Chu nổi tiếng, dĩ nhiên những bài này đã là kết-tinh của một cảm-tình hết sức nồng nàn và chân thành nên nó lâm-lý, tha thiết làm sao! Thật vậy, có coi các bài vịnh Kiều mới có thể nghĩ và nói rằng Kiều trong Đoạn Trường tân thanh đối với họ Chu đã là con người bằng xương, bằng thịt mới liến thi-nhân đất Hưng-Yên mê

say, yêu mến, lưu-luyến đến như vậy. Rồi ông ca ngợi nhan sắc của cô Kiều, bàu chửa cho cô Kiều và còn an-ủi cô nữa, chẳng bù cho ông Nghè Ngô-Đức-Kể và Phó Bảng Huỳnh-Thúc-Kháng đã ra công kết tội Thúy-Kiều là coq dĩ, là kẻ tà dâm không ngớt miệng, không thương sót.

Chu tiên-sinh biện-hộ cho Kiều : Vườn chắt, hoa vườn ra ngoài nhưng vẫn giữ được tiết sạch giá trong :

Xuân sắc mãn viên quan bất trú,
Nhất chi hồng hạnh xuất tường lai...

... «Hoặc có kẻ bảo vì thói nước mây trôi nổi đắm chìm thành ra cảnh đưa lá đón quen thân ;

« Nào có hay đâu hoa hạnh đỏ vượt ngoài tường, nhưng nhị thơm chưa hề trao cho con bướm phấn».

(Hoặc vì thủy đăng vân lưu chi thái, luân nhi vì chi nghinh diệp tổng chi phong Bất chi hồng hạnh xuất tường vị phó hương tâm ư phần diệp).

Tổng vịnh truyện Kiều

Cuốn ngổ rềm xuân trời mấy sương,

Sắc tài chi lắm đề làm gương.
Công cha bao quản liễu thân hiếp
Sự nước xui nên phụ với chàng.
Cung oán nỉ-non đàn bạc-ệnn.
Duyên nay run rủi lưới liễn-đườn.

Hai bên vện cả tình trung hiếu.

Đem bắc đồng cân đáng mấy
vàng ?

Vậy mà trong giai-đoạn n y một
bạn đồng-niên của anh em họ
Dương, họ Chu là cụ Tam
Nguyên Yên-Đồ (tục gọi là cụ
Thượng Và) đã hiểu hơn ai hết
cái lẽ tùy thời xuất sử, không ham
danh lợi của một triều đình hèn-
nhát phản-bội dân tộc, rút về quê
nhà dạy năm ba đứa trẻ, sống
theo lối Đào-Tiềm gởi gắm tâm-
sự cao-khiết vào những lời thơ
dưới đây :

Mẹ Mốc

So danh giá ai bằng mẹ Mốc ?
Ngoài hình-hài gấm vóc cũng thêm
ra.

Tấm hồng nhan đem bôi lấm, xóa
nhòa :

Làm thế để cho qua mắt tục
Ngoại mạo bất cầu như mỹ ngọc.
Tâm trung thường thử tự kiên
kim,

Nhớ chồng con muôn dặm xa tìm,
Giữ son sắt êm đềm một tiết.
Sạch như nước, trắng như ngà,
trong như tuyết.

Mảnh gương trinh vằng vặc
quyết không nhờ.

Đắp tai ngảnh mặt làm ngơ,
Rằng khôn cũng kệ rằng khờ cũng
thấy.

Khôn em để bán đại này.

Ông tiến sĩ giầy

Khéo chú hoa man khéo vẽ trò.
Bốn ông mà lại đủ thặng cu

Mày râu vẽ mặt vang trong nước
Giấy má nhà bay đáng mấy xu ?
Bán tiếng mua danh thầy lũ trẻ
Bảng vàng bia đá vẫn ngàn thu...

Tự trào

Chặng khó chẳng giàu cũng chẳng
sang.

Chẳng gầy chẳng béo chỉ nhàn-
nhàng

Cờ đang dở cuộc không còn
nước

Bạc chữa trâu canh đã chạy làng
Mở miệng nói ra gần bát sách,
Mềm môi đánh mãi tit cung
thang

Nghĩ mình lại gớm cho mình nhỉ ?
Thế cũng bia xanh, cũng bảng
vàng!...



Và nhà nho đất Hà-nam trước
khi chết đã thanh minh với hậu-
thế tư cách, nhân phẩm nhất là
thái độ chánh trị của mình giữa
cái thời buôn dân bán nước, bon
chen danh lợi bi-ôi bằng lời căn
dặn con cháu trước khi chết :

...Biên vào mấy chữ trong bia,
Rằng : Quan nhà Nguyễn cáo về
đã lâu (1)...

Đề kết-luận bài này, chúng tôi
nghĩ rằng cuối thế-kỷ XIX qua
đầu thế-kỷ XX đã đánh dấu một
cuộc phá-sản nặng-nề trong tinh-
thần đa số nho-giả Việt-Nam.
Khuy-nh-hướng hươ-ong-lạc của các
nhà Nho trên đây là một hiện-
tượng, một sự-kiện tiêu-cực phải
được ghi vào văn-học và Lịch-sử để
nhận-định một sự suy-đổi hết sức
bi-thảm về đạo-đức cũng như
về chính-trị của nhiều kẻ trí-thức
tiền-bối. Ảnh-hưởng của nó đã
hết sức tai hại cho trào-lưu yêu
nước và cách-mạng của dân-tộc nếu
không có những phản-ứng anh-
dũng kịp thời của một số nhà Nho
chân-chính như các cụ Nguyễn-
Thượng-Hiền, Phan-Bội-Châu,

Phan-Chu-Trinh, Nguyễn-Quyền,
Lương-Ngọc-Can v.v... Những
vị trên đây đã vạch lại con đường
hành-chỉ cho Quốc-Dân, đã
chỉnh lại nếp sống tinh thần cho
tầng-lớp lãnh-đạo, nếu không con
cháu là lũ chúng ta làm gì có trái
tự do, hoa độc lập để hưởng thụ
như ngày nay.



1) Cụ Tam Nguyên Yên Đồ sau
một thời gian ngắn ngủi làm
Sơn-Hưng-Tuyên Tổng-Đốc rút
về ở ẩn vì không muốn cộng-tác
với Pháp. Đã nhiều lần Hoàng-
Cao-Khai làm trung-gian cho
Bảo-hộ mời cụ ra làm quan với
tân-trào cụ đều khăng khăng từ
chối.



★ SỬA SÁCH

Có lẽ phải sửa lại hết cả sách sử ký mới được. Mới đây
chính phủ Hoa-Kỳ vừa nhìn nhận rằng (tuy không phải là để
đàng gì) không phải ông Kha-Luân-Bổ (Christophé Colomb) là
người tìm ra Châu Mỹ lần đầu tiên năm 1492, mà chính là một
chàng phiêu lưu Vi-Kinh tên Leif-Ericson đã đặt chân trước tiên
lên đất Labrador vào năm 1000.

'nỗi buồn thế-kỷ

Ta đếm bước thời-gian
Qua cuối dòng thế-kỷ
Buồn như trăng hạ-tuần
Trong cõi đời phi-lý

Cõi lòng ta khoắc-khoải
Giữa mộng đời đôi mươi
Ôm vào lòng mãi mãi
Chán-chường thế-kỷ ơi!

Ta khóc từng đêm thâu
Cho bạc cả mái đầu
Cho linh hồn lịm chết
Bằng tất cả thương-dau

Ta buồn : ta không nói
Vì sợ lắm người ơi !
Khi đời ta hấp-hối
Như chiếc lá vàng rơi

Ta không hề nuối-tiếc
Vì nửa chuỗi thời-gian
Ta chỉ buồn da-diết
Cho cuộc đời dở-dang

Đau-buồn thay : thế-kỷ !
Ta không phải người điên
— Người điên vì thế-kỷ
Ta là kẻ vô duyên

Ta đồ lệ hai hàng
Xóa tan sầu nhân-thế
Cho ta bớt phũ-phàng
Cho đời lên hoa-mỹ

YÊN-BÀNG

NHỮNG MỐI TÌNH ĐÃY MẪU VÀ NƯỚC MẮT



MARIE BASHKIRTSCHEFF

★ Nguyễn-Hương

Mùa đông năm 1782. lấy lợi đều bị tuyết « xâm lăng».
Kinh thành Mạc Tư Khoa Khu phố nhỏ bần hàn nằm
lạnh hơn bao giờ hết, những vạt vèo cuối hoàng môn cổ kính,
hàng cây trơ cành bám đầy tuyết các hoa trắng xóa, khắp
nơi, từ những dãy phố đông đảo tới các khu nghèo nàn
TỪ MỘT CÔ GÁI LÀM MẪU
CỦA DANH HOA K. MOUSSIA
NÀNG TRỞ THÀNH MỘT HOA
SĨ DANH TIẾNG VÀ BƯỚC
LÊN VAI NỮ HẦU TƯỚC

Bonsevitch, cũng chung số phận, những con đường lầy lội, những mái nhà đổ nát tuyết ngập, vài con chó hoang co

ro chịu lạnh, vài chú mèo kêu đói, hình ảnh đầy vẻ ảm đạm thể lương ấy như không hề khiến những tấm lòng vàng ở khu thượng lưu quý phái doái tưởng.

Trong lớp người sống chui rúc khốn đốn ấy, chợt có một người — một thiếu nữ đẹp mỹ miều còi lóp — giống như một nàng Cendrillon, nàng đã từ địa vị cô mồ côi thấp hèn, gặp ánh sáng của một bà tiên khuấy đĩa thần, đưa nàng lên tận đỉnh danh vọng, nàng chính là một người đàn bà mang cái tên lịch sử : MARIE LASINSKI BASHKIRTS - CHEFF — một cô gái nghèo, một nữ kiêu mẫu duyên dáng, một họa sĩ tài hoa lừng danh khắp Âu-Châu và là một hầu tước phu nhân mang danh thần vệ nữ đi vào lịch-sử Nga-la-Tur.

nàng « Cendrillon » may mắn

Tối hôm đó, đại hí-viện hoàng gia tung bừng tổ chức một buổi trình diễn long trọng của đoàn ca vũ « *Filles de Volga* », trong số những đóa hoa hương sắc và cũng là ngôi sao sáng chói của Vũ đoàn người ta đọc thấy tên nàng Palynsker Chouckine, do đó khán giả toàn là hàng vương giả

và sang trọng, thuộc hoàng thân quốc-thích hoặc tướng lãnh cao cấp.

Trong số đó một nhân vật được đặc biệt mời tham dự, đó là danh họa Kavonksi Moussia, khắp Nga-la-Tur và Âu châu dưới thời kỳ ấy đều biết tiếng và kính phục tài nghệ của ông, do đó hoàng đế Nicolas đã không quên mời nhà họa-sĩ trứ danh tới dự...

Chiếc song mã của ông vừa đỗ lại trước đại hí-viện Hoàng-gia, một người vệ binh vội bước tới mở cửa, họa sĩ chậm rãi bước xuống, ông mỉm cười tặng cho người vệ binh một đồng Rúp rồi bước vào hí viện, chợt một cô gái bán hoa chạy ủa tới với nụ cười nở trên môi vừa mời hoa :

— Ông ơi, ông mua hộ cháu đóa hoa tím này ông nhé.

Moussia quay nhìn cô gái, ánh mắt ngời sáng, nụ cười nở trên đôi môi hồng, cô gái khẽ nhún mình chào Moussia, ông nhận đóa hoa, trả cho cô gái hai Rúp, đoạn hỏi :

-- Cô tên gì ?

Nhoẽn nụ cười duyên, cô gái lại nhún mình đáp :

— Dạ thưa ông, cháu tên Marie Lasinski.

— Ôi chao, tên của nàng đẹp lắm, nàng ở đâu ?

— Dạ cháu ở tận ngoại ô Bonsevitch.

Moussia như ngây ngất trước vẻ đẹp quyến rũ của người con gái ẩn sau lớp áo bẩn hàn, ông gật gù như chợt nảy ra một ý nghĩ gì, ông hỏi kỹ số nhà và địa thế xong dặn dò cô gái trước khi bước vào rạp :

— Ngày mai tôi sẽ đến tìm cô có việc cần, cô ở nhà đón nhé.

Cô gái càng kinh ngạc hơn, nàng nhìn nhà danh họa im sững, Moussia bật cười :

— Đừng kinh ngạc, ngày mai tôi sẽ tìm cô vào hồi mười giờ...

trút bỏ lớp áo cô hàng hoa

Quả nhiên hôm sau lúc mười giờ, dân lao động xóm Bonsevitch bỗng ngạc nhiên khi thấy một chiếc song mã sang trọng lần đầu tiên tới xóm nghèo của họ, nhưng điềm ngạc nhiên hơn nữa là chiếc xe ấy lại ngừng ở căn nhà đồ nát của cô gái bán hoa. Đám con nít hiếu kỳ, mấy người đàn bà lắm chuyện, tò mò lấp ló sau những bức vách đồ nhìn về phía nhà của Marie xăm xỉ to nhỏ.

Nhà danh họa Moussia xuống xe, người xà-ích kính cẩn hỏi :

— Dạ, ngài ở lâu không ạ ?

— Được, anh cứ chờ ta nhé !

Riêng Marie Lasinski, nàng biết bao cảm động khi thấy ông khách sang trọng đêm trước đến căn nhà nghèo nàn bẩn chật của mình ; nàng run giọng ngỏ lời, tim xúc động mạnh :

— Dạ... ông... ông đến tìm cháu ?

Nhà danh họa bật cười :

— Cô ngạc nhiên sao ? Tôi đã hẹn trước rồi mà...

— Nhưng nhà cháu quá nghèo đâu có xứng đáng để đón tiếp một vị khách sang trọng quyền quý như ông.

— Ta không cần sự giàu và sang của nàng, ta chỉ cần biết nàng có một sắc đẹp nghệ cảm, nàng đã làm rung động được hồn nghệ thuật trong con người của ta. Nàng sẽ là nguồn cảm hội họa mà ta chưa thể tìm được ở bất kỳ một cô gái nào khác.

Marie Lasinski bỗng thấy một nỗi sung sướng len vào hồn, đôi má ửng hồng, tim đập liên hồi, nàng nghe nóng bừng cả thân thể, với mới tuổi hai mươi lần đầu tiên trong đời con gái nàng mới được nghe một người đàn ông khen tặng sắc đẹp của nàng công khai, nàng cảm động buong lờn :

— Ông khen cháu quá lời, cháu đâu xứng đáng như ông tặng, nhưng ông là ai ? Tại sao ông tìm cháu ?

— Cô chưa biết tôi à ?

— Dạ ông là hàng vương giả quyền quý cháu làm sao biết được.

Moussia bật cười vì câu nói chân thành của cô gái đẹp, chẳng những ông không khinh nàng, trái lại càng thấy một sự cảm mến dâng thêm. Ông bảo :

— Tôi là một họa sĩ, một người sống với nghệ thuật và tôi tìm tới cô để nhờ cô giúp tôi hoàn thành một tác phẩm tuyệt tác.

— Nhưng cháu đâu biết gì về nghề họa sĩ của ông ?

— Không cần phải biết, tôi chỉ cần cô ngồi làm kiểu cũng đủ lắm rồi,,

Thế là từ hôm ấy, nàng Marie Lasinski đã thay lột đổi dạng, từ một thiếu nữ nghèo nàn bán hoa đêm đêm tại các hí viện hoàng gia, nàng đã trở thành một người nữ kiêu mẫu của một danh họa. Tuy nhiên không phải địa vị đó ai muốn cũng được vì Kavonski Moussia là một họa sĩ rất kén lựa người mẫu, ông nhìn sắc đẹp dưới cặp mắt thiên tài, do đó người mẫu của ông rất chọn lọc.

Moussia trả cho Lasinski rất hậu, nhờ thế nàng bước qua một ngã rẽ mới của đời nàng, cuộc sống đỡ bần hàn hơn, mà nàng

còn đủ tiền để tiếp tục theo học văn hóa tại một lớp học riêng của người bạn thân với nhà danh họa.

Thế rồi, đêm đêm tại đại hí viện hoàng gia, người ta không còn thấy bóng dáng cô hàng hoa xinh xắn, bé nhỏ luôn luôn bán đắt hàng hơn các đồng nghiệp của mình.

Người thiếu nữ ấy đã trút bỏ lớp áo của cô hàng hoa, nghiêm nhiên trở thành một người phụng sự và sống cho nghệ thuật,

tình yêu

ban đầu dang dở

Những ngày kế tiếp giữa Moussia và Lasinski càng trở nên thi vị đậm đà, nhà danh họa đã đưa nàng đi hết danh lam, thắng cảnh đến các đền đài, di tích để hoàn thành các tác phẩm danh vang khắp Trung, và Tây Âu từ Luân Đôn, Ba Lê, Bá Linh, Vienne, đến khắp Nga-quốc, tại mỗi nơi, sắc đẹp của Marie Lasinski khiến giới hâm mộ thiên tài Moussia đều ngây ngất, đều rung động mà yếu tố chính là do sắc đẹp của nàng con gái kiêu mẫu.

Người ta đều nói đến tên nàng hơn cả tên nhà danh họa, điều đó không khiến Moussia ganh tị,

trái lại, ông càng sung sướng và hãnh diện vì thấy công trình của ông đã có kết quả, trong thời gian này, Moussia được coi như một Léonard de Vinci của Nga-quốc. Vì tác phẩm La Joconde tức Molina được hội họa coi như một họa phẩm làm mẫu của vị danh sư hội họa thì Moussia nhờ có Lasinski mà trở nên bất tử.

Ông chợt nảy ra một ý tưởng, làm thế nào tạo Lasinski thành một họa sĩ. Ông đem ý tưởng ấy nói với nàng. Lasinski cảm động không ít nhưng nàng lo ngại :

— Em sợ không có khả năng làm việc ấy !

Hồi này giữa Marie Lasinski và Kavonski Moussia đã có những ràng buộc mới hơn về tình cảm đặc biệt hơn — từ tình cảm chân thành giữa người họa sĩ và người kiêu mẫu, cả hai người : một già một trẻ, họ như chợt thấy một thứ tình cảm mới len vào tâm hồn — thứ tình cảm mới này vừa mang mang, vừa lâng lâng mà cả hai đều thấy băng khuâng ray rứt mỗi khi xa nhau.

Cho đến một ngày Moussia cảm thấy con tim ông không thể mất đi một thứ tình cảm ấy — nghĩa là tình cảm của sự nhung

nhớ — sự tuyệt diệu khi nhìn thấy bóng dáng Lasinski tới lâu dài của ông.

Moussia đề nghị :

— Hay là em tới ở hẳn nhà anh, chúng ta sẽ hôm sớm gần nhau.

Lasinski ngần ngại, nàng có hai lý lẽ, một là không muốn rời khỏi khu phố quen mà nàng đã trải qua những ngày bé thơ, hai là nàng ngại bị hiểu lầm về đạo đức của nàng khi rời bỏ mái nhà thân yêu tới với Moussia. Tuy nhiên, bên cạnh những lý lẽ đó, nàng vẫn thấy con tim xao động.. ít nhiều về hình bóng của nhà danh họa.



Mùa Đông năm 1782, nàng và Moussia đưa nhau đi hội thể thao tổ chức tại Nebotkiev gần đảo Caucase. Những ngày đại hội thể thao với đông đủ tài tử giai nhân, nàng cảm thấy hạnh phúc tràn trề cạnh nhà danh họa.

Nàng và Moussia bỗng thấy cuộc đời của họ đã có một thay đổi lớn. Đó là tiếng nói của tình yêu phát xuất từ con tim.

Hôm đó cả Moussia và Lasinski đồng đi dự một buổi dạ vũ, tay trong vòng tay họ đã nhảy với nhau một điệu là lướt, và trong

vòng tay của Moussia, Lasinski cảm nghe một mối rung động khác thường.

Lúc về, ngồi bên Moussia, Lasinski âu yếm dựa đầu vào ngực người đàn ông lý tưởng của nàng. Lasinski nhìn qua khung cửa song mã, những bông tuyết rơi rụng trắng đường, hàng cây trơ vơ cảnh ảm đạm sau tháp chuông giáo đường đẹp như một bức tranh tuyệt tác, cảm hứng sinh tình nàng phác vội vài nét bút trên giấy — Moussia khi được nàng trao bức tranh vẽ vội đã ngạc nhiên đến sửng sốt.

Ông ngạc nhiên vì không ngờ Lasinski có một kỹ thuật rất vững và lối nhìn khá độc đáo và đó cũng là lý do để ông và Lasinski tiến tới tình yêu.

Quá mừng vì thấy tài nghệ người thiếu nữ chiếm trọn hồn mình, nhà danh họa Moussia ôm chầm lấy Lasinski đặt trên đôi môi hồng của nàng nụ hôn nồng cháy. Và cũng từ buổi ấy họ chánh thức sống cho nhau.

Moussia đã viết trong nhật ký của ông như sau :

« Tôi không ngờ tình yêu và lòng kính mến của tôi đối với nàng bỗng bật mà cũng mãnh liệt như sóng bề cuộn cuộn hay như

mặt trời bùng lên sau một mùa đông âm u.

Tôi đã yêu nàng con gái bé nhỏ ấy ngay từ lúc thoát gặp nàng, tại đại hí viện hoàng gia. Cũng từ buổi ấy tôi hiểu là không thể nào xa nàng !

Hiện tại tôi và nàng kề cạnh nhau như một giấc mơ và tôi không thể nào tin được rằng tôi có thể yêu nàng, yêu say mê đến như vậy.

Tôi biết, nếu mất nàng tôi không thể tìm đâu ra một bóng hồng, một nàng nghệ thuật khiến hồn tôi rung cảm.

Lasinski — một cái tên — một tình yêu đã khiến tôi trẻ lại và sống mãi với tình cảm bất diệt »



Trong khi đó, Lasinski cũng nhận ra rằng nàng đã nghiêng hẳn tình cảm về phía người đàn ông lớn trong cuộc đời nàng. Tình yêu đến với nàng sau cả sự kính mến và một tình thương rộng bao la.

Nàng chẳng những coi nhà danh họa Moussia là một thần tượng mà còn là một người không có đối tượng so sánh với những người đàn ông khác đối với tâm hồn nàng.

Khi mùa xuân về, Moussia đã đưa Lasinski đi Madrid thủ đô Tây-ban Nha để dự đại hội hoa xuân và xem các chàng Toléro đấu bò mộng.

Tại thủ đô Madrid, hai người đã sống những ngày thần tiên nhất và họ chánh thức công bố cho giới nghệ-thuật tin đính hôn của họ.

Tin này loan ra, làm xôn xao cả dư luận, mặc dù mệnh danh là những con người sống trên dư luận, nhưng hoàng gia và bạn bè thân thích của Moussia đều lấy làm kinh ngạc và sửng sốt thấy ông quyết định cưới một cô gái tầm thường không danh giá như Lasinski.



Sự kiện này khiến Lasinski đau khổ vô vàn, nàng đâm ra mất tin tưởng và nhìn cuộc đời bằng ánh mắt hoài nghi, những ngày sống ở Madrid hạnh phúc, sung sướng bao nhiêu thì những ngày trở lại kinh thành Mạc-tư-Khoa đối với nàng là chuỗi chán nản, buồn rầu nhất.

Nhưng chính từ sự buồn náo

ấy, nàng lao vào hội-họa, tìm quên trong sáng tác, những họa phẩm của nàng mang màu sắc độc đáo linh hoạt đã nghiêng hẳn về lối buồn. Nhiều bức tranh của nàng đã được nghệ giới thán phục và kính trọng.

Có điều, từ những mặc cảm địa vị, danh giá, nàng đâm ra sợ hãi gặp gỡ Moussia, chính vì vậy nàng cố lẩn tránh không gặp người yêu, nàng chui rúc trong xưởng họa với người nữ kiều mẫu.



Tranh nàng sáng tác, bán càng lúc càng chạy và đắt giá, tên tuổi nàng bắt đầu lên bao nhiêu thì nàng càng chuốc lấy ưu tư, sầu khổ vì tình yêu ban đầu dang dở.

Năm đó, Moussia lại thọ bệnh nặng và qua đời, thế là một mối tình lớn phải liệm theo người yêu của nàng đi vào lòng đất lạnh. Sau đám tang của Moussia, Lasinski trở về xưởng họa sống những ngày thăm lạng đơn lẻ.

(còn nữa)



« 10 phút hồi hộp

nhất trong năm »

* Bùi-Quân

BÊN Anh-quốc, mỗi năm đến tháng Ba là có tổ chức một cuộc đua ngựa tại Aintree gần Liverpool trên một khoảng đất rộng lồi 120 mẫu. Người ta thường gọi cuộc đua này là « 10 phút hồi hộp nhất trong năm ».

Mỗi năm nơi đây có tổ chức một cuộc đua ngựa vượt qua các chướng ngại vật. Mỗi lần đua có từ 20 đến 66 con ngựa dự tranh. Muốn thắng cuộc đua này người ta phải vượt qua tất cả là 30 trở ngại nguy hiểm trong một khoảng đường đua 7.200 thước! Cuộc đua này thật gay go và nguy hiểm hơn tất cả các cuộc đua ngựa khác. Nhưng dù gay go và nguy hiểm, nó vẫn thu hút được sự hưởng ứng đặc biệt và các tay đánh cá được một dịp ăn thua lớn, có khi đến

bạc triệu. Năm 1911 chỉ có một con trong 26 con ngựa về đến mức, nhưng suốt nhiều năm sau, mặc dù đã « nghiên cứu kỹ trận đồ », các tay đánh cá cũng không thể kèm ngựa về được nhiều hơn. Năm 1951 chỉ có 3 con trong số 36 con ngựa dự đua về được mức!

Cuộc đua hiểm có nhất đã xảy ra vào năm 1957. Hầu như tất cả nước Anh đã theo dõi cuộc đua này. Mặc dầu trời nắng chang chang, tại trường đua đã đông nghẹt người đến xem. Vào khoảng 3 giờ 15 đã có trên 250.000 người có mặt tại trường đua. Số tiền thu vào cửa phải trả từ 5 đồng Shilling đến 10 đồng Guinea. Ở khán đài « cá kèo » người ta chen chúc nhau đến nỗi phần đông chỉ nghe tiếng nói của máy phát thanh oang oang chớ

10 PHÚT HỒI HỢP

không thấy được cuộc đua. Thật như một ngày đại hội. Người ta thấy đây đó đủ hạng người, đủ giống người, nào Ấn-độ, Á-Rập với cái mũ chóp đỏ, những anh chàng Mỹ với cái mũ cow-boy. Tất cả mọi người đều nóng lòng chờ đợi giờ khởi hành cuộc đua. Trong lúc đó những tay chuyên môn đánh cá làm việc rất rộn rịp, họ gọi nhau hùn hợp, những tay Cockney ăn mặc đặc biệt, trên áo có gắn những nút xà-cừ trắng, sẵn sàng bán cho những ai muốn mua với một giá đặc biệt những tuy-dô về cuộc đua này. Tất cả mọi người đều tế-tụ nơi đây, từ anh công nhân đến hoàng thân quốc-thích. Những kẻ vì lẽ này hay vì lẽ nọ không thể đến được cũng theo dõi cuộc đua trên đài phát thanh.

Về mặt tài chánh, nếu kẻ những tiền cá, tiền vào cửa và những tiền lật vật khác có thể lên đến 20 triệu anh-kim! Tiền dành cho những kẻ thắng cuộc theo tỷ-lệ của tiền thu vào cửa. Số tiền này khoảng 9.000 anh-kim bạc mặt và một tặng phẩm trị giá 500 anh-kim. Nhờ cuộc đua này mà Anh quốc mỗi năm

thu vào trên 10 triệu anh kim.

Với trường đua Aintree, bất cứ một con ngựa nào cũng có thể trở nên nổi tiếng. Con ngựa Glenside bị chột một mắt nhưng cũng đã giết được giải nhất năm 1911. Năm 1928 con Tipperaly Tim, với yết hầu bằng ông kim khi, cũng đã thắng trận về vang trước 40 con ngựa khác. Một con khác nữa là Rubio, giống Mỹ, chuyên kéo xe cho nhà hàng, nhưng nhờ một người « khám phá tài năng », cho nó dự cuộc đua vào năm 1908 và đã đoạt được thành công bất ngờ là đã thắng cuộc đua ấy. Moifaa là con ngựa mập mạp cũng đã thắng cuộc năm 1904. Lúc người ta chở Moifaa trên một chiếc tàu đến Anh quốc dự cuộc đua, chiếc tàu này bị chìm nhưng Moifaa đã bơi được vào bờ. Qua ngày hôm sau ra dự cuộc đua, Moifaa đã làm cho khán giả ngạc nhiên với tài vượt qua các trở ngại thật dễ dàng.

Cỡi ngựa cũng không phải là môn dành riêng cho các tay nhà nghề. Có nhiều tay đua tài từ mà tài nghệ lại vượt hẳn những tay nài chuyên nghiệp. Bằng chứng cụ thể

cho ta thấy Lord Manners, người đã thắng cuộc đua năm 1882, chưa từng dự các cuộc đua nào bao giờ. Đây là lần thứ nhất và ông đã thắng.

Từ ngày có cuộc đua đèn nay chỉ có một anh nài từ nạn, nhưng phần đông nều không bị gãy xương sống, thì cũng gãy tay gãy chân.

Một ký giả thể thao, John Mislop, từng theo dõi nhiều lần cuộc đua này đã so sánh không khí rộn rịp trong phòng thay áo của những anh nài như những người lính nhảy dù sửa soạn trong máy bay để chuẩn bị nhảy xuống vùng địch, nghĩa là cũng cùng một cảm tưởng của những người sẵn sàng chia xẻ mọi sự nguy hiểm chung.

Và đây, những phút hồi hộp bắt đầu. Một người vừa thò đầu qua cánh cửa đang mở hé cửa phòng thay áo, gọi:

— Mấy anh sẵn sàng chưa? Ra sân!

Các anh nài mỗi người leo lên lưng ngựa của mình và đi diễn hành qua các khán đài, đoạn quay lại và chạy chậm chậm qua khán đài danh dự luôn luôn với bước sải nhỏ ấy, các tay nài cho ngựa mình

đền lần mức khởi hành.

Đường đua rất rộng, 66 con sắp thành hàng ngang, chân so chân sẵn sàng đợi lệnh khởi hành. Một sợi giây băng giăng ngang lần mức, khi tiếng súng nổ báo hiệu giờ khởi hành, sợi giây băng được hạ xuống và những tay đua hùng hổ vọt lên để tranh thắng. Trờ ngại là những hàng rào gai rộng, những cành cây tung hay những hào rộng đầy nước bề ngang 3th 50. Những hàng rào cao đến 1th 50 và 2th bề rộng. Từ mức khởi hành đến trờ ngại vật đầu tiên khoảng 430th, một khoảng đủ để ngựa có trờn vượt qua. Riêng trờ ngại chặng đầu này đã khiến cả chục tay đua rớt lại. Và những trờ ngại khác như trờ ngại thứ sáu có tên là *Becher's Brook*, là một trờ ngại khó khăn nhất vì mực cao và bề rộng của cái hào này, đã vậy bờ bên kia lại thấp hơn, nên thường gây bất ngờ cho người và ngựa khi ngựa vừa chầm chân đền bờ bên kia. Một anh nài khi vượt qua hào này lần đầu tiên đã tuyên bố: «Tôi có cảm tưởng như nhảy từ trên cao xuống». Trờ ngại thứ tám cũng không kém khó khăn. Năm 1928, con ngựa của

Alfred Lowenstein bị vương trên hàng rào, và phần đông những con khác đền đó dừng lại không dám nhảy qua, chỉ có hai con về đền mức ăn thua. Một trờ ngại khác, *Canal Turn*, nơi đây khi ngựa vượt qua phải quanh gấp một đường 90°. Lúc trước khi chưa có gán băng ghi báo đền khúc quanh, nhiều ngựa cứ chạy thẳng để rồi rớt xuống rạch. Có một con chìm ở rạch này. Một con khác cũng đã phóng xuống nước sau khi hất anh nài té. Anh nài tỏ ra giận dữ không chịu tiếp tục cuộc đua nữa sau khi kéo con ngựa cương của mình lên bờ.

Đường đua dài đến 7.200 thước và phải vượt 30 trờ ngại, vì thế những tay đua cứ rơi rớt lại dọc đường để cuối cùng chỉ còn vài con về đền mức.

Có một vài trường hợp các tay nài bị té và bị các con ngựa khác giẫm lên như trường hợp một tay nài người Pháp tên là Paul de Geloès dự cuộc đua năm 1899, anh này bị té và bị một đoàn ngựa dẫm qua. Khi đứng dậy, anh ta tuy không thấy, nhưng

sự đụng chạm vào đầu đã làm Geloès long óc và giải nghệ luôn. Tuy vậy cũng có nhiều trường hợp đã gây thiệt mạng người.



Đường đua dài 7.200 thước chia làm 2 vòng. Qua hết vòng đầu, ngựa bắt đầu một và một số bỏ cuộc, chỉ còn lại phân nửa. Vòng thứ hai mới thật là vòng gay go và quyết định. Vòng này phần nhiều ngựa đã mệt quá nên có nhiều con chạy đền chỗ trờ ngại vật thì dừng lại không chịu nhảy qua. Những tay nài phải quát tháo có khi phải dùng gót chân thúc vào mông để bắt ngựa phải nhảy qua.

Chặng quanh cuối cùng đền mức ăn thua chỉ còn hai trờ ngại. Và đây cũng là phút hồi hộp của khán giả và nhất là của các tay đánh cá ăn thua đậm. Các tay nài cúi rạp mình xuống lưng ngựa, và ngựa thì dậm mõ hôi, miệng đầy bọt

trắng đang cò sức vượt qua hết chặng cuối cùng này.

Phần nhiều đèn chặng chót này ngựa vì quá đuối sức không thể chạy sai được nữa như trường hợp con Tipperally Tim năm 1928 đèn mức không còn sai được nữa mà chỉ bước từ bước một.

Nhưng có một lần đã khiến cả trường đua xúc động là trường hợp con ngựa Devon Loch đã cò gắng tới mức trước nhất trong tiếng hoan hô vang dậy. Những chiếc nón

bay lên trời tỏ vẻ hoan hỉ, về lần đầu tiên từ năm 1900 đến nay, một con ngựa của hoàng tộc đã thắng trận, Devon Loch là con ngựa của hoàng tộc. Nhưng tiếng hoan hô không lâu, tiếp theo là sự xúc động vì Devon Loch khi đèn mức đuối quá nên đã ngã gục và không dậy nổi nữa.

Năm sau, Devon Loch vắng bóng trong trận đua gay go và không kém phần nguy hiểm này.



★ SI TÌNH NGOẠI HẠNG

Mục sư Billy Graham, nhân một cuộc hội họp công cộng đã tuyên bố rằng cô đào Liz Taylor là người đáng thương hơn là đáng ghét.

Ông kết luận :

— Thế nên, phải cầu nguyện cho cô ta... và nên sẵn sàng dang tay đón tiếp nàng...

Cử tọa im lặng, bỗng từ ở hàng cuối, có tiếng một người :

— Thưa mục sư ! Đã mấy năm nay, tôi đã dang tay đón nàng, nhưng có thấy mặt mũi nàng là nào đâu.

chiếc

nón

Huế

N Ở N

nghe nghe, nghe nghe,

màu trắng tinh.

khoe hình dưới nắng

nước sơn còn mới nguyên.

chiếc nón bài thơ xứ Huế,

che đầu người thiếu nữ cổ đô,

và che đầu thiếu nữ tuổi đôi mươi,

chê dưới tóc huyền ông thêm nước thêm xinh.

Ồ ! đẹp lắm thay ! khi vánh nón Huế nghe nghe, nghe nghe,

Đề lộ nguyên về mặt điểm kiểu của người thiếu nữ,

Đề lộ thu thủy, nét xuân sơn, hai vườn đào ứng đỏ,

có làn hoa hồng, biết nói, biết hôn, biết ngâm thơ tình từ,

có dóa hoa thiếu nữ cười duyên, chiếc nón cùng cười duyên ý nhị,

và khi người che nắng, che mưa, đừng che ánh nắng ban mai uống lắm,

Nón Huế mang vẻ nhiều chất sưa thiên nhiên tốt tươi giúp ta nuôi cơ thể.

Ảnh nắng mang vẻ nhiều ban mai tô thắm hồng xinh khuôn mặt người thiếu nữ.

Đề chiếc nón nghe nghe, ánh sáng phản chiếu lộ nguyên những bài thơ, phong cảnh Huế đô cổ kính

Và chiếc nón nghe nghe, ánh sáng phản chiếu lộ nguyên những bài thơ, phong cảnh Huế đô cổ kính

Buổi trưa hè, nhìn tay người thiếu nữ phe phẩy chiếc nón xinh, mái tóc bện bồng, là lướt

Chiếc nón bài thơ xứ Huế, có coi hồng, coi trắng, coi xanh, coi vàng, coi tím

xinh

xinh

HƯƠNG LINH (Huế)

ARTHUR GORDON

* Lê-Minh-Khuê dịch

THÔNG ĐIỆP

Có số người được Trời ban cho một thiên khiếu kỳ-diệu. Bình-tĩnh, nội-lực, lòng đại-lượng? Ta không thể định nghĩa chính xác. Dù sao, khi những vấn-đề đau đớn đặt ra, tự khắc chúng ta hướng về phía họ. Có gì nơi họ thu hút như nam châm. Tôi có một bạn thân thuộc loại đó. Chính vì thế một chiều tôi đã điện-thoại cho ông ta. Tôi đang ưu phiền.

— Đến tôi, ông ta nói. Alma đã ngủ và tôi sẽ bảo đun nóng một chút cà phê.

Tôi đến ông ta và đập chùng một tiếng chạm chú, tôi cảm thấy trẻ ra. Vấn đề của tôi không phải vì thế mà đã giải-quyết, nhưng không biết tại sao, nó không có vẻ đáng sợ đối với tôi nữa. Làm sao mà không vững tâm được trước sự hiện diện của Ken, rất chững trong ghế bành, gác chân trên bàn, khoanh tay sau ót, không mấy lăm lăm, nhưng chú-ý... và nhiều thiện cảm?

TỪ BIÊN CẢ

THÔNG-ĐIỆP TỪ BIÊN CẢ

Tức thời tôi cảm thấy cần phải bày tỏ lòng biết ơn và triu mến của tôi,

— Ken, tôi nói với ông ta không gì bằng anh trong việc nâng cao tinh thần thiện hạ. Anh làm cách nào thế?

Nụ cười, chậm nở, hình như luôn nhen-nhúm trong mắt ông ta:

— Có gì! Tôi cao niên hơn anh.

Tôi lắc đầu:

— Tuổi tác không ăn nhằm gì ở đây cả. Nơi anh có một sự bình thân hiền hòa mà người ngoài cảm thấy rất sâu xa. Do đâu anh có được?

Ông ta nhìn tôi đáng suy-nghĩ vài giây như thể có điều chi tâm sự với tôi. Cuối cùng, bằng mũi giấy, ông ta mở một ngăn kéo. Ông lấy ra một hộp nhỏ bằng giấy cứng và đặt trên tấm lót tay để viết. Giấy lâu, chỉ vật đó ông ta nói với tôi:

— Nếu tôi có một chút còn xứng đáng như anh gán cho, ý hẳn là vì cái này đây.

Tôi chờ đợi. Trên tường là sưỡi đồng hồ buông đều tiếng tích-tắc.

Ken chọn cái ống điều thực cút và bắt đầu nhồi thuốc.

— Từ bao lâu rồi tôi biết anh? Mười năm? Mười hai năm? Hộp này còn trở lên xa nữa. Tôi có tính đã hơn ba mươi năm rồi. Alma là người duy nhất, với tôi, là biết vật đựng bên trong, và có thể nàng đã quên rồi. Riêng tôi thỉnh-thoảng vẫn mở ra để ngắm.

Ngon lửa que diêm chao động, khói bay lên từng làn xanh, phản chiếu ánh đèn.

— Vào năm 1920, Ken vào đề với giọng xa vắng, tôi đang ở trên đường thành công. Một thành công quá mức. Tôi kiếm tiền như nước và tiêu cũng như gió vào nhà trống. Xứng đáng là đại-diện của thế hệ hai mươi, tôi có khả năng nghĩ nhanh và uống « sêch » hơn bất cứ ai. Tôi cưới Alma bởi vì tôi thấy nàng đẹp và làm cảnh được, nhưng tôi không nghĩ tôi yêu nàng. Thực ra, tôi không tin có may mắn dấu vết tình yêu nơi tôi. Có lẽ tôi quá tự-cao tự-đại.

Tôi nhìn ông ta ngạc-nhiên. Đối với tôi hầu như không thể tin vào sự chân thực của mẫu chân dung dữ-dằn đó.

— Hẳn anh cũng nghĩ ra, định mệnh đã lên tiếng phục thù. Và sự phục thù mới ác làm sao!

THÔNG-ĐIỆP TỪ BIÊN CẢ

Có sống trong cuộc đại khủng hoảng kinh-tế năm 1929 mới thấy thăm-thía. Một tuần trước tôi còn là triệu phú — trên giấy tờ, dĩ-nhiên — tuần sau đó ta đã hóa ra nghèo. Phản ứng của tôi thật dễ đoán : tôi say khướt như chết trong ba ngày liền.

Ông ta cười khan rồi đứng dậy, tay đem vào mái tóc dày.

— Chỗ tôi chọn thì tha hồ than thân trách phận là một biệt thự bên bờ biển mà chúng tôi có, nói đúng ra chúng tôi đã có trước khi đất sụp dưới bước chân chúng tôi. Alma ngỏ ý muốn theo, nhưng tôi xin nàng đừng làm gì cả. Tôi chỉ có một ham muốn : quên tất cả và say. Điều tôi làm,

Nhưng tới một lúc, người ta bắt đầu tỉnh trí. Đối với một người nghiện và tôi cũng gần thành, thì đó là một kinh nghiệm khủng khiếp. Người ta đâm ra chán mình, thất vọng ề chề. Tôi soi mặt trong gương. Khi thấy cặp mắt tôi đỏ ngầu, râu ba ngày không cạo, tôi nhận ra mình đang ngấm ánh của một tên hoàn toàn hư hỏng. Mang danh nam-nhi, mang danh người chồng và con người, tôi đã hoàn toàn làm hỏng đời

tôi. Ý-tưởng, hay đúng hơn sự xác chứng, đến với tôi, tốt hơn hết vì Alma và mọi người tôi nên chết quách đi.

Và, tôi biết cách. Gió thổi từng hồi. Biển động mạnh. Tôi sẽ bơi thực xa, rõ thực xa, để trở lại không được, và thế là phiến muộn của tôi được giải-quyết.



Tàu thuốc của Ken đã tắt ngấm, ông đặt nó trên bàn. Cái ghế cũ kêu răng-rắc khi ông ngồi lại.

— Khi phải quyết định như thế, người ta chỉ có một ý-tưởng là làm thực nhanh. Tôi không để mất thì-giờ. Tôi bước mau qua các bậc của thềm và đi ra bãi cát. Rạng đông bùng lên nền trời đỏ quết sóng đánh ầm ầm. Tôi đi thẳng theo hướng bờ nước. Lúc tôi đến nơi, có vật gì lấp lánh trong cát.

Ông ta mở hộp.

— Vật này đây.

Hộp đựng một vỏ hào. Không phải là loại đặc biệt hiếm, bởi vì

THÔNG-ĐIỆP TỪ BIÊN CẢ

tôi thường thấy những cái giống như thế, nó bằng vôi hình trái soan có đường rạch, sắc nhạt, xinh xinh.

— Tôi đứng đấy mà ngắm nó, Ken nói tiếp. Cuối cùng tôi lượm. Nó ẩm ướt, sáng láng và mỏng manh tưởng chừng tay tôi chỉ khẽ ấn nhẹ là bể. Thế mà nó phôi mình ở đó, nguyên vẹn.

Sao lại thế được ? Câu hỏi xoay tít trong trí tôi, trong khi gió gào chung quanh và đại dương gầm thét. Hàng tấn nước, khi tung mình, đã ném bỏ hào này lên cát cứng. Nó phải bị vỡ tán vụn ra, thành bụi bay lên. Nhưng không...

Sự gì đã cho phép vỏ hào này toàn vẹn, không rạn nứt ? Tôi cuống nộ nhằm đi nhằm lại trong trí câu hỏi đó rồi chợt tôi hiểu. Nó đã phó mặc cho các sức mạnh khủng khiếp đập phá quanh

nó. Nó đã chấp nhận bão-tổ cũng đồng như nó đã chấp nhận cái bình thần các đáy sâu nơi nó chào đời. Và nó sống sót. Tức thì tôi thấy mình chơi với cái không thể tránh, tay nắm đấm mạnh vào định mệnh trong khi đáng lý phải chấp nhận số phận của tôi với niềm tin-tưởng.

Tôi không biết đã đứng ở đó bao lâu nữa, nhưng cuối cùng tôi quay lưng lại biển cả, mang theo vỏ hào này. Từ đó tôi luôn luôn giữ nó.

Tôi đỡ hộp trong tay bạn và nâng vỏ hào. Được làm cách tuyệt hảo, năm tháng không làm suy suyền gì, và nó nhẹ như lông hồng.

— Anh có biết tên của nó không ? Tôi hỏi.

Ken cười, nụ cười chậm nở :

— Biết. Người là quen gọi nó là « cánh thiên thần ».



* THẬT LÀ TÀI TỬ

Nữ minh tinh Danny Kaye một đêm nọ, tại Câu lạc bộ tài tử đã kể chuyện đêm qua quân gian vào phòng cô ăn trộm và mang đi hết sạch sành sanh.

Cử tọa ai ai cũng thương hại, chia buồn đủ cách, ngoại trừ kếp Errol Flynn :

— Nhưng, theo tôi biết, cô có khẩu súng lục dưới gối chứ ?

— Có chứ ! Đúng đấy, nhưng may mà bọn chúng không tìm thấy.



VỀ HÀO HOA TRONG TRÀ ĐẠO NHẬT-BẢN

* Châm-dũ

(theo P.T. 143)

a) — Trà - Phư-ờng - Chủ —
Trong giới trà- nhân, đứng đầu là trà-phư-ờng-chủ nên thời thường vẫn gọi trà-phư-ờng-chủ là trà-nhân (cha-jin). Trà-phư-ờng-chủ nắm trong tay cái trà-kỹ (cha-gi) tức kỹ-thuật làm sống ngành trà-đạo trên toàn diện. Nói chung, trà-phư-ờng-chủ là linh hồn của trà-đạo. Vậy Đây là lớp người chịu gia công học hỏi và dầy ngày kinh-nghiệm nên rất tinh sảo về thuật chọn trà và nếm trà, tài về pha trà lại thêm óc thẩm mỹ về kiến tạo, về trang-trí sao cho nổi cái văn-phong của trà-thất, giỏi về dung hòa ánh sáng để

nội tâm trà-thất luôn luôn giữ được vẻ man mát và mờ mờ thanh tịch, rành tâm-lý từng lớp khách để điều chế bột trà cho mỗi người. Bởi trà-phư-ờng-chủ là linh hồn của trà-đạo

VỀ HÀO HOA

nên những tay lỗi lạc mới được vua mền, chúa chiếu, đón rước trọng thể. Thế cho nên, dưới chế-độ Tướng-quân liên trong 5 thế-kỷ, 1350-1850, các vũ-gia thủ-linh mới đặt thành cấp quan tước để tùy tài mà phong cho các trà-phư-ờng-chủ của mình.

Trong ngôn-ngữ Nhật-Bản, danh-từ *phư-ờng-chủ*: O Bo-zu vốn hàm nghĩa thượng-tôn để chỉ giới hòa-thượng cao-tăng, mà nay người đầu-trà tại trà-thất cũng gọi là trà-phư-ờng-chủ?

Nguyên lai, trà-đạo ở cuối thế-kỷ thứ XIV mới ở buổi phôi thai. Sang thế-kỷ sau, XV, có vị hòa-thượng du-học Trung-Quốc về trụ-trí tại Xứng-Danh-Tự tại Huyện Nại Lương, tên Chu-Quang (Ju-ko, 1422-1502) đem cái sở đắc Khiết-trà-phong (Kit-cha Fu) bên đại-lục về cải tiến ngành trà-đạo của nước mình. Khiết-trà-phong chú trọng vào lễ nghi hội-âm, tư cách của chủ và của khách, văn-phong của trà-thất và nghệ-thuật pha trà. Tài pha-trà của Chu-Quang quả có đặc biệt hơn đương thời nên Tướng-Quân Túc-Lợi Nghĩa-Chính (Ashikaga

Yoshi-masa, 1443-1473) phải cầu cạnh nhiều lần mới triệu mời được hòa-thượng lên Kinh-Đô điều khiển giúp trà-thất tại nội-phủ. Do nơi Chu-Quang đã là vị Cao-Tăng lại ở liên nơi thượng-quý nhà nước để điều khiển riêng về việc bồi-trà nên đương thời mới gọi ông là Cha-Bozu (trà-phư-ờng-chủ). Danh-đệ về điều khiển trà-thất của ông lại cũng là hòa-thượng tên Năng-A-Di (Nô-A-Zi) rồi về nghiệp thấy tại Mạc-Phủ, nên danh-từ *trà-phư-ờng-chủ* thành phổ-thông-hóa để chỉ những tay đầu-trà tại những cửa quyền-quí. Rồi Năng-A-Di rộng thâu nạp môn-đệ để truyền-bá cái thuật *« khiết-trà-phong »* của thầy, lập thành tông-phái pha trà gọi là phái theo Chu-Quang Lưu (Juko-ryu) giữ địa-vị độc tôn tại khắp giải trung-ương Cận-Kỳ.

Nhờ nơi xuất-dương học hỏi của Chu-Quang mà ngành trà-đạo tiến lên thành nghệ-thuật cao trọng, nên thiên hạ mới tôn ông là tổ trà-đạo (Cha-dô no So), và rồi những người đầu-trà sau này, đầu không do thiên-môn xuất-thân nhưng cũng cạo tóc để tỏ lòng nhớ ơn Tổ.

Chu-Quang tịch đi rồi, cũng ngay ở thượng-khoảng thế-kỷ thứ XVI, nảy ra môn-phái pha trà nữa khởi từ giới đại-thương tại Đại-Bản triệu mời được hai trà-phường-chủ tài cán về dựng thành. Một phái do Bắc-Dĩ Đạo-Trần (Kitano Dô-Chin) là khởi tổ, và phái kia thời do Vũ-Dã Thiệu-Âu (Take-no Jô-Ô, 1504-1555) tạo dựng. Riêng Bắc-Dĩ Đạo-Trần rồi ở lại Đại-Bản truyền tài-nghệ cho môn-đệ, gây cho môn-phái mình lan lên khắp Quan-Đông, còn Vũ-Dã Thiệu-Âu thời vốn là cư-sỹ nên lên Kinh Đô nhập đạo Thiên Tông và rộng giao-du với Mạc-Phủ lẫn triều đình, đem sở-trường ra điều khiển giúp các cuộc trà-thang của hàng cao cấp nhất nước. Môn-đệ về trà-thang của ông tại Kinh-Đô cũng đông lắm, ai này đều cố gắng tỏ - điếm cho tông-phái « *Vũ-Dã* » của mình được song song giá-trị với Chu-Quang. Phái do con cháu họ Chu vẫn đứng lên kẻ nghiệp.

Tiếp đây, từ năm 1560, cũng từ thượng-cảng Đại-Bản nổi lên một tay quái-kiệt kim cổ vô song trong giới trà-thang, có đặc tài nâng ngành

trà-đạo lên tới cực mọi lẽ về thanh-tạo và mỹ-thuật đến nỗi toàn quốc phái công nhận mà thượng tôn là Ông Thiên Hạ-Nhật (Ten-ka No Ichi). Quái-kiệt này, tên Thiên - Lợi Hưu (Sen Nori-Kyu, 1521-1591) là con một hào-phú-thương tại Đại-Bản, thông minh sắc sảo từ nhỏ. Lớn lên, xin vào làm môn-đệ cả Bắc-Dĩ Đạo-Trần lẫn Vũ-Dã Thiệu-Âu, kỳ khu tập nhiệm được tinh hoa của hai phái rồi lui về nhà riêng ở đất Giới— (Sakai, cách Đại-Bản khoảng 20 cây số về phía Nam) dung hòa cả hai tinh hoa hấp thụ được ấy với trí thông minh thiên-phú mà bỏ khuyết về cách pha trà và mỹ-thuật cho văn phong trà-thật. Không kể về hậu-đại, ngay tại đương thời cũng vậy, có thể là cách pha trà là tùy tông-phái nhưng đến cái văn-phong của nội-tâm trà-thật thời dẫu là tông-phái nào cũng phải đến tận nơi xin ông chỉ dẫn và xem các kiểu-mẫu trà-thật của ông không quân tồn kém dựng lên. Thế là cái « văn-phong-thái kiểu Lợi-Hưu » được truyền-bá đi khắp nước nên các nhà quyền quý Nam, Bắc, không quân ngại đường xa dặm thẳng mà

tự thân đến xin thụ-giáo để về dựng lại trà-thật của mình. Trong số môn-tệ ấy, có những vũ gia Đại Danh lĩnh chúa đã hùng cường về quân-lực, còn lừng danh trà-phường chủ, như :

— Bồ-Sinh Thị-Hương — (Gamo U-Uzi Kishi) —

— Tề-Xuyên Trung-Hưng — (Hoso-kaw, Gnada-oki) —

— Cao-Sơn Hưu-Cận — (Taka-yama U-Kon) —

— Cồ-Điện Chúc-Bộ — (Furu-do Ori-be) v.v...

Lại còn có những vũ gia Đại-Danh lĩnh chúa khác, quá hâm mộ cao danh ông Thiên-Hạ-Nhật nhưng vì quân-vụ nên không thể rời căn-cứ mà đi học được bèn tùy đại-diện đem vàng ngọc đến làm quà triệu thỉnh, cho đưa sẵn cả ngựa hoặc thuyền đi theo chờ đợi đón mời bằng được, dẫu là mười ngày đường thời đặt ra mười trạm cung tiếp để về tư phủ dậy bảo cho trà-phường-chủ của mình cũng sửa lại cho trà-thật trở nên văn thái u nhã. Khi ông Thiên-Hạ-Nhật từ kiều ra về, cũng lại vàng bạc, vải lụa và thóc — (tại N.B. bao giờ hạt thóc

cũng quý giá) tiền tạ bằng ấy vũ sỹ thuộc hạ áp giang chuyên chở đến tận nhà.

Suy như vậy, ta thấy cái cao trào trà-đạo nơi giới quyền quý Nhật bản ở thế kỷ thứ XVI ấy quả là tốt độ. Đón mời một tay dẫu trà mà vật và câu kỳ, hậu hi như Lưu-Huyền-Đức tam cồ thảo-lư vậy.

Đến năm 1570, nể uy quyền của vũ-gia mạnh nhất đương thời, đánh Đông dẹp Bắc hầu thành công cuộc thống nhất, ở hậu-đại Chiên-Quốc là Chúc-Điện Tín-Trường — (Oda Nobu-Naga, 1534—1582) — Thiên-Lợi-Hưu đành bó cẳng ngao-du, về Kinh-Đô nhận chức trà-phường-chủ cho vũ-gia này, với điều kiện châu cấp cho đủ dinh-thự, quân hầu, thê-nữ và mọi khoản nhật-phí không kể 50 thạch — (mỗi thạch là 180l) — thóc niên-bổng đóng cho cuối năm.

Năm 1582, Chúc-Điện Tín-Trường bị nội-phản nên tự sát, thiên-hạ bèn đổ xô tới đón mời ông Thiên-Hạ-Nhật nên điều kiện châu cấp và giá thóc niên-bổng tăng lên kinh khủng. Cuối cùng là vũ-gia Phong-Thần Tú-Cát (Thô-yô-tomi Hide-yoshi, 1536-1598) người

kể nghiệp Tín-Trường, riêng khoản niên - bổng cho tay kỳ-tài này phải trả cao gấp mười lần của ngạch vũ-tướng cao cấp dưới trường là 3,000 thạch thóc (khoảng 540 tấn) thời Thiên-Lợi-Hưu mới chịu ở lại điều khiển giúp trà-thất của tướng-phủ cho đến mãn phần, vào năm 1591, vì ý kiến bất đồng với Tú-Cát mà phải tự rạch bụng.

Khi sinh-thời là Thiên-Hạ-Nhật Trà-Nhân, khi tịch đi rồi còn được làng trà-đạo thượng kính trọng bằng kiêng tên húy mà gọi là Thiên-Gia Lưu Khai-Tổ (Senge Ryu No Kai - So). Chữ GIA đây có nghĩa cực cao trọng của những dòng họ cao sang mới được dùng, vậy mà đem chữ ấy tặng cho tay đầu-trà quá vãng thời đủ rõ tài nghệ của Thiên-Lợi-Hưu quả là bạt tụy. Con cháu dòng này rồi vẫn nổi được đại-nghiep pha trà của cha ông nên cửa quyền quý nào cũng lọt, vị thứ mới tự sắp dòng họ mình vào hạng quý-tộc mà tự xưng là:

- Omote Sen-ge —(Biên Thiên Gia
- Ura Sen-ge —(Lý Thiên-Gia
- Ko-michi Sen-ge —(Tiêu-Lộ Thiên-Gia

Về hậu-đại, nghĩa là trong thế-kỷ XVII, XVIII, XIX, còn toàn thịnh của trà-đạo, không mấy trà-phường-chủ được ghi chép vào lịch-sử trà-đạo nữa là bởi không một ai hơn được tay Thiên-Hạ-Nhật trong thế-kỷ thứ XVI trên đây.



d) — Trà - phiên là giới do chủ-nhân thuê buổi hay mướn năm, chuyên hầu tiếp trong các cuộc trà-thang. Mướn năm, thường là nam trà-phiên, còn nữ trà-phiên thường chỉ do mướn buổi cũng như ca-nương. Cho nên, nữ trà-phiên với ca-nương thường họp thành ban với nhau cho được nhất tề đồng điệu. Tuy nhiên, tại những nơi đại quyền-quí hay đại phú-thương thường nuôi lấy đoàn nữ trà-phiên và ca-nương riêng, sớm hôm chỉ phân sắp nhón nhợ để mỗi tháng mới ra hầu tiếp trong vài buổi trà-thang. Để được

tiếng là tay thanh-lich cao sang và cũng để cho nữ trà-phiên cũng ca-nương trong phủ mình được đẹp để yêu kiều nên chủ-nhân nào cũng châu cấp ưu - đãi trà-phiên cũng ca-nương, cho giới này sống đời xa xỉ nhàn hạ suốt mấy thế-kỷ của thời Chiến-Quốc đại-loạn và thời Đức-Xuyên đối đãi.

c) Trà Phiên Cuồng-Ngôn — Là giới chuyên ngồi kể hầu chuyện vui hoặc thỉnh thoảng chêm vào một vài câu hài-hước với quan-khách để thêm không khí vui vẻ cho cuộc trà-thang thường là nghiêm-nghị đến độ quá dài các. Người được tuyển vào vai trò này không dễ dàng như kép riều ba lơ chôn kịch-trường, mà phải là người học rộng, sáng dạ, lời lẽ duyên dáng tế nhị, đầu hài-hước nhưng là lời lẽ thanh tao điển-tích chứ không được xàm xỡ hỗn tạp khiến quan-khách là giới thượng-lưu cao cách có thể vì trà-phiên cuồng ngôn mà giận lấy đến chủ-nhân. Thế nên, có nhiều cửa quyền quý tổ chức trà-thang mà không có trà-phiên cuồng ngôn vì không có người khả đáng. Lại cũng có những tay trà-phiên cuồng ngôn được ban

thường rất hậu chỉ vì một lời do sức học của mình thốt ra đã tháo được nước bí cho những ông lớn trong khi đàm-thoại.

trà-đạo với trà-khi

(cha-đã to cha-kì)

Trà-đạo đã từ xây dựng vật chất là trà-đạo-cụ, là trà-thất đến tinh-thần là trà-kỹ, là khiết-trà-phong, và lễ-pháp là trà-thang; nhưng thế vẫn chưa đủ xây đắp cho giá trị của trà-đạo mà còn phải có trà-khi nữa mới khả dĩ chu toàn cái cực mọi lẽ của nền nếp cao thượng.

Tất cả những trình bày trên đây đều là sở khoản dài thọ về phía chủ-nhân, đầu vật-chất hay tinh-thần, nhưng đã nhập làng trà-đạo là phải dài thọ với ý khí hào-phóng hiên ngang, không ngại tồn kém, không quản dầy dà, chỉ ganh đua cho hơn chứ không chịu thua, thấy người có bộ đồ trà quý là chỉ xem để về tự tìm lấy bộ đồ quý khác, hơn hay là bằng chứ không bao giờ chịu hạ thân đi mướn đồ quý của người về làm sang mà đãi khách mình. Do ý khí ấy mà trong làng trà-đạo mới là

cả một rừng những bộ đồ trà quý giá, muôn vẻ muôn hình của các thế hệ cổ kim Trung-quốc, Triều-Tiên hay của bản quốc. Mỗi nội-tâm trà-thất lại là mỗi vẻ cấu kỳ về kiến-tạo và công-phu sưu tập qua năm này năm khác, từ thời tổ-phụ truyền đến con cháu.

Phần khách đến hưởng thụ, không bao giờ màng đến no bụng mà chỉ dềnh dang để hưởng hương, phải từ tốn, thẽ thọt, nghiêm trang, lời lời là lời lời nghĩa lý, vui vẻ, nghe kỹ lời người rồi mình mới ôn tồn đối đáp; nội bao nhiêu những đồ kị ghen đua hoặc lợi lộc tâm thường trong đời sống ô trọc là không được đã động đến, làm vẩn đục không khi cao thượng và trong lành của cuộc trà-thang. Theo giải thích của Hán-Hòa Trung Từ Điển, Trang 932, thì:

« CHAKI: Sappari shite, fu-sei wakare no shita ki-shitsu: **TRÀ-KHÍ**: là tuyệt - đối ly khai với thường cội phù-thê ».

Vậy, cả chủ lẫn khách, nói chung là làng trà-đạo phải tinh thần thoát tục mới gọi là có trà-khí. Cho nên, không dễ gì được nhập làng trà - đạo, và cũng không dễ gì được mời đi dự trà-thang.

một trang hào-hoa trong làng trà-đạo

Phong-trào trà-đạo ngày nay ở Nhật-Bản đã bị đời sống cơ-khí làm ngưng hoạt-động lại rồi. Có còn chăng, là chỉ nơi giới tăng-lữ hoặc phú-hào xa các thị-trần ồn-ào, nhưng cái trà-khí giảm sút đi nhiều. Không rõ rồi về sau đây, có còn thời-đại hoàng - kim nào để người Nhật phục-hồi lại cái cao-phong nhàn tản cùng tư cách mã-thượng của trà-đạo ấy nữa hay không, chứ còn căn cứ nơi hiện-trạng ngưng động, thời trang hào - hoa mà chúng tôi trình bày dưới đây, quả là khách hào-hoa mã thượng vô tiền khoáng hậu trong làng trà-đạo.

Trang hào-hoa mã-thượng ấy là Phong-Thần Tú-Cát đã kể đến vậy.

Phong-Thần Tú-Cát là bậc cái-thể anh-hùng, có đại-công kê-chí Chức-Điển Tín-Tướng mà ổn-định nội-loạn Chiền-Quốc để thành công thống nhất, nhưng rồi ôm hận ngàn thu là đền phần Đức-Xuyên Gia-Khang ngồi mát hưởng vàng mà nên sự nghiệp Đức-Xuyên Tướng-Quân, trong ngót ba thế-kỷ.

Khi Phong-Thần Tú-Cát lên kế-nghiệp Tín-Tướng mà điều khiển việc thiên-hạ, ông ta trả riêng một khoản niên - bổng cho quái-kiệt trà-nhân Thiên-Lợi-Hưu tới mức mà những tay giầu có bồn bề đương thời, như Đức - Xuyên Gia-Khang, theo không kịp là 3.000 thạch thóc. Có đệ-nhất trà-nhân, dĩ nhiên là để tiếp đãi các hoàng-thân cùng khách quyền-quý cho được hết về thanh-lịch, nhưng rồi Phong-Thần Tú-Cát còn muốn đem thanh-lịch ấy ra tiếp đãi cả làng trà-đạo trong toàn khu vực trung - ương Cận - Kỳ (rộng khoảng 400 cây số đường kính) nên vào ngày 1 tháng 10 niên hiệu Thiên - Chính thứ 15 đời Hậu Dương - Thành Thiên - Hoàng, 1587, ông tổ-chức một Bắc-Dã Đại Trà-Hội (Kitano Dai Sa-kai) tại khắp khu rừng thông núi Bắc-Dã ở áp Kinh-Đô.

Ông đặt giấy mời và yết thông-cáo, lấy ngày 1-10 làm kỳ hạn khai mạc đại trà-hội, lấy rừng thông Bắc-Dã Sơn làm địa-điểm, mời vô luận là thượng-khách cao sang hoặc cùng đinh khổ vại ai là người ưa chuộng trà-thang thời tự mang ấm chén của mình đến

dự trong mười ngày, còn trà lửa bánh trái, cơm nước do ông ta sở thụ hết.



Trà-trường là khu rừng tùng tại Bắc-Dã Sơn, ông cho cắt tám trăm căn trà-thất, ẩn khuất rải rác cùng cả rừng-lâm, chuẩn bị hàng tấn trà thượng-hảo, cả vạn đôi chiếu, cả mây ngàn xiêu và hỏa lò, đặt trước hết các hàng bánh kẹo ở Kinh-Đô, cho xay giã cả hàng trăm gian nhà gạo để tiếp đón khách yêu trà từ bốn phương đổ tới. Đến ngày khai - mạc, nguyên tại vùng Đại-Bản đã trên ba trăm người thuê thuyền lên dự, cộng khách các nơi và tại Kinh Đô đổ tới đông nghẹt cả khu rừng. Tám trăm căn trà thất không đủ chỗ, phải cho đem thêm chiếu đến để tùy khách trải ngồi trên các bãi.

Kinh-Đô trở nên náo nhiệt cực kỳ do làng xa mã các nơi với đủ vẻ thanh - lịch, với

những bộ đồ trà gia-truyền quý giá nhất, thầy thầy tớ tớ đồ đèn. Lại cả những nông, công nhân cùng vũ-sỹ hạ đẳng, nghĩ rằng thiên-cổ mới có vị đại tướng-quân quyền uy nhất nước hạ mình xuống tiếp đãi nên không quản xa xôi, dầu là âm đất, chén đàn, cơm đùm gạo bọc ăn đường cũng không quản để tới dự.

Trà trường chia thành 4 khu, tùy nghi khách muốn ngồi khu nào cũng được, không phân biệt quý tiện, không cách bức giầu nghèo; các vật phẩm như trà, quả bánh, cơm nước đưa ra cung đãi đều ngang khẩu-phận và đồng phẩm lượng. Tại mỗi khu có hàng trăm trà-phiên nam nữ thanh tươm cử ra bồi tiếp, một khu do chính đại tướng-quân Phong-Thần Tú-Cát chỉ huy tiếp đãi, một khu do ông Thiên-Hạ-Nhất, hai khu kia do hai trà-phường-chủ hữu hạng là:

— Tân-Điện Tông-Cập

(Tsuda Sôkyu) và

— Kim-Tĩnh Tông-Cửu

(Konshô Mune - Naga)

đảm đương. Nguyên-tắc của đại trà hội là bình-đẳng, người chỉ huy tiếp đãi là phải có mặt tại khắp các trà thất trong Khu

của mình. dầu khách quý, khách tiện đều phải tự thân ngồi xuống trò chuyện dăm ba câu, cùng uống vài ngụm trà, cùng nếm vài mẫu bánh cho đủ lễ nghi bồi-tiếp và xem chừng thiếu thốn chi là bỏ khuyêt tức thời.



Là đại tướng-quân quyền uy khuynh loát cả Hoàng-Gia, sinh sát ở trong tay có ngày chặt cả ngàn thủ cấp ở mặt trận mà nay chỉ vì bản tính phóng khoáng quảng giao, say mê trà-đạo đến không nề hà, ngồi xuống chiêu với gã nông-phu hay người vũ-sỹ hạ đẳng vào cấp bình nhĩ, uống chung ấm trà, ăn cùng đĩa bánh do chính mình không ngại tồn kém đến tư-sản bỏ ra thết đãi, thời quả là tay hào-hoa phi-thường trong làng trà-đạo cổ kim. Đến những khách hưởng ứng lời mời, giầu là thuê thuyền thuê kiệu, lặn lội cả nửa tháng đường trường với hàng

đoàn gia-nhân tồn kém thập bội về chi phí; nghèo là túi gạo giắt lưng leo đèo bộ hành chỉ để hợp mặt hưởng mây chén trà dưới rừng thông trên đất khách, thời cái trà-khí của người Nhật-Bản ở giáp cận-đại thời quả là đạt tới cực mọi lẽ của về hào hùng.



Về phần trang hào-hoa Phong-Thần Tú-Cát, tuy đã chuẩn bị đủ tiếp làng trà-đạo Tân-Kỳ trong mười ngày, nhưng đại trà hội vừa khai mạc thời có tin cấp báo về tình hình Cửu-Châu, các vũ-gia Đại-Danh lĩnh chúa tại đây liền họp nhau lại, tuyên-bổ không phục tùng trung-ương và đương sửa soạn tiền sang Tây-Nam Bản-Châu để giúp những vũ-gia lĩnh-chúa bên này cùng nổi lên tự-trị, lập lại thể phân-thổ của thời Chiến Quốc vừa qua. Trước cơ sự, vừa gây dựng xong cơ đồ thống-nhất đã bị xứt mẻ liền.

nếu không ngăn chặn kịp mà để họ tiền nổi sang bên này Bản-Châu thời tình thế càng thêm khó khăn hơn nữa, Phong-Thần Tú-Cát đành ôm hận từ biệt cả vạn khách yêu trà trao trà-trư-ờng lại cho ông Thiên-Hạ-Nhất điều khiển mà vội vã đi điều vát lầy 20 vạn quân để kịp xuống chinh. tiểu Cửu Châu.

Phong-Thần Tú-Cát đi rồi, không khí trà-trường đương nhiên kém phần hào hứng, lại nữa, cao thượng-tướng bảo vệ Kinh-Đô phải tạm đem hết lực-lượng bản-bộ theo chủ xuống Tây-Nam, nên Thiên Lợi-Hưu e ngại hậu hoạn, chỉ lưu khách thưởng trà lại có hai ngày nữa, rồi đành có lời từ tạ giải tán. Sô trà dự liệu, đem phong thành phần, biểu hết cho khách tri-âm làm quà hồi lý. Rừng thông Bắc-Dã-Sơn, lại trở lại thanh u từ ngày 4-10-1587 với 800 căn trà thất trơ ra với nắng sương bị xiêu vẹo lẩn lẩn, biến thành củi thối cho đám dân nghèo duy chỉ lưu lại hào khí trà-trường vào lịch-sử truyền mãi mãi về sau này.

một bức tranh

SA - SƯƠNG - TRINH

Chàng ngồi đó — thu mình
Sau lùm cây — hồi hộp
Vội cây sừng trên tay
Chờ con mỗi hiện bóng
Nhưng khi cánh lá động :
Một con nai hiện lảnh
Chậm bước ra bờ suối
Chàng buông súng, lặng nhìn



tiếng hát trên không

● MẠC - TƯỜNG

em hát khúc thiên thu
buổi chiều này sắp tàn
đêm dài không đếm lửa
ngàn năm buồn xương tan

em hát khúc thiên thu
biển cát với sương mù
linh hồn nương trong đó
ngàn năm còn phiêu du

xuân cảm

● ĐD. THÍCH-QUẢNG-ĐỘ



Xuân đã về đây, trong tuyết sương
Lòng tôi tê tái suốt đêm trường.
Trời nam ngảnh lại tình chưa xót
Hai chực nữa, rồi xuân chiu thương

Đất me giờ đây biết có hoa
Gió xuân đùa rợn, nắng chan hòa ?
Hay mờ khói đạn trên đồng nội ?
Lạnh lẽo đêm tàn súng điểm ba ?

Tôi nhớ năm xưa thuở thiếu thời
Xuân về, ý sống ngập hồn tôi
Tôi cũng bạn trẻ nơi bờ dậu
Chạy nhảy tung bừng đuổi bướm chơi

Mẹ tôi lặng lẽ đứng nhìn tôi
Trôi mền thương yêu mím miệng cười :
« Con trẻ hôm nay dăm ấm quá
Nguyện cầu mãi mãi chúng vui tươi »

Nhưng giờ hân mẹ đau lòng lắm
Bọn trẻ ngày xưa ngập oán thù
Danh lợi giết lẫn tâm trí chúng
Giết luôn tình cảm lúc ngây thơ

Lạy Đức Từ Bi cứu Mẹ con
Xác xơ giải đất quá hao mòn
Bốn mươi thế kỷ dăm sương gió
Khổ nhục bao lần bởi lũ con ? !

(Tokyo, đêm trừ tịch)



NGƯỜI CHIẾN QUỐC

VÊ-ƯỞNG

★ Thiệu - Sơn

CÔNG-tôn Ưởng con thứ dòng Vê-hầu gặp lúc nước Vê suy-vi bèn bỏ đi qua nước Ngụy. Tướng quốc Ngụy là Công-thúc-Tọa biết là người có tài, muốn tấn-dùng trọng-chức nhưng chưa kịp sắp đặt thì Công-Thúc-Tọa đau.

Vua Ngụy-Huệ-Vương qua thăm thấy bệnh thể quá nặng, bèn khóc mà hỏi rằng : « Vạn nhất người không hết bệnh thì ta phải gởi nước cho người nào ? »

Công-thúc-Tọa liền giới thiệu Vê-Ưởng và nói thêm : « Người này tuy còn nhỏ nhưng là bậc kỳ tài. Như chúa-công ký-thác việc nước cho va chắc chắn là va sẽ lo liệu và sắp đặt việc nước bằng mười tôi. Tuy nhiên, nếu chúa-công không dùng thì phải giết đi

cho rồi, chớ để va qua nước khác va sẽ làm hại nước Ngụy »

Thấy Ngụy-Huệ-Vương coi bộ không mấy thiết tha Công-thúc-Tọa bèn kêu Vê-Ưởng tới bên giường nói lại cho nghe tất cả những gì ông đã nói với Huệ-Vương và khuyên Vê-Ưởng nên trốn đi để tránh tai họa. Vê-Ưởng nói : « Chúa công đã không tin lời Tướng-quốc mà dùng tôi, đâu có nghe lời Tướng-quốc mà trở lại giết tôi. » Nói rồi Vê-Ưởng cứ ung dung ở lại nước Ngụy mà không chịu đi đâu cả. Một quan đại phu khác là Công-Tử-Ẩn còn tiến-cử cho Huệ-Vương một lần nữa nhưng nhà vua vẫn không chịu dùng.

Vê-Ưởng nghe Tần-Hiếu-

NGƯỜI CHIẾN QUỐC

Công hạ lệnh chiêu-hiến liền bỏ Ngụy qua Tần, ở nhà một tôi yêu dẫu của Hiếu-Công là Cảnh-Giám Cảnh-Giám giới thiệu, Hiếu-Công đòi vào và khiến Vê-Ưởng thuyết trình cho nghe về thuật-trì quốc. Vê-Ưởng nói chuyện Phục Hi, Thần-Nông rồi qua vua Nghiêu vua Thuấn. Vê-Ưởng nói thao thao bất tuyệt trong khi Huệ-Vương Phán không buồn nghe và đánh được một giấc ngủ dài. Nhà vua nói với Cảnh-Giám là ông đã giới thiệu một người vu-khoát. Cách năm ngày sau Cảnh-Giám lại năn nỉ xin cho Vê-Ưởng được tiếp xúc một lần thứ hai nữa. Lần này Vê-Ưởng lại nói tới chuyện Vua Hạ-Võ, vua Thang, vua Võ và lại làm cho Huệ-Vương chán-nản thêm một lần nữa. Ra về Vê-Ưởng nói với Cảnh-Giám : « Trước tôi nói về Đế-đạo, chúa công không nghe. Bây giờ tôi nói về Vương-đạo, chúa-công cũng không thích. Nhưng tôi đã xét rõ ý chúa-công rồi. Nếu tôi được vào triều một lần nữa thì sẽ tìm cách nói trúng ý chúa-công »

Cách sau năm ngày, Cảnh-Giám vào Triều. Hiếu-Công

đường uống rượu thỉnh linh thấy một bầy chim hồng bay ngang, bèn ngừng chén mà than rằng : « Trước Tề Hoàn Công có nói : Ta được Quân-Trọng cũng như chim hồng có lông cánh, nay ta hạ-lệnh cầu hiền đã ba tháng nay mà không có người kỳ tài tới ứng mạng, có khác chi chim hồng có chỉ vay cao mà không có lông cánh ».

Cảnh-Giám liền nhắc tới người môn-khách của ông là Vê-Ưởng trước đã thuyết trình về Đế-đạo, Vương-Đạo mà bị nhà vua chê là vu-khoát. Nhưng Vê-Ưởng còn có bá-thuật muốn dâng lên nếu nhà vua muốn nghe thì xin để hẳn được nói hết. Nghe thấy 2 chữ bá-thuật Huệ-Công liền cho mời Vê-Ưởng vào triều-kiến và những lời nói đầu của vua Tần là những lời này : « Nghe nhà người có bá-đạo, sao không sớm bày cho ta ? » Vê-Ưởng thưa : « Tôi không phải không muốn nói nhưng vì bá-đạo phải nghịch dân-tình, sợ nói ra thì dễ mà làm được thì khó, như xưa Trọng-phụ làm tướng nước Tề :

Đúng

NEUROTONIC

BỔ ỨC

Tăng cường trí não

sửa đổi việc nội chánh, kú quân-linh, đổi hết phép cũ nước Tề, chúng dân đã quen mắt, thay cũ đổi mới nào có vui theo, mà đến khi trong thành chánh lệnh, ngoài khỏi giặc cướp thì chúa hưởng được tiếng tốt, dân cũng có lợi nhiều, mới biết là Trọng-Phụ có tài xuất-chúng. Hiện nay tình thế nước Tần muốn nước giàu thì phải khuyên dân làm ruộng cho nhiều, muốn binh mạnh thì phải dạy dân tập đánh cho giỏi, bày luật thưởng, phạt cho nghiêm, dân tình mới biết lập công, sợ tội. Trong nước mà sắp đặt được như thế thì có lo chi mà binh không mạnh, nước không giàu ! Nhưng làm theo luật ấy thì phải cần người giỏi, mà người giỏi không được chúa công chuyên dùng thì thuật ấy cũng khó làm được." Hiếu-Công nói : « Người thiệt có thuật hay như Trọng-Phụ thì ta giao việc cho người, nhưng phải nói hết thuật của người để ta tường tất ». Vệ-Uởng hẹn 3 ngày sau sẽ phúc trình. Mới được một ngày Hiếu-Công đã hối. Nhưng Vệ-Uởng cương quyết chờ cho hết hạn 3

ngày ý muốn cho Hiếu-Công phải trông đợi để thêm lòng tin tưởng. Kết quả là sau khi trình bày cặn kẽ chương trình và kế hoạch của mình Vệ-Uởng đã làm cho Hiếu-Công phải tin-tưởng nơi mình và giao cho toàn quyền hành-dộng. Vệ-Uởng được phong làm Tả-Thứ-Trưởng, cho ở một khoảnh đất thứ nhứt và được thưởng 500 nén vàng.



Sau khi đã định lệnh, biện-pháp, đem các điều khoản trình dâng cho Hiếu-Công thương nghị đích đáng rồi Vệ-Uởng cũng chưa chịu ra yết thị bố cáo sợ dân chúng không tin. Ông khiến người ta dựng một cây dài ba trượng ở cửa Nam chợ Hàm-Dương và truyền lệnh hễ người nào dời được cây này qua cửa Bắc thì được thưởng 10 nén vàng. Dân trăm họ tới coi rất đông đều lấy làm lạ không hiểu ý nghĩ của Tả-Thứ-Trưởng muốn gì. Cây không lớn, không nặng, sức người mạnh có thể đem dư mà sao lại cho thưởng lớn như thế. Bởi thế nên chỉ đông người đến coi, chứ không ai xung phong vào vác Vệ-Uởng

lại đòi lĩnh cho phần thưởng lên tới 50 nén vàng lại làm cho bá tánh nghi hơn nữa. Nhưng rồi cũng có người bước ra nói : « Phép nước Tần vẫn không trọng thưởng, nay thỉnh lĩnh có lệnh này chắc nhiều người phải hồ nghi dè dặt. Nhưng cho rằng không được 50 nén vàng thì cũng được chút đỉnh, chứ lẽ nào tuân lệnh mà có tội ? ».

Nói rồi anh ta sốc lại vác cây đem qua dựng ở cửa Bắc, người ta theo coi chen chùn không lọt. Chức-lại chạy về báo với Vệ-Uởng. Ông bèn đòi người vác cây tới khen rằng : « Người thiệt là một người dân lương thiện biết tuân lệnh ta ». Khen rồi liền thưởng cho 50 nén vàng mà nói : « Ta không bao giờ thất tín với dân. » Người giữa chợ bàn tán với nhau : « Quan Tả-Thứ-trưởng lệnh ra quyết làm, chúng ta nên răn lấy nhau, chớ theo như thói cũ. »

Ngày hôm sau Vệ-Uởng cho bố-cáo tân lệnh. Dân trăm họ nghị luận phân-vấn, người thì nói bất-

tiện, người thì nói tiện. Vệ-Uởng cho bắt hết tới phủ rồi trách rằng : « Chúng bây nghe luận thì phải tuân hành. Đứa nào nói bất tiện ấy là dân nghịch lệnh. Đứa nào nói tiện cũng là mị-lệnh, đều không phải là lương-dân. » Bèn cho biên tên họ hết, đẩy làm quân đi thú ở ngoài biên-dịa. Các quan Đại-phu tự-nghị tân-pháp cũng bị cách chức làm dân. Từ ấy đi ngoài đường ai nấy đều lấy mắt ngó nhau không dám nói một tiếng.

Vệ-Uởng còn huy-dộng quân lính xây cung khuyết ở trong thành Hàm-Dương, lựa ngày thiên-đô về đó. Thế-Tử Tứ là con của Hiếu-Công chê tân pháp không tốt. Vệ-Uởng cả giận nói : « Phép không làm được lỗi tự bề trên. Thế-Tử là con chúa công không nên gia hình, nhưng hai vị Sư, Phó phải chịu trách nhiệm. » Vệ-Uởng bèn tâu tới Hiếu-Công bắt tội Thái-Phó phải cắt mũi và Thái-Sư phải thích tự.

Dân trăm họ nói với nhau : « Thế-Tử vi-linh còn bắt tội Sư

PHONG-PHÚ

NEUROTONIC BỔ ỨC
Tăng cường trí nhớ

575 BYT 20-11-63

PHONG-PHÚ

NEUROTONIC BỔ ỨC
Tăng cường trí nhớ

575 BYT 20-11-63

Phó, hướng chỉ là người khác». Vệ-Uởng biết nhân-tâm đã yên mới lựa ngày thiên-đô. Những họ đại-tộc Ung-Châu dời qua Hàm Dương có hơn 3000 nhà, chia nước Tần ra làm 31 huyện, khai khẩn điền mẫu, tăng thuế tới trên 100 vạn. Vệ-Uởng thường thân hành tới Sông Vị xét tù, một ngày giết tới 700 người, thấy năm chập đất, máu chảy thành sông, tiếng khóc đầy đường, dân trăm họ nằm ngủ ban đêm bao trùm trong ác mộng, thất hồn, lạc vía, khủng khiếp vô cùng. Từ ấy trong nước không sanh đạo tặc, ngoài đường chẳng lượm của rơi, tiền, lúa chứa chắt đầy kho, nước giàu, binh mạnh, thiên hạ khó địch lại nước Tần. Tần-Hiếu-Công đem quân đánh Sở, lấy được đất Thương-Ô. Thiên-Tử nhà Châu sai sứ sách phong nước Tần là phương bá, các nước đều đem lễ chúc mừng. Lúc ấy ba nước Tấn (Tam Tấn) chỉ có một nước Ngụy là xưng Vương, có ý muốn thôn tính hai nước Hàn và Triệu, nghe Vệ-Uởng làm quan ở nước Tần bèn than rằng: «Trước ta không nghe lời Công-thúc-Tọa nay có hối thì sự đã rồi». Vua Ngụy vừa hỏi rằng gặp người tài mà không biết dùng. Nhưng ông còn hối rằng không

dùng sao không giết đi như lời Công-thúc-Tọa đã khuyên ông.



Được tin danh tướng Ngụy là Bàng Quyên đã bỏ mình ngoài mặt trận Vệ-Uởng liền đề nghị với Tần-hầu đem binh chinh phạt. Hiếu-Công cho Vệ-Uởng làm đại-tướng kéo 5 vạn hùng binh qua đánh Ngụy. Quân Ngụy mới ra khỏi Hàm-Dương thì quan trấn thủ ở Tây-Hà đã cho người về cấp báo với Ngụy-Huệ-Vương ở An-Áp. Công-tử-An xin kéo binh ra Tây-Hà tiếp cứu, nghĩ rằng trước kia đã có công châu cấp và tiến dẫn Vệ-Uởng thì thế nào Vệ-Uởng cũng vì ơn cũ, nghĩa xưa mà cho điều đình để cứu vãn danh dự và số phận của đất nước. Ai ngờ Vệ-Uởng gạt luôn người bạn cũ quá thật thà cho lọt vào vòng vây của quân địch, bắt nốt Công-Tử-An, đánh tan quân Ngụy, đoạt ải Tây-Hà, lừa quân tới An-Áp. Huệ-Vương cả sợ bèn khiến quan Đại-phu là Long-Giả qua quân Tần xin hòa. Vệ-Uởng nói: «Vua nước Ngụy không dùng được tôi nên tôi phải làm quan ở nước Tần. Nước Tần đã dùng tôi làm khanh-tướng lại cho nắm binh quyền, nay tôi không dám phụ ơn nước Tần, thế phải đánh lấy nước Ngụy.»

Long-Giả nói: «Tôi nghe ngựa hay mền rừng cũ, tôi giỏi nhớ vua xưa, Ngụy-Vương tuy không dùng được Túc-hạ, nhưng sống nhờ đâu, lớn ở đâu? Nước Ngụy gần như chỗ cắt rún, chôn nhau Túc-hạ vong tình sao được?». Vệ-Uởng ngẫm nghĩ một hồi lâu rồi mới nói với Long-Giả rằng: «Bây giờ như muốn ta lui quân thì phải cắt đất Tây-Hà đem dâng cho nước Tần». Ngụy Vương buộc lòng phải chấp nhận tất cả điều-kiện nói trên, phải dời đô qua Đại-Lương, phải đổi quốc-hiệu là nước Lương vì mất Tây-Hà thì An-ấp ở gần Tần quá, thường bị uy-hiếp, khó thể giữ được.



Đắc thắng trở về, Vệ-Uởng được vua Tần phong cho làm liệt hầu, ban ấp Thương-Ô, gọi là Thương-quân và từ đây người ta thường kêu là Thương-Uởng. Vệ-Uởng nói với gia thần rằng:

«Ta là con dòng thứ nước Vệ, qua giúp Tần nên nghiệp lớn, bây giờ lại được đất Ngụy 700 dặm, phong ấp 15 thành, lập-chí

như ta tưởng cũng đã oanh liệt». Môn khách ai cũng lên tiếng chúc mừng. Thành linh có một người coi bộ tức giận bước ra đứng trước mà nói rằng: Một ngàn người dạ thừa, đâu bằng một người hay trái-ý cái lời. Các người là môn-hạ Thương-quân, sao lại đua nịnh nhiều lời làm thêm hại chủ». Mọi người ngó lại mới hay là thượng - khách Triệu-Lương: «Tiên - sinh nói chúng hay đua nịnh thì như sự nghiệp tôi sợ với Ngũ-cổ đại-phu là Bá-Lý-Hề ai giỏi hơn? Triệu Lương nói: «Tướng - công đã hỏi tới, tiện-sĩ dám xin thừa. Trước Ngũ-Cổ đại-phu giúp Mục Công, ba lần đặt vị tân-quân, thống-thuộc 20 nước khiến chúa được phong bá - chủ Tây-Nhung. Vậy mà Ngũ-cổ Đại - phu nằng không đi lộng, mỗi không ngồi xe, tới khi qua đời, trăm họ khóc thương không khác gì mất cha mẹ. Bây giờ Tướng - công đắc dụng đã 8 năm, pháp lệnh tay làm, hình giết quá thảm dân thấy sợ mà không thấy thương biết lợi mà không biết nghĩa. gia

PHONG-PHU

Định NEUROTONIC

BỒ ỒC
Tăng cường trí não

575 BYT 20-11-63

hình tới Sư. Phó, Thế-Tử oán thắm xương, ở ngoài dân-gian nhà nào cũng tích hận. Một mai Tần hầu tạ-thể. Tướng công chưa để ngồi yên, trường oanh liệt, cuộc giàu sang lúc ấy sẽ tan như mây khói. Ngay từ bây giờ. Tướng-công nên cử người hiền lên thay chức, lui về vui thú điền viên, họa may ngày sau còn bảo toàn thân danh được». Vệ-Uởng nghe nói không bằng lòng. Cách 5 tháng, Tần - Hiếu - Công cảm bệnh tạ-thể, đình-thần tôn Thế-Tử Tứ lên ngôi lấy hiệu là Huệ Văn Công. Và từ đó bắt đầu những ngày tàn của Vệ-Uởng, đúng như lời tiên đoán của Triệu-Lương.

Thái-Phó là Công-Tử Kiên, Thái-sur là Công Tôn Cồ đều tâu với vua mới: « Chúng tôi có nghe Đại-Thần lộng quyền thì nguy tới nước, tả-hữu ỷ-thể thì hại tới vua. Vệ - Uởng lập pháp trị nước Tần, người trong nước ai cũng đều oán, bây giờ lại được phong ấp, chức trọng quyền cao, về sau không khỏi mưu phản. » Huệ Văn-Công nói « Ta vẫn giận anh

giặc ấy, hiềm vì là một vị cự thần, chưa có tội trạng nên còn dung thứ mà thôi. »

Tuy nói thế nhưng ông cũng cho thân tướng ấn của Vệ-Uởng và cho về hưu-trí ở Thượng Ô.

Lúc từ giả triều-thần Vệ-Uởng vẫn hiêu hiêu sự-đắc, thẳng xe ra cửa thành với nghi-lễ của một ông vua chư-hầu. Thái độ đó càng làm cho phe đối lập thêm bất bình và họ càng có cơ đề tâu với Tần-hầu là Vệ-Uởng lập tâm phản-nghịch. Huệ-Văn-Công liền khiển Công-tôn Cồ đem 300 võ sĩ đuổi theo. Dân trăm họ tích hận đã lâu nghe tin đi bắt Vệ-Uởng cũng chạy theo tới hơn 300 người. Ra khỏi thành đã được hơn trăm dặm, Vệ-Uởng nghe có quân đuổi theo liền thay đồ y phục, giả như một người lính chạy trốn. Chạy tới Hàm quan, trời đã chiều tối, phải nghỉ lại nhà quán. Chủ quán hỏi giấy thân Vệ-Uởng nói không có. Chủ quán không cho nghỉ mà nói rằng « Phép Thương quân hễ người nào không có giấy thân mà chứa

trong nhà thì tội ấy đáng chém. » Vệ-Uởng than rằng: « Phép tự ta bày đặt bây giờ làm hại thân ta ». Rồi liền đem ra khỏi Hàm-quan chạy thẳng qua nước Ngụy. Vua Ngụy giận vì vụ bắt Công-Tử-Ấn, cắt đất Tây-Hà nên muốn giam lại để giao cho vua Tần. Vệ-Uởng trốn kịp về Thương-Ô, mưu khởi binh đánh Tần thì bị Công-Tôn-Cồ bắt trói đem về. Huệ-Văn-Công kể tội trạng, truyền đem ra giữa chợ cho năm cái xe trâu xé xác. Một lát dân tới giành thịt ăn hết. Vệ-Uởng chết rồi, trăm họ mừng lắm.

Không ai phủ nhận tài trị quốc của Vệ-Uởng. Chẳng những ông rành bá-thuật mà ông còn biết cả Đế-đạo và Vương-đạo mà ông đã dùng để dỗ giấc ngủ cho vua Tần. Nhưng các cơ gặp ông vua nào khác muốn áp dụng chánh-sách của Phục-Hi, Thần-Nông Nghiêu, Thuấn, Thang, Võ thì chắc chắn là Vệ-Uởng sẽ không thể nào làm được. Một là vì hoàn cảnh và trình độ nhân loại hồi đó đã khác hẳn với những thời buổi xa, xưa, những thời buổi Tam Hoàng, Ngũ-Đế mà nhân loại mới thoát khỏi cảnh ăn lông, ở lỗ và chỉ mong được

hợp quần để chống với thú dữ và thiên nhiên. Hai là bản thân Vệ-Uởng không có cái đức độ của Thánh-Hiền lớp trước làm sao áp-dụng được Đế-đạo và Vương đạo?

Thế thì chỉ còn có bá-đạo là có thể áp dụng được ở đời Xuân Thu qua sang đời Chiến quốc.

Cố nhiên mỗi cái cách đều xúc phạm đến thói quen và quyền lợi của người dân nên có ban hành tân pháp là đồng thời phải có áp bức và độc tài. Quân-Trọng thi hành cái cách ở nước Tề cũng như Bá-Lý Hề thi hành cái cách ở nước Tần dưới trào Mục-Công đều không thể không cưỡng ép mà thành công. Nhưng cả hai vị Tướng-quốc tiền-bối chưa có ông nào tàn nhẫn như Vệ-Uởng coi mồ hôi nước mắt và xương máu của người dân chẳng ra gì.

Và rốt cuộc là dân đã nhai hết xương thịt của ông ta,

Bạn đọc cứ đọc lại lời phê-bình của Triệu-Lương khi so sánh Thương-quân với Bá-Lý-Hề đủ thấy rõ Bá-đạo không nhứt thiết phải được áp dụng như Thương-quân. Áp dụng như thế là thiếu quan điểm nhân dân. Và kết quả là chết không toàn thân như Thương-Uởng. ★ ●

PHONG-ĐHÙ

NEUROTONIC

BỔ ỚC
Tăng cường trí nhớ

ST5 BYT 20-11-69

FREUD

(tiếp theo P.T. số 143)

★ Thái-Dương

Ở trong cuộc đời chúng ta vẫn phân biệt người đàn ông với người đàn bà, nhưng Khoa Thê-học chỉ xác chứng có mỗi một điểm: « Cái gì thuộc giống đực, là yếu tố sinh dục đực, chất tinh trùng và cái vật chứa nó. Cái gì thuộc giống cái, là buồng trứng và cơ quan chứa đựng nó. »

Sự cấu tạo chung của thân thê là do sự ảnh hưởng của mỗi giống đực hay cái; nhưng những đặc tính phụ thuộc thì vẫn có nhiều điểm thay đổi. Lắm

khi chúng ta còn gặp những yếu tố đực ở trong người đàn bà và ngược lại những yếu tố cái trong thân thê người đàn ông, gọi là lưỡng tính (bisexualité).

Tất cả mọi người đều đồng thời đực và cái nhưng một trong hai đặc tính vượt hơn phần kia. Cái tỷ lệ của tố chất nam tính và nữ tính vẫn thường rất thay đổi, bất định. Trên quan điểm tâm lý cũng có sự lưỡng tính, người ta thường có thói quen dùng chữ nam tính (viril) ở trong nghĩa hoạt động (actif) và chữ nữ tính (féminin) trong nghĩa

FREUD

thụ động (passif). Kề ra cũng không phải là sai nghĩa vì những tế bào sinh dục đực, vẫn là những tế bào hoạt động, di chuyển, thường đến trước tế bào cái, trong khi buồng trứng vẫn đứng yên một chỗ không xô dịch. Cũng như cách thường thức cư xử ngoài đời của hai giống đực và cái, con đực chạy theo con cái mà nó hằng thêm muốn, chụp bắt cho được rồi len lỏi vào trong nội bộ. Tuy nhiên cũng có những giống vật mà chính con cái mạnh khỏe hơn và chuyên tấn công con đực, cũng có những giống vật khác con đực phải lo lắng cho các con lấy một mình nó. Do đó ý nghĩ rằng sự hoạt động chỉ dành riêng cho giống đực sự thụ động dành riêng cho giống cái là một ý nghĩ sai lầm.

Chúng ta hãy đi ngược trở lại nguyên thủy của cuộc sống tâm linh để thử tìm hiểu vì sao những đứa trẻ có khuynh ý lưỡng tính lại trở nên giống cái.

Sự nhận xét thứ nhất, người ta thấy có một vài điểm khác nhau ở hai giống cái và đực. « Các cô bé gái thường ít thích

tấn công, ít trêu tức, ít tự tôn tự đại nhưng lại thêm sự mơn trớn vuốt ve, dễ bảo và chịu lệ thuộc hơn các chú bé trai. Các cô bé vẫn dễ dạy hơn trong sự công việc bài tiết, vì nước tiểu và phân là món quà thứ nhất mà đứa trẻ trao tặng cho người săn sóc nó. Dạy cho đứa trẻ biết kiềm chế điều khiển được công việc bài tiết cũng là một sự thành công rồi. Đồng tuổi nhau đứa bé gái vẫn thông minh hơn, nhanh nhẹn hơn đứa bé trai. Nhưng mà, những sự cách biệt ấy chẳng lấy gì làm quan trọng lắm. Ở giai đoạn thứ nhất, trong cuộc sống dục tính, người ta nhận thấy nhiều sự giống nhau hơn là nhiều sự khác biệt. Vào giai đoạn khiêu dâm hậu môn (érotisme anal) thì đứa bé gái cũng chẳng chịu kém đứa bé trai. Đến giai đoạn tôn sùng âm dương vật đứa bé gái biết tìm những khoái cảm với cái âm hạch bé nhỏ của nó, cũng như một đứa bé trai. Thế thì đứa bé gái cũng hết như một đứa bé trai trong giai đoạn ấy.

PHONG-PHU

NEUROTONIC BỔ CƯỜNG TĂNG CƯỜNG

575 BYT 20-11-65

Một sự phân biệt quan trọng ở mỗi phức tạp oedipe, vật yêu thứ nhất của đứa bé trai là người mẹ, nó yêu, thương đến suốt đời. Với đứa bé gái cũng thế, vật yêu thứ nhất là người mẹ hoặc người vú nuôi chị ở v.v... Nhưng sau đây nó phải lìa bỏ để tìm về người cha rồi lại từ bỏ tình yêu cha sang một mối tình vĩnh viễn khác: yêu chồng.

Freud thú thật rằng, trong một thời gian khá lâu ông đã sao nhãng cái tình của đứa con gái đối với mẹ ở thuở ban đầu, giai đoạn tiền Oedipe. Có khi kéo dài đến năm cô bé lên 4 tuổi, trong suốt thời kỳ ấy người cha chỉ là một đối thủ khó chịu.

Với những kẻ mắc chứng loạn thần kinh, sự ám ảnh vì muốn quyến rũ ai, bản tính tự nhiên của mỗi người, trước khi đặt vào cha cô bé có thể trao cả cho người mẹ. Ở đây nó được đi sát với sự thật hơn, vì người mẹ trong lúc tắm rửa đã đụng chạm vào cơ quan sinh dục của con, đã cho con những

niềm khoái cảm thứ nhất. Cổ nhiên mấy hiện trạng này ít ai biết nếu chỉ nhìn vào những hoàn cảnh của người bình thường. Nhờ nghiên cứu về bệnh lý học, nhà tâm phân đã đề riêng, hoặc phóng đại một sự kiện gì, nên chúng ta mới tìm biết được như thế.

Sức quy định vào tình mẹ ở đứa bé gái đã nhường chỗ cho sức quy định vào tình cha. Lòng yêu mẹ đã biến thành lòng ghét, có thể kéo dài đến mãn đời. Sự giận hờn thứ nhất của đứa bé gái đối với mẹ là nó trách mẹ sao cho nó ít sữa, như thế tức là không yêu nó. Đứa bé ghi nhớ cái kỷ niệm còn đói ấy và không bao giờ tha thứ cho đôi vú mẹ.

Sự giận hờn thứ hai khi mẹ có em bé, dành sữa của nó và dành cả những sự săn sóc yêu chiều đáng lẽ là phần riêng nó. Mẹ cấm không cho đứa trẻ sờ mó đến cơ quan sinh dục, nguồn khoái cảm mà chính mẹ đã chỉ cho nó.

PHONG-PU

Đúng NEUROTONIC BỔ ỨC
Tăng cường trí não

575 BYT 20-11-65

Vấn đề giáo dục, ngay cả một nền giáo dục buông lơi nhất cũng làm trái ý, bắt buộc phải vâng theo những quy lệ mà đứa trẻ không thích.

Cuối cùng, ở đứa bé gái còn có sự mặc cảm rằng mình bị thiếu, ai cắt của mình cái vật giống đứa bé trai, ảnh hưởng này rất sâu đậm, ám ảnh nó suốt đời. Đứa bé gái trách oán mẹ sao không cho nó một vật giống tụi con trai và nó quy hết lỗi vào người.

Sự thèm muốn giống như đứa bé trai đã để lại trong đời đứa bé gái những nét tuy biến thể nhưng không có cách nào xóa bỏ.

Khi đứa bé nghĩ rằng mình bị thiếu, nó sẽ thay hẳn hướng mình đang đi. Ba con đường hiện ra trước mặt:

- 1) Giảm ý chí dục tính, hướng đến sự cuồng loạn.
- 2) Thay đổi tính nết, trở nên một người khác, có mặc cảm về nam tính.
- 3) May mắn nhất vì nó trở nên một người đàn bà bình thường.

Ở trường hợp thứ nhất đứa bé bị tổn thương tự ái, không thêm tìm khoái cảm bằng cách

tự khiêu khích âm hạch nữa. Cùng với tình yêu mẹ, biết mẹ cũng bị thiếu như mình, đứa bé cố sức dồn ép những khuynh ý dục tính, sửa soạn cho 1 cuộc đời bệnh hoạn vì cuồng trí về sau.

Trường hợp thứ hai đứa bé từ chối không chấp nhận sự thực quái ác ấy, cứ tiếp tục tự khiêu khích, phóng đại những cử chỉ mạnh bạo thiên về nam tính. Cầu cứu trong sự làm sao cho giống mẹ ngõ rằng mẹ cũng có dương vật, hoặc giống bố. Muốn sao cho giống con trai, do đó, có nhiều người mắc chứng đồng tính giao phối. Tìm đến cha, xem đó là vật yêu, bị thất vọng lại trở về với cái mặc cảm đầu tiên, thích đàn bà, mong được xem mình như đàn ông.

Trường hợp thứ ba, đứa bé ngừng, không tự tìm khoái cảm ở âm hạch nữa, từ bỏ những hành động khiêu khích; đứa bé đâm ra hiền hòa, do đó mà trở thành người đàn bà bình thường. Cổ nhiên, chỉ bình thường khi sự dồn ép không quá đáng, cảm tình của cô bé thiên về phía yêu cha, muốn có con với cha. Từ giai đoạn thích và biết đùa chơi với âm vật, đứa bé gái đã ao ước làm sao có một đứa con, vì thế chúng ta thấy các cô bé

gái ưa chơi búp bê. Nhưng sự chơi búp bê không hẳn đã biểu lộ chất nữ tính, đấy chỉ là muốn bắt chước mẹ mà thôi. Cô bé chơi búp bê nhưng con búp bê cũng là chính cô bé ấy. Cho đến khi đã tìm biết cái dương vật, con búp bê mới trở thành đứa con của cha với mình. Ý nghĩ có đứa con với cha cũng bắt nguồn từ đó mà trở nên mạnh hơn. Cô bé nghĩ thầm nếu thực hiện được cái mộng ấy hẳn sẽ sung sướng lắm, nhất là nếu đứa con lại sẽ là con trai, có dương vật giống như các chú bé trai khác.

Thời gian yêu cha đó, đứa bé gái càng khó chịu với mẹ, tuy chỉ ngấm ngấm nhưng càng ngày càng tăng. Mẹ là địch thủ của mình. Cha cho mẹ tất cả, những gì đứa bé muốn được nhận ở cha, nhưng sự ôm ấp những vuốt ve yêu thương v.v...

« Chất nữ tính ấy thường bị thời kỳ dậy thì làm thay đổi, cô gái lúc thế này lúc thế nọ. Do đấy mà các bạn nam giới cho

là bí hiểm khó hiểu chỉ vì sự hiện diện lưỡng tính ở trong mỗi người đàn bà.

Phép tâm phân đã giảng giải một vài đặc điểm của nữ tính, tuy vậy cũng khó mà phân biệt được, điểm nào do sinh lý điểm nào do kỷ luật xã hội mà ra,

Người ta quy vào nữ tính: «lòng tự yêu khá mạnh đã ảnh hưởng đến sự chọn vật yêu, vì thế, ở người phụ nữ lúc nào cũng cảm thấy cần được yêu hơn là cần yêu. Lòng khao khát có được cái dương vật đã làm cho các cô trở nên hờn hĩnh vì cái thân thể của mình. Tự cho rằng mình đẹp mình đáng quý, như thế dễ dằn vặt với sự thiệt thòi mà tạo hóa đã bắt mình phải chịu. Tính bẽn lẽn cả thẹn, đạo đức mà mọi người vẫn gán cho phụ nữ, ngỡ rằng đấy là đặc điểm của chất nữ. Sự thật, nguyên thủy chỉ vì các cô có mặc cảm ở sự thiếu thốn của mình và muốn che giấu sự thiếu thốn đó đi.

Phụ nữ không tham dự nhiều trong những phát kiến, lịch sử

văn minh vẫn chứng tỏ như thế. «Hẳn vì các bà đã tìm được những kỹ thuật trong công việc canh cửi, dệt đàn. Tạo hóa đã đưa ra một hình ảnh thí dụ ở ngay trong thân hình họ. Những sợi lông ở cơ quan sinh dục đã từ trong da mọc ra đan thành một tấm lưới mềm như dạ.»

Trong tình yêu, chỉ ở đây là sự chọn lựa mới được tự do, ta thấy tính tự yêu (narcissisme) tha hồ được phát triển. Họ chọn người yêu theo hình ảnh từ thuở còn là một cô gái bé họ đã phác họa ra. Nếu cô bé ngày xưa yêu cha, nghĩa là nếu cô không thoát hẳn được cái mặc cảm oedipe thì thế nào lớn lên cô cũng chọn một người yêu giống như cha.

Cô cũng có thể mang sự hờn oán với mẹ mà trao lại cho người chồng. Freud nói rằng: «Lắm trường hợp cô gái giận hờn mẹ trước khi ra lấy chồng, gặp chồng cũng bị tiếp tục giận hờn, tranh đấu trong cuộc sống của hai người như ngày xưa cô đã

ngấm ngấm tranh đấu với mẹ. Sau thời kỳ tranh đấu chống đối ấy, cuộc sống của hai vợ chồng, mới thật là hạnh phúc.

Người đàn bà chỉ hoàn toàn thỏa mãn khi họ đã có một đứa con trai. «Những hình ảnh cũ, sự mặc cảm vì thiếu dương vật, không được giống con trai vẫn còn ngấm ngấm ở trong lòng người đàn bà. Chỉ mối tình giữa người mẹ và cậu con trai mới có thể làm cho người mẹ cảm thấy thỏa mãn. Vì ở trong tất cả các thứ tình cảm của nhân loại, chỉ có tình mẫu tử là thứ tình cao quý nhất. Người mẹ đặt tất cả sự kiêu hãnh vào thằng con trai của mình, sự kiêu hãnh mà chính mình không dám có. Hạnh phúc gia đình sẽ không vững khi người đàn bà không yêu chồng như yêu một đứa con trai của mình.

Trên lĩnh vực xã hội, lòng ham muốn và ganh ghét là hai yếu tố mạnh nhất ở trong lòng người đàn bà, mạnh hơn ở người đàn ông rất nhiều. Đấy cũng là kết quả xa xôi của sự

PHONG-PHÚ

Đúng NEUROTONIC BỔ ỨC
Tăng cường trí nhớ

575 BYT 20-11-63

Đúng midol trị các chứng đau nhức
và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

1360/BYT/DPDC

mặc cảm không được làm con trai. Người đàn bà hơi hém công bằng hơn người đàn ông, chỉ vì lòng ham muốn điều khiển lấy họ. Vì thế, khi bà đã ham muốn một sự gì thì bà không quên, làm sao cho kỳ được.

Người đàn bà ít chú trọng đến mối liên hệ xã hội bằng một người đàn ông, ở đây có lẽ chỉ vì công việc gia đình làm bận rộn các bà hơn các ông. Các bà vui với gia đình và vì nhiều bồn phận không thể lìa bỏ gia đình để ra hoạt động cho xã hội.



★ XỨNG ĐÔI VỪA LỬA

Hai cô cậu vừa hứa kết hôn nhau. Cô ả khoe khoang:

— Anh ạ, em là một nhà thể thao thượng thặng đấy. Kỳ vừa rồi đã thắng giải: chạy 100 thước chỉ trong 11 giây.

—Ồ! quý quá. Mai sau lấy nhau, em sẽ đi Chợ quán, mua bán, chạy vạy đỡ cho anh lắm.



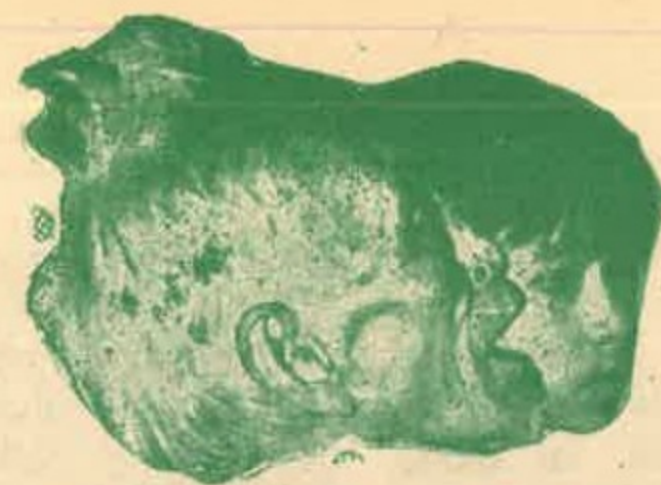
trị các chứng đau nhức
và cảm cúm

CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

Có người vẫn bảo rằng đàn bà kém tài thi vị hóa sự thật có lẽ cũng tùy từng cá nhân.

Đây là tất cả những kết quả của phép phân tâm đã đưa đến khi bàn về nữ tính.

Freud dặn rằng nếu có ai muốn biết hơn thì hãy tự hỏi lấy, tự tìm lấy mình với những kinh nghiệm chung quanh mình. Chắt vắn các thi sĩ hoặc đợi cho nền khoa học phát triển dồi dào hơn đề nghiên cứu kỹ hơn....



cải lão hoàn đồng

★ Kim-Giang-Tử

Serge Voronoff, một nhà bác học đã làm sôi nổi dư luận giới y khoa cách nay gần nửa thế kỷ, người đã thành công rực rỡ trong thuật « Cải lão hoàn đồng » bằng cách ghép hạch...

Đời của ông vì khói lửa chiến tranh mà bị lãng quên, nhưng sự nghiệp vĩ đại ông đã được khoa học cũng như nhân loại lúc nào cũng nhắc nhở đến.

Ông là người đầu tiên áp dụng phương pháp ghép dương-noãn của khỉ non vào đàn ông già cả làm cho già hóa trẻ. Sau thành công này, ông lại ghép các hạch trong noãn sào (buồng trứng) hạch trong cổ (thyroide) và ở não bộ (hypophyse) cho đàn bà. Kết quả ra ngoài sức tưởng tượng: da hết nhăn, sức lực trở lại như thuở xuân thời và tình dục cũng bỗng bật

với một khối óc thông minh và đôi tay « bắt được của trời », S. Voronoff đã cướp quyền tạo hóa

thiết tha như ngày còn son trẻ.

Tiểu thay con người danh tiếng như thế, đã dám cướp cả quyền tạo hóa, lại không được ai biết đến cho sâu xa... Tiểu sử ông chỉ mấy giòng: sinh trưởng trong một gia đình giàu có chuyên nghề nấu rượu Vodka trên bờ con sông Don ở Voronej (Nga) vùng mà người ta gọi là « Đất đen ». Ông ra đời năm 1866 và chết năm 1951, hưởng thọ được 85 tuổi.

● | những bước đầu

Từ năm 18 tuổi Voronoff qua sinh sống ở đất Pháp, học về y khoa. Thời ấy, ông đã bắt đầu chú ý đến « cái già sống sộc nó thì theo sau » nên đi sâu vào nghiên cứu các cuộc thí nghiệm của hai nhà bác học Brown-Séquard.

Cũng vào thời này, nhà giải phẫu danh tiếng Pháp Alexis Carrel đã thành công trong việc « may vá » động mạch của người. Ông Carrel tuy còn trẻ hơn

Voronoff nhưng nhờ phát minh này mà danh tiếng nổi như cồn. Cả hai cùng một chí hướng nên hợp tác nhau nghiên cứu tiếp. Riêng phần ông Voronoff, mặc dù đã « nắm được vấn đề » về phương pháp Brown-Séquard và của A. Carrel, nhưng không sao tổ chức được một phòng nghiên cứu riêng. Vì lương bổng ông quá ít.

Dịp may đâu lại đến: Ông Carrel được Mỹ mời sang nên chỉ định ông Voronoff sang làm « ngự y » cho phó-vương Ai cập. Ông ở tại đây 8 năm và chính thời gian này đã quyết định sự nghiệp rạng rỡ ông.

● | ghép hạch cừ đực

Điềm làm cho Voronoff suy nghĩ nhiều hơn hết là thấy bọn thái giám rất đông đảo trong cung phó vương, cứ phải mang chứng bệnh chết non. Nhân đó, ông nhận ra nguyên-do là tại bọn này bị thiếu — những hạch « phát sinh của đời sống » bị lấy

đi thì lẽ dĩ nhiên con người không thể sống lâu được.

Ông bắt đầu nghiên cứu và trình bày cho phó vương hay công việc mình. Phó vương, người đã già, cũng ao ước được sống dai nên giúp ông đủ cách... cấp hết số hoạn quan, mặc tình cho Voronoff thí nghiệm.

Nhưng vốn thương người, chưa vội vả lấy người làm vật hy sinh, Voronoff bèn đem cừ đực ra thí nghiệm trước.

Ông dùng những cừ già, ốm, lông rụng, tức là không còn sống được bao nhiêu ngày, và lấy những bộ phận trong dương noãn (dái) cừ non độ vài ba tuổi ghép vào dương noãn cừ già.

Chỉ vài ba tuần sau, biến chuyển bắt đầu... Mấy chú cừ già tự nhiên trẻ lại, linh hoạt hơn, và lạ hơn nữa cần lộn húc lộn nhau tranh ăn, tranh « cái ». Lông mọc dài và dày mượt không khác hồi năm ba năm về trước.

● | ghép xương — vá mặt

Phó vương Ai cập chưa kịp ăn ban thí nghiệm thì thỉnh lĩnh băng hà. Ông Voronoff lại phải trở về Ba lê. Dự luận ở đây đã bắt đầu sôi nổi nhất là trong giới y khoa và trí thức. Ông vốn là người hào hoa phong nhã, giao thiệp khéo, nên các bà chạy theo như nam châm hút sắt...

Năm 1912, ông được cử làm giám đốc bệnh viện Thụy sĩ tại Balê. Ngày đệ nhất thế chiến bắt đầu, tên tuổi Voronoff đã vang dậy khắp nơi. Ông đã thành công trong việc ghép xương cho thương binh và nhất là về « vá mặt » thì kết quả rất rõ rệt. Nhiều người bị súng đạn nát cả mặt mũi, ông đã khâu vá sửa lại, không còn dị hình như trước. Nhân thành tích lớn lao này, ông được cử làm giám-đốc phòng giải phẫu thực nghiệm ở viện Đại học Pháp. Năm ấy ông được 53 tuổi.

Nhân đại hội về Giải phẫu học ngày 5-10-1922, lần đầu tiên

Dùng midol 1360/B.Y.T./DPDC.

trị các chứng đau nhức
và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

Dùng midol 1360/B.Y.T./DPDC.

trị các chứng đau nhức
và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

GHÉP HẠCH

Voronoff được trình bày về công việc nghiên cứu mình.

Ông đã kể lại thành công trong việc ghép hạch non cho cừu già tại Ai cập và nhân đó quả quyết có thể áp dụng cho người. Lẽ ra, nếu lấy hạch người mới chết mà ghép thì kết quả hơn nhưng luật hiện hành không cho phép xâm phạm đến người chết trước 48 giờ, nên qua giờ ấy dù có lấy cũng không dùng được. Do đó, ông chủ trương dùng hạch của các thú vật như giống khỉ lớn mà các hạch cũng như máu huyết tương tự như người. Một hạch lấy trong mình loài khỉ này ghép vào người sẽ tự nhiên sinh sống và tiếp tục phát triển.

Bản tường trình gây phản ứng mãnh liệt trong đại đa số các nhà giải phẫu và bác học có mặt trong đại hội. Họ đã mắng không tiếc lời:

• Đồ bịp bợm! Đồ lang băm! Đồ gây họa cho xã hội... »

Ông Voronoff bình thản như không có việc gì xảy ra. Ông tin ở sức mình, ở thành quả mình nên lòng đã quyết định dù ai có dèm pha, phá hoại.

Ông thành lập một bệnh viện riêng ở Côte d'Azur (Miền nam nước Pháp), mua lại biệt thự tên



Nhà bác học Serge Voronoff

là Grimaldi của một gia đình hoàng tộc Monaco, cách đô thị Vitimille không xa.

Vừa mua xong, ông sửa sang lại. Khu hoa viên xinh đẹp trở thành một chuồng khỉ vĩ đại, nuôi các loại khỉ lớn và vượn là giống cung cấp hạch bảo đảm hơn hết.

• Từ 1 thước, cao lên đến 1 thước 70

Từ đây, Voronoff đã trở thành « siêu nhân ». Tuy giới ganh tị, thù nghịch với ông đặt cho ông một tên rất mỉa mai là « người đen ». (vì ông chính quán vùng Đất đen) nhưng khắp thế giới người ta đã biết tên

GHÉP HẠCH

tuổi ông không khác cô đào có cặp đùi đẹp Mistinguett, hay ông hoàng tỉ-tỉ phú Aga-Khan của xứ Ngàn lẻ một đêm. Bệnh viện của ông có tiếng đến nỗi người ta đã nêu thành khẩu hiệu: « Ai già hay về Grimaldi để trẻ lại ».

Các chính khách, triệu phú gia, các người có tuổi khắp nơi về đây xin « Cải lão ». Vì khách quá đông, phải đặt chỗ trước, có khi hàng mấy tháng.

Phương pháp ghép hạch của Voronoff không có gì khó khăn lắm.

Đối đàn ông, ông ghép dương noãn khỉ vào dương noãn người. Đàn bà, ông ghép vào dưới da bụng, nhưng kết quả có phần khó khăn hơn vì các hạch của đàn bà không mạnh bằng của đàn ông.

Những thành công đầu tiên của ông đã làm cho giới khoa học chú ý hơn nữa.

Một chú thanh niên nọ, 14 tuổi, ngu dộn và một chú khác 20 tuổi, cả hai đều lùn tịt, cao không quá 1 thước 5 phân được đưa lên làm « bàn ghép ».

Chú nhỏ tuổi, học hành tiến tới, thi đỗ, còn chú 20 tuổi, một năm sau cao đến 1 thước 70 phân.

Tin này loan ra, làm chấn động cả dư luận. Thực hành đã đi đôi với lý luận. Tên tuổi Voronoff đã lên đến tột đỉnh... không còn sợ ai hủy phá nữa.

• một kẻ tố, số đào hoa

Tuy nhiên, số người chong lại Voronoff không phải vì những thành công này mà giảm đi: Các y sĩ, dược sĩ và cả giáo hội Thiên Chúa cũng nổi lên phản đối.

Hôm nghe tin giáo hội lên tiếng, ông Voronoff ngạc nhiên nói:

— Sao có chuyện lạ kỳ thế? Chính Đức Tổng Giám Mục Le Roy ở Guinée về đã tặng tôi năm con khỉ đầu tiên trong « vườn thú » của tôi kia mà!

Mặc dù thế, danh tiếng và uy tín, lẫn cả thời - vận ông vẫn lên... lên như điều gặp gió. Ông

**midol**

trị các chứng đau nhức và cảm cúm

CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

kết hôn với một nữ bá tước Ý.. Cuộc tình duyên chưa được mấy ngày, thì bà bá tước qua đời, để lại cho ông một gia tài kếch sù... Qua năm 68 tuổi, ông lại cưới một cô 21 tuổi, nhưng 3 năm sau, đôi bạn thôi nhau. Voronoff lại cưới một cô Lô-ma-ni, và tự nhiên thành « anh em cột chèo » với vua Carrol đương thời (Lô).

Năm 1938, nhận thấy chiến tranh không sao tránh khỏi, ông Voronoff di cư sang Hoa kỳ.

Tại đây, ông không tiếp tục công việc được vì đất Mỹ không

có khí lớn. Ngày ông trở về Pháp, sau khi hòa bình văn hồi, thì lên tuổi ông như đã trôi dạt vào lãng quên.

Phương pháp của ông tuy hay nhưng quá tốn kém. Không sao có thể phổ biến rộng rãi được. Thêm vào đó, các nhà khảo cứu mới, tân tiến hơn đã cướp đoạt lần địa vị ông...

Năm 1951, nhân tế bị gãy xương, Voronoff qua đời tại Lausanne, hưởng thọ được 85 tuổi.

Một sự nghiệp vĩ đại đã được đưa vào lịch sử.



★ MÁY PHỤ SỨC CHO TIM

Một loại máy tăng sức cho quả tim vừa được đưa ra bán ở thị trường Anh. Máy chỉ cần một viên bin 1 vôn rưỡi và rất nhỏ, có thể bỏ bọc túi áo sơ mi hay dặt vào giầy thắt lưng.

Máy sẽ giúp cho tim các bạn yếu đập đều đặn như người khỏe mạnh, không còn sợ chết bất tử, hay hồi hộp lo âu như trước nữa.

Đúng

midol

1300/BYT/DPDC.

trị các chứng đau nhức
và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY



MARTIN LUTHER KING

đã được tự do

VÀO hồi đầu tháng hai vừa qua, bác sĩ Martin Luther King (giải Nobel Hòa Bình 1964), lãnh tụ phong trào chống sự kỳ thị người da đen ở Mỹ đã được tự do tạm, sau một thời gian bị giam vì tội tổ chức biểu tình chống sự kỳ thị chủng tộc.

Ông đã ra khỏi khám đường Selma với số tiền « ký quỹ » là 200 Mỹ kim.

Sau khi được trả tự do, Martin Luther King tuyên bố ông sẽ xin yết kiến Tổng Thống Johnson.

Trong những cuộc « biểu dương » chống đối kỳ thị của phong trào do Martin Luther King lãnh đạo, còn có chừng 100 người da đen khác cũng bị bắt.



GIỌNG CA VÀ CẢM TÌNH LÀ
HAI YẾU TỐ QUAN TRỌNG
ĐỂ THÀNH CÔNG TRONG CUỘC
ĐỜI CỦA CHÀNG CA SĨ NGOẠI
HẠNG NAT « KING » COLE

NAT KING COLE

không còn nữa

★ Đoàn-Bích

GIỚI nghệ sĩ Hoa kỳ và thế-giới vừa mất đi một anh tài : ngày thứ hai 15-2 vừa qua, Nat (King) Cole, chàng ca sĩ da đen có làn hơi truyền cảm đã từng làm rung động hàng triệu trái tim khắp năm châu đã từ trần tại bệnh viện St. John, Santa Monica, (tiểu bang Californie, Hoa kỳ.)

Cái chết bất ngờ này của người nghệ sĩ có giọng ca thiên phú và gương mặt đầy cảm tình thường xuất hiện trên màn ảnh, đã làm cho giới nghệ sĩ các nước đều xúc động và thương tiếc.

Nat (King) Cole chết vì bệnh ung thư phổi, năm nay mới 46 tuổi. Chàng để lại một vợ, 4 người con gái (Carol, 19, Natalie, 14, một cặp sinh đôi Casey và Timolin, 3 tuổi) và một người con trai nuôi, Nat Kelly, 5 tuổi.



Cole bị đau lần đầu tiên hồi cuối năm ngoái khi chàng phải cắt ngang hợp đồng với Khách sạn Sands Hotel tại Las Vegas và bệnh tình của chàng bắt đầu trở nên nguy kịch khi chàng buộc phải

NAT KING COLE

từ chối một cuộc trình diễn quan trọng tại Los Angeles ngày 11-12-64 và nhường chỗ cho Frank Sinatra.

Cole có hai yếu tố quan trọng để thành công trong cuộc đời nghệ sĩ của chàng : giọng ca và cảm tình. Các giới hâm mộ tài ba chàng đã tả Cole là một con người có tính khiêm nhượng và cởi mở, và có tài diễn xuất rất tự nhiên. Đặc biệt là giọng ca của chàng, « ấm như hơi thở và ngọt như mía lùi ».

Thật ra, Nat King Cole không phải đã được đào luyện để trở thành một ca sĩ từ thuở nhỏ mà chàng đã thành công chỉ vì một sự tình cờ. Mặc dầu vậy, nhờ giọng ca quyến rũ qua các bản lừng danh nhất như « Mona Lisa », « Nature Boy », « Unforgettable », « Too Young », « Christmas Song », chàng đã thu được một con số lợi tức khoảng nửa triệu mỹ kim hằng năm, và trở nên một trong những danh ca nổi tiếng nhất thế giới.

từ nhạc sĩ

đến ca sĩ

Cũng như một số thiên tài trong các lãnh vực khác, Nat (King) Cole từ một cậu bé da đen hát trong

nhà thờ tới địa vị một danh ca thế giới, chàng đã phải trải qua nhiều giai đoạn thử thách gay go.

Sinh ngày 17 tháng 3 năm 1919 tại Montgomery, thuộc tiểu bang Alabama (Hoa Kỳ), Nathaniel Adams Cole là con một vị mục sư Tin Lành tại Chicago. Chàng vốn có khiếu về âm nhạc, nên ngay từ khi còn nhỏ vẫn thường dùng đàn ống trong nhà thờ để tập chơi. Một hôm, mục sư Cole bắt thần nghe tiếng đàn ống vang lên một điệu nhạc không hợp với bầu không khí tôn nghiêm trong nhà thờ là bản « Yes, We have no bananas » (Thưa vâng, chúng tôi không có những trái chuối) do cậu bé Nathaniel cao hứng tấu lên.

Chàng nhạc sĩ nhỏ tuổi liền bị phạt không được ăn chuối tráng miệng bữa đó và còn phải chịu thêm một hình phạt « trường kỳ » khác là tuần nào học kém thì phải ra hát tại giáo đường vào bữa sáng chúa nhật.

Vị mục sư không ngờ rằng chính ông đã tạo nên cơ hội để con ông có dịp trở tài. Tuần nào Nathaniel học kém thì sáng chúa nhật tuần ấy giáo đường chật ních thính giả tới nghe chàng hát những bản thánh ca, còn tuần nào cậu

học khá thì sáng chúa nhật tuần ấy giáo đường rất ít người...

Thật ra, *Nathaniel* không hề có ý muốn thu hút những thính giả tới giáo đường mà chỉ muốn được hoan nghênh tại các nơi trình diễn văn nghệ thật sự.

Nathaniel bỏ học theo một đoàn hát lưu động và tới trình diễn tại *Long Beach*, (tiểu bang *Californie*) vào năm 1937. Nhưng một tối nọ, trong khi các nghệ sĩ đang cố gắng trở tài thì họ được tin viên quản lý ban hát đã bí mật ôm kết bạc chuồn đi tỉnh khác rồi. Thế là tất cả vốn liếng của đoàn được trên 800 mỹ kim, do mồ hôi nước mắt của các nghệ sĩ đoàn viên tạo ra, đã ra đi không bao giờ trở lại! Các nghệ sĩ tiếc của gây lộn lẫn nhau, người nọ đổ lỗi cho người kia và một cuộc đập lộn tới bởi kết thúc tấn bi hài kịch đầu tiên trong đời *Nathaniel*.

Bị bỏ rơi giữa một nơi xa lạ, *Nathaniel* đành phải nhận một chân nhạc công tầm thường tại các quán ăn nhỏ, mỗi đêm kiếm khoảng 5 mỹ kim trở lại, để sống lay lắt cho qua ngày. Một bữa nọ, tình cờ gặp một vũ nữ quen, *Nathaniel* được mời vào uống rượu tại một vũ trường sang trọng. Trong một phút «bốc đồng» *Nathaniel* nhảy tới giàn nhạc, đẩy người chơi

dương cầm sang một bên và hét lớn: «Tôi là *Nat «King» Cole* đây tôi xin cống hiến quý vị những bản nhạc đặc sắc nhất của thời đại!»

Rồi luôn từ đó tới sáng, *Nat King Cole* say sưa đánh đàn, trong khi các nhạc công khác tuần tự rút lui, chỉ còn lại hai người vì thấy chàng có nhiều điểm đặc biệt nên ở lại. Người chủ vũ trường lấy một hộp giấy đựng thuốc lá *Luc-ky* cắt thành một cái vương miện và đội lên đầu chàng, công nhận chàng là «*King*» *Cole* và bằng lòng ký với chàng một bản hợp đồng.

Biệt hiệu «*King*» của *Nathaniel* ra đời từ đó. Ban nhạc gồm 3 người, mệnh danh «*King*» *Cole Trio*, chẳng mấy lúc đã nổi danh như sóng cồn. *Cole* chơi dương cầm, còn hai người kia là *Wesley Price* chơi đại hồ cầm và *Oscar Moore*, Tây ban cầm.

Nhưng vận may của *Nat (King) Cole* chưa hết. Một tối nọ, người ta yêu cầu chàng phải đơn ca một bài. Cực chẳng đã, *Cole* phải tới máy vi âm và mọi người đã sửng sốt khi một giọng hát đặc biệt ấm áp, truyền cảm, một giọng hát êm dịu như mật ong, vang lên trong phòng và dư âm còn ngân nga mãi trong lòng mỗi người khi

bài ca chấm dứt. Ngoại trừ viên chủ quán say sưa thung không còn biết gì, toàn thể những người có mặt trong vũ trường đều nhiệt liệt hoan nghênh chàng ca sĩ da đen và một số người tới kiệu chàng trên vai để tỏ lòng hâm mộ.

một viên ngọc quý

Bài hát đầu tiên đã đưa *Nat (King) Cole* lên đài danh vọng là bài «*Sweet Lorraine*». Từ đó chàng đời nghề, ký hợp đồng với hãng sản xuất nhạc đĩa *Capitol Records* (khi ấy còn mang tên *Liberty Records*) và làm việc cho hãng này luôn trong 15 năm. Nhờ giọng ca thiên phú của chàng, *Nat (King) Cole* đã dần dần trở nên giàu có lớn. Ngay sau khi ký hợp đồng với hãng *Capitol* bài hát đầu tiên «*Straighten up and Fly right*» của chàng đã là một thành công lớn và đem lại cho chàng 50 mỹ kim để trả nợ thiếu tiền trọ từ trước.

Năm 1947, *Cole* cưới vợ và nhờ số tiền khổng lồ thu được với bài «*Nature Boy*» — đã bán được tới 50.000 đĩa trong hai tuần — cặp vợ chồng trẻ đã trải qua một tuần trăng mật huy hoàng.

Liên năm sau, vợ chồng *Cole* mua một biệt thự trị giá 65.000

mỹ kim tại khu *Hancock Park* trong thành phố *Los Angeles* và cuộc đời của chàng nghệ sĩ da đen hoàn toàn đổi mới.

Nat (King) Cole là một trong những nghệ sĩ thành công nhất thế giới.

Những đĩa nhựa thanh các bài hát của chàng riêng trong năm 1957 đã bán tới 7 triệu chiếc. Ngay tại Hoa kỳ là một quốc gia tiên tiến, nơi có rất nhiều nghệ sĩ tên tuổi và nghệ thuật phát triển mạnh mẽ, đó cũng vẫn là một con số kỷ lục chưa bao giờ từng thấy.

Tìm hiểu sự thành công của *Nat (King) Cole*, người ta thấy ở chàng có nhiều đặc điểm. Trước hết là tài nghệ riêng của chàng đã được Trời ban cho một giọng hát quyến rũ. Một yếu tố quan trọng khác đã đưa chàng tới đài danh vọng là nghệ thuật sưu tầm và chọn lựa các bài ca.

Thật vậy, mỗi ngày hãng *Capitol* thường nhận được cả trăm bài ca của các nhà soạn nhạc gửi tới. *Cole* có nhiệm vụ lựa chọn, kiểm soát lại điệu nhạc và lời ca xem có đủ điều kiện để đem ra trình diễn hay không. Nghệ thuật của chàng trong công việc này có thể nói đã đi tới mức siêu việt, vì không bao giờ nhầm

lần. Các nhà soạn nhạc và những tay chuyên môn bán các bài hát yên trí rằng một khi bài của họ đã được Nat (King) Cole chọn thì kẻ như một trăm phần trăm sẽ hốt bạc.

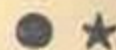
Nat (King) Cole đã thu thanh tất cả trên 600 bài ca trong số có rất nhiều bài thành công hơn bất cứ danh ca nào khác trên thế giới. Chẳng hạn bài "Too Young" trước đó đã có một số nam nữ danh ca khác trình bày, song đều thất bại. Tới lượt Nat (King) Cole, bài ca này đã bán được tới con số kỷ lục là hai triệu đĩa !

Đề kể luận, người ta có thể không ngần ngại mà đồng ý với ký giả Ralph Gleason rằng Nat (King) Cole là một viên ngọc vô giá. "Các đĩa nhạc thu thanh của Nat sẽ dĩ hốt bạc vì nó hợp với mọi tầng lớp nhân dân Mỹ và

cũng vì lúc nào đĩa nhạc của chàng cũng có hai đặc tính, giống nhau nhưng khác nhau, và tuy khác nhau nhưng cũng lại có điểm giống nhau..."

Riêng đối với các bạn trẻ Việt Nam đã từng hâm mộ tài nghệ Nat (King) Cole, thử hỏi khi nghe chàng ca sĩ da đen ấy cất giọng trầm buồn ca bản "When I Fall In Love" mấy ai trong chúng ta không thấy trong lòng nao nao, nhất là những người đã từng yêu, được yêu và đau khổ vì yêu ?

Thế nên, trước cái chết đột ngột của danh ca Nat (King) Cole, chúng ta không khỏi thương tiếc người nghệ sĩ tài ba và tự hỏi biết bao giờ Hoa Kỳ mới lại sản xuất được một "viên ngọc quý" nữa như chàng.



★ TINH THẦN ĐẾN THỂ LÀ CÙNG

Ông Paolo Polinolo, cựu hội viên thành phố tỉnh Badia Polesine (Ý) đã đưa đơn kiện nhà chức trách vì lẽ gì, các bạn thử đoán xem ?

— Vì ông trưởng ban thuế vụ không đưa giấy báo nộp thuế hàng năm của ông.

20 NĂM SAU
QUA BOM
NGUYÊN TỬ
ĐẦU TIÊN

CƠN ĐƯỜNG KHÁM PHÁ NĂNG LƯỢNG NGUYÊN TỬ

★ Jō - Quang - Yen
(Tiến-sĩ Khoa-học, Paris)



HỀ kỷ 20 : thời đại nguyên tử ! Từ quả bom giết hại hàng ngàn vạn người cho đến chiếc bút máy của cậu học sinh, cái gì cũng được mạng danh nguyên tử. Nguyên tử thật đã

là vật chất quý báu có khả năng đem lại tất cả các phép lạ tài tình mà phải mấy ngàn năm vẫn hiện con người mới đưa ra được ánh sáng.

1965 : 20 năm sau quả bom nguyên tử đầu tiên đánh dấu

một kỷ nguyên mới, thử nhìn lại xem cuộc học hỏi năng lượng ghê gớm kia đã phát triển ra sao.

Einstein tìm ra năng lượng trong vật chất

Để bắt đầu, một cái tên đã được ghi vào bản danh dự của lịch sử loài người: Albert Einstein. Không có ông ta, không có ý nghĩ:

vật chất = năng lượng
thì ngày nay ai biết cuộc khảo cứu nguyên tử đang ngã về đường nào. Con một nhà kỹ nghệ ở München bên Đức, Einstein lúc nhỏ chỉ là một cậu học sinh tầm thường lắm ai để ý. Thi hai lần mới đậu được vào Trường Bách-Khoa ở Zurich bên Thụy - sĩ, ông tiếp tục học được nhờ một người bà con có lòng giúp vì cảnh nhà sa sút, cha mẹ ông phải di cư qua Milano bên Ý. Đỗ kỹ sư vật lý học, ông xin nhập tịch dân Thụy-sĩ nhưng kiếm không ra việc làm và phải chịu nhận làm thầy ôn tập trong một ký túc xá. Năm 1902, 23 tuổi, ông tìm ra được một chân cạp giấy xoàng ở Berne, ngày hai buổi ngồi

đọc những sáng chế kỳ lạ hay tầm thường của các nhà khảo cứu tứ phương. Cưới vợ, có con, cuộc sống của ông tưởng đã rơi vào một đời công chức bình tĩnh, trầm lặng.

Đùng một cái, năm 1905, năm bản thuyết minh ký tên ông đăng trong một tạp chí vật lý học Der Annalen der Physik như một ngọn sét đánh vỡ bờ đê đê cho luồng nước khoa học mặc sức tuông ra. Trong một bản, ông chứng minh hiệu ứng quang điện có khả năng thay đổi một thông lượng ánh sáng ra điện. Trong một bản khác, ông khảo cứu về vật thể chuyển động, cho tốc độ giới hạn là tốc độ ánh sáng và tốc độ này không bao giờ thay đổi. Thuyết tương đối bắt nguồn từ đây. Nhưng còn một bản nữa, bản thứ năm, bản ngắn nhất vừa là bản quan trọng nhất, dọi vào nền vật lý học như một quả bom nguyên tử: ông chứng minh vật chất chứa đựng năng lượng!

Năm bản thuyết minh mở đường cho ông vào Đại học: Berne, Zurich và năm 1933, Berlin. Nhưng các nhà bác

học hồi ấy, tuy thấy tính chất quan trọng của cuộc khám phá, chẳng mấy ai hiểu rõ ông và nhiều năm trôi qua mà tiếng vang chỉ nhỏ dần. Là một người rất chuộng hòa bình, ông nhận lời qua Institut for Advanced Study ở Princeton bên Hoa kỳ trước cuộc tiến lên chính quyền của Hitler. Năm 1933, ông xin nhập quốc tịch Hoa kỳ. Từ chối những dinh thự của Viện đại học, ông xin rút lui trong một túp nhà nhỏ, ăn sống rất thanh đạm, áo quần thật thô sơ.

Nhưng nào người ta có chịu để yên ông. Ngày 2-8-1939, trong lúc ở Âu-châu, Đức quốc-xã rộn rịp sửa soạn thể chiến thứ hai, ba người khách lại viếng Einstein: Enrico Fermi, người Ý, giải Nobel vật lý học năm 1938 hiện là giáo sư ở Viện đại học Columbia; Léo Szilard, một nhà vật lý học người Hung, trước cũng là giáo sư ở Berlin, nay dạy ở Viện đại học Columbia, và Eugene Wigner cũng là một nhà vật lý học người Hung, giải Nobel vật lý học năm 1963, nay là giáo sư ở Princeton. Ba người khách này trình bày cho ông Einstein biết bên Đức

cuộc khảo cứu nguyên tử đang tiến hành lạnh chóng, rất có thể vào đầu 1939, những thí nghiệm nguyên tử đã được thực hiện và theo nguyên tắc, một quả bom đã có thể được chế tạo ra. Vậy cần phải báo cáo ngay cho chính phủ Hoa-kỳ, cho Tổng-thống Roosevelt biết, mà chỉ có ông Einstein là có đủ uy tín để làm việc ấy. Biết bao phân vân, biết bao lưỡng lự trong lòng một con người mền chuộng hòa bình. Sau cùng, ông chịu ký tên vào một bức thư báo cho chính phủ Hoa-kỳ biết chất urani có thể là một nguồn năng lượng lớn và hiện tượng này có thể đưa đường lại một quả bom vô cùng mãnh liệt...

Nay nhìn lại, chữ ký của Einstein và bức thư của ông không khác gì chữ ký mở đầu cho kỷ nguyên nguyên tử. Nhưng ở Hoa-kỳ, Tổng-thống Roosevelt chưa chịu tin ngay và phải đợi Thủ-tướng Churchill chứng minh tính cách quan trọng của một cuộc nổ nguyên tử Hoa-kỳ mới chịu dần bước. Thủ-tướng Churchill biết được rõ vì trong các phòng thí nghiệm ở bên Anh, các nhà vật lý học Anh cộng

tác với các nhà bác học Pháp tân cư qua, đã bắt đầu thu lượm được nhiều kết quả khá quan. Nói cho đúng, đồng thời với Otto Hahn và Fritz Strassman ở bên Đức, nhóm khảo cứu viên Pháp của Frédéric Joliot-Curie đã có công lớn trong cuộc khám phá phản ứng làm nứt nguyên tử.

Vợ chồng Curie bắn nứt nguyên tử urani

Frédéric Joliot xuất thân ở trường Vật lý và Hóa học thành phố Paris. Năm 1923, ông đỗ ra số 1. Năm lúc ấy bà Marie Curie kiêm một người phụ tá đề cho Irène Curie, con bà, đến nay giữ chân ấy, có thể làm công tác khảo cứu riêng. Giáo sư Langevin, Giám đốc Trường Vật lý và Hóa học, liền giới thiệu Joliot vào, không dè chừng chỉ ấy đã làm nảy ra một trang lịch sử khoa học vô cùng quan trọng. Nếu Pierre Curie và Marie Sklodowska gặp nhau trong phòng thí nghiệm, cưới nhau và cùng nhau tìm ra được tính chất phóng xạ thiên nhiên, Frédéric Joliot và Irène Curie cũng gặp

nhau trong phòng thí nghiệm, cưới nhau và cùng nhau tìm ra tính chất phóng xạ nhân tạo. Trong lịch sử khoa học thế giới, hai cặp vợ chồng này là độc nhất đã cùng nhau lãnh giải Nobel.

Từ cuối thế kỷ 19, đầu thế kỷ 20 những nhà bác học Becquerel, Curie, Rutherford đã từng đề ý nhiều đến tia phóng xạ tự nhiên phát ra từ nhiều nguyên tố. Cho đến năm 1933, chẳng ai hiểu được nguyên do phóng xạ này thì thành linh, một hôm tháng năm, Joliot-Curie thả ra tiếng phóng xạ nhân tạo. Số là cách đây ba năm, hai nhà vật lý học Đức, Gertner và Bothe, dùng quang tuyến alpha (phát sinh từ nguyên tố beryli và nhận thấy nhiều tia phóng xạ phát ra. Nhà vật lý học Anh James Chadwick cho đây là những neutron. Từ đây cuộc khảo sát neutron được tất cả các nhà vật lý học thế giới chú trọng đến. Ở Institut du Radium ở Paris, bà Marie Curie có vợ chồng Joliot phụ giúp, ra công nhất bốn những mảnh radii còn thừa trong những

mũi kim dùng để chữa bệnh ung thư và tích trữ được một mô nguyên tố quý báu kia. Nhờ vậy Irène và Frédéric Joliot-Curie tiếp tục được công tác của Gertner và Bothe. Hai ông bà chứng minh được neutron là một vi thể không có điện, hoàn toàn trung hòa. Họ còn nhận thấy một tính chất quan trọng hơn; mặc dầu ngừng chiếu quang tuyến alpha vào, nguyên tố beryli vẫn tiếp tục thả ra những tia phóng xạ. Nguyên tố bori chẳng hạn còn tiếp tục phát ra 1 nửa giờ sau. Hai vợ chồng liền nghĩ đến phóng xạ nhân tạo. Ngày 15-5-34, một bản thuyết minh ở Hàn lâm viện khoa học Pháp chính thức đưa tin ra khắp các giới khoa học.

Một nhà vật lý học trẻ tuổi Ý, Enrico Fermi, tiếp tục thí nghiệm ở Roma và chứng minh neutron có thể gây tính chất phóng xạ trong tất cả các nguyên tố.

Thì ra, từ lúc Pierre và Marie Curie tìm ra được phóng xạ thiên nhiên, nghi hoặc một năng lượng chứa đựng trong vật chất, cho đến nay phóng xạ nhân tạo được khám phá ra, các nhà bác học đã cùng

nhau chứng minh rõ ràng phương trình mà Einstein đã đưa ra từ 30 năm trước :

vật chất = năng lực.

Sau này, Fermi còn tìm ra được một tính chất khác: neutron càng mạnh thêm nếu người ta dùng một bình phong parafin cản đường nó. Thật lạ lùng và phải nhờ tài khéo léo và trí thông minh của Louis de Broglie mới giải nghĩa được: chất parafin hấp thụ độ neutron lại nên kéo dài luồng sóng ra, nhờ vậy neutron có thể đi sâu vào trung tâm nguyên tử. Nhưng chưa hết lạ: Fermi còn tìm ra nếu cho bắn neutron vào nguyên tố urani thì nguyên tố này biến ra những chất khác. Từ năm 1934, một nhà nữ hóa học Đức, cô Noddack đề nghị nguyên tố urani nứt ra thành hai nguyên tố nhỏ hơn. Năm 1938, Irène Joliot-Curie và Savitch chứng minh một trong hai nguyên tố nhỏ kia là bari. Còn Frédéric thì nhờ chế ra được một chiếc máy tài tình, chứng minh chất bari kia đã phóng ra cách 3mm! So với kích thước nguyên tử cỡ một phần mười ngàn tỷ milimet, 3mm là một

khoảng đường khổng lồ. Thí nghiệm thực hiện hôm 1-1-39 và 30 hôm sau được trình bày ở Hàn lâm viện. Cũng lúc ấy ở bên Đức Hahn và Strassman, hôm 6-1-39, đồng thời xác nhận thí nghiệm của vợ chồng Curie, còn tìm ra được nguyên tố nhỏ thứ hai là chất molybđi.

Một « phản ứng chuyển » như đã được gây ra khắp các giới khoa học. Ở Đan-mạch, hai nhà vật lý học Đức tảo cư trốn chính quyền Hitler, Lisa Meitner và Otta Frisch, xây dựng lý thuyết cuộc bắn nức nguyên tử. Ngày 18-2-39, trong tuần báo Nature xuất bản bên Anh, họ giải nghĩa hiện tượng. Nguyên tử có thể ví như giọt nước, hễ cho thêm nước vào thì giọt nước lớn lên và dễ tách thành hai. Nguyên tử cũng vậy, thêm vào nơtron thì tách thành hai nguyên tử nhỏ hơn. Có đều khối lượng hai nguyên tử nhỏ cộng lại với nhau không lớn bằng nguyên tử lớn trước kia: một phần khối lượng đã thoát ra thành năng lượng y như trong lý thuyết của Einstein.

Ba ngày sau, hai nhà vật lý học Mỹ, Bretcher và Cook,

cũng chứng minh hiện tượng ấy theo một cách khác. Hai nhà bác học này lập lại thí nghiệm, đã thấy thoát ra một năng lực khá lớn. Nhưng ai cũng chịu nhận phần lớn cuộc khám phá là công trạng của vợ chồng Joliot-Curie. Năm 1935, cả hai qua lãnh giải Nobel ở Stockholm.

Khi trở về, điều khiển một nhóm khảo cứu viên ở Institut de Recherches Atomiques ở Ivry gồm có Halban, Kowarski, Francis Perrin, ... Joliot-Curie tin tưởng ở một phản ứng chuyển trong nguyên tử và kiếm cách thu lượng năng lượng phát ra. Ông muốn xây chiếc pin nguyên tử đầu tiên. Nhưng tháng 9-39, thế chiến thứ hai bùng nổ, chiếc pin này phải đợi đến năm 1942 mới được Fermi dựng lên bên Hoa-kỳ.

Fermi điều khiển chiếc pin nguyên tử đầu tiên.

Năm 1938, Enrico Fermi qua lãnh giải Nobel ở Stockholm, ông đại sứ Ý yêu cầu Fermi khi nhận giải ở tay vua Thụy-điển, phải chào theo kiểu phát-

xít. Fermi từ chối. Báo chí nhao lên và Fermi phải bỏ nước Ý, xin qua Hoa-kỳ. Đầu năm 1939, ông bắt đầu dạy ở viện đại học Columbia. Mặc dầu là nhân viên của kế hoạch Manhattan chế tạo bom nguyên tử, nhưng là dân Ý ở đất Mỹ trong thời chiến tranh, ông bị kềm thúc gắt gao. Suốt trận giặc qua, ông không có quyền đi máy bay. Người ta cũng tước mất máy vô tuyến điện của ông. Con người hài hước, ông chông dỡ với những câu chuyện vui. Ông đã đặt ra câu chuyện bảo đại tướng Groves, Giám đốc kế hoạch Manhattan, một người có tiếng sốt sắng về phản gián điệp, đã viết trên một phong bì: « Bí mật. Phải đốt trước khi đọc! » Chính ông cũng đã đặt chuyện một nhân viên công an nói với bạn đồng nghiệp: « Người ta đã lắm cho mấy nhà bác học kia biết chuyện. Giá chi chỉ có một mình đại tướng Groves biết mà thôi thì chúng ta được yên chí biết bao! »

Những chuyện khôi hài còn nhiều nữa nhưng dù sao không sao nhãng những công cuộc lớn lao vì ông được chính

phủ Hoa-kỳ, giao cho trọng trách xây chiếc pin nguyên tử đầu tiên ở Chicago. Nguyên tử urani bị nơtron bắn vào thì nứt ra hai, đồng thời hai hoặc ba nơtron khác cũng được phóng ra. Đây là điều mà vợ chồng Curie đã khám phá ra. Nhưng từ đây xoay qua ứng dụng cũng còn có nhiều khó khăn. Một phản ứng chuyển có thể ví như một vụ cháy nhà trong xóm: nhà ở xa nhau thì lửa không lan rộng ra được. Trong urani cũng vậy, nguyên tố cần phải thật sạch, các nguyên tử mới nằm được cạnh nhau. Đàng khác khối lượng cũng cần phải lớn một mức nào, như sò nhà trong xóm phải khá nhiều thì lửa mới thành lớn. Sau này, « khối lượng lâm giới » là một yếu tố căn bản của quả bom nguyên tử. Trong pin nguyên tử người ta đặt những thanh than chì giữa những khối urani. Những thanh chì có nhiệm vụ làm dừng chậm các nơtron. Còn khối urani thì tính sao để phản ứng chạy từ từ mà không quá mạnh, như sò nhà trong xóm sắp đặt làm sao để chỉ cháy từng cái một chứ đừng cho cháy

tất cả cùng một lúc. Sau này, người ta còn dùng những thanh cadmi có tính chất thu hút neutron, vậy tùy theo cho thông vào nhiều hay ít trong pin là chế định được phản ứng như ý muốn.

Ngày 3-12-1942, dưới diễn đàn sân vận động Chicago, chiếc pin nguyên tử đầu tiên bắt đầu chạy. Ba mươi nhà bác học có mặt mở một chai rượu Chianti mừng nhà vật lý học Ý. Và một bức điện tín được gửi ngay cho Tổng thống Roosevelt: « Nhà hàng hải người Ý đã đặt chân lên Tân thế giới ». Người ta đã ví Fermi như Christoph Colomb trước đây đã « tìm » ra châu Mỹ.

Nhưng pin nguyên tử chỉ là bước đầu tiên. Năm 1943, Fermi từ già Chicago để đi đến một địa điểm bí mật. Và hai năm sau, ngày 17-6-1945, ở Alamogordo trong bãi sa mạc New Mexico, chiếc bom nguyên tử đầu tiên làm rung động đất Hoa-kỳ trước khi làm rung động thế giới ở Hiroshima. Lẽ tất nhiên Fermi là một trong những nhà bác học có mặt nhưng ông chẳng nghe gì, thấy gì. Trong lúc mọi người chong mắt, hóng

tai, ông chạy theo những mảnh giấy vụn bay tứ tung: ông có soạn sẵn một tờ giấy màu sắc khác nhau tùy theo trọng lượng, khi bom nổ ông thả giấy ra và tùy theo các mảnh giấy ấy bay xa hay gần ông đã có thể biết ngay suýt soát sức mạnh của cuộc nổ!

Một năm trước quả bom Alamogordo, Fermi làm giám đốc phân bộ F có nhiệm vụ giải quyết tất cả những vấn đề kỹ thuật mà các phân bộ khác không làm được. Phụ tá của ông lúc bấy giờ là Edward Teller.

Teller hợp hai nguyên tử để được năng lượng

Edward G. Teller, người Hung sinh ra trong một gia đình khá giả. Học sinh giỏi toán, ông thi vào Viện kỹ thuật Budapest rồi qua học vật lý ở München bên Đức. Bị què chân trong một tai nạn tàu điện, ông không nản lòng và tiếp tục thi tân sĩ ở Leipzig rồi qua làm khảo cứu ở Viện đại học Gottingen. Khi Hitler lên nắm chính quyền, ông chạy trốn qua Copenhagen bên Đan mạch, theo dõi Niels Bohr, giải

Nobel năm 1922, có công lớn trong cuộc tìm hiểu nguyên tử. Năm 1935, Teller qua Hoa-kỳ dạy ở Viện đại học Washington rồi đổi qua Viện đại học Chicago, Teller có tiếng là người thích hoạt động và đầy nhiệt hừng. Ở Viện đại học Chicago người ta đã đặt ra « độ Teller » để đo nhiệt hừng! Người ta còn đặt cho ông biệt hiệu « nhà bác học thi sĩ », vì ông thích chêm thơ vào trong các bản thuyết minh khoa học.

Ông cộng tác với Fermi để xây chiếc pin nguyên tử đầu tiên, nhưng từ năm 1942 ông đã nghĩ đến một phản ứng khác: nếu làm nứt một nguyên tử lớn phát ra năng lượng thì hợp được hai nguyên tử nhỏ còn thu được năng lượng lớn hơn. Ông tin có thể dùng cuộc nổ nguyên tử để thực hiện phản ứng hợp (cần phải có nhiệt độ thật lớn). Trong lúc các nhà bác học khác chăm lo về quả bom nguyên tử A Teller kiếm cách đạt nhiệt độ lớn cỡ 1 triệu độ, và tìm nguyên tử nhẹ có thể dùng trong quả bom H của ông.

Vì vậy, năm 1945, khi quả bom A sắp xong, giáo sư Robert Oppenheimer thành lập một nhóm các nhà bác học để sửa soạn bước sau thì Teller được mời ngay vào. Nhưng chiến

tranh dứt, các nhà bác học không muốn làm bom nữa và lần lượt bỏ ra về. Teller cũng trở về lại với lý thuyết ở Viện đại học Chicago. Qua tháng 9-1949, Liên-xô cho nổ một quả bom nguyên tử làm rung động phía Tây: Hoa-kỳ hết còn giữ bản quyền bom nguyên tử. Bên mặt chính trị, vấn đề quả bom H được đặt ra. Các nhà bác học Mỹ chia ra hai phái: một phái muốn chế tạo bom H, một phái khác cho bom là một tội lỗi (theo danh từ của Oppenheimer). Đại diện của hai phái chính là Teller và Oppenheimer. Giáo sư Oppenheimer là một người Do Thái sinh trưởng ở New-York nhưng những cuộc ngược đãi người Do Thái ở Âu-châu đã bắt ông ý thức về vấn đề chính trị. Là một đại lý thuyết gia, có khuynh hướng lý tưởng, hoàn toàn chống chế độ phát xít, ông được Tổng thống Roosevelt chọn để điều khiển Trung tâm nguyên tử Los Alamos. Nhưng hết chiến tranh, ông trở về lại với những lý tưởng nhân đạo, chỉ muốn ứng dụng hòa bình nguyên tử lực và được làm Chủ tịch Hội

đồng thâm văn khoa học về năng lượng nguyên tử. Và bây giờ đây Teller muốn làm bom H. Cả hai đều tranh đầu dũ đội để cho ý kiến mình được thắng.

Hồi bây giờ, Tổng thống Truman cũng trực tiếp xông vào cuộc bàn cãi nhưng chẳng ra đâu. Cho đến ngày 20-1-1950, nhà vật lý học nguyên tử Mỹ Klaus Fuchs bị lộ mặt nạ đã làm gián điệp cho Liên xô. Fuchs biết rõ kế hoạch làm bom của Hoa-kỳ. Vụ bắt Eukcs làm nghiêng cán cân: mười ngày sau, Teller thắng, Tổng thống Truman ký giấy cho chế tạo bom H. Lập tức các giới khoa học Hoa kỳ lên tiếp phản kháng. Einstein báo cho thế giới biết một cuộc tiêu hủy sinh mệnh toàn quả đất có thể xảy ra. Nhưng cuối năm 1951 Teller xây được nhà máy Livermore và sẵn sàng chế tạo bom H. Teller chưa tiền được bao lâu thì một nhóm khảo cứu viên ở Los Alamos, chuyên về bom A, cho nổ được một chiếc bom H đầu tiên hôm 1-11-1952.

đơteri triti → heli + neutron + năng lượng.

Dùng một quả bom A cho tăng nhiệt độ lên quá 1 triệu

độ, các nhà bác học này đã cho hợp hai đồng vị của hytri là đơteri và triti lại với nhau để làm thành khí heli đồng thời cho phát ra năng lượng. Hòn đảo Elugelab đã biến mất sau vụ nổ, nhường chỗ cho một lỗ hồng rộng hai cây số, sâu 60 thước. Hoa kỳ vui mừng đã một mình đạt được bom H, nhưng một mình chẳng được bao lâu vì hôm 12-8-1953, Liên-xô cũng cho nổ một quả bom H. Có điều đáng ngại là bên Nga, các nhà bác học không cần bom A để cho tăng nhiệt độ: họ lấy hytri và lithi để cho hợp lại với nhau dùng những máy tụ điện thật mạnh để khởi đầu phản ứng, tác dụng như một luồng sét nhân tạo.

Teller nhận thấy hytri, đơteri và triti có thể hợp với urani hay plutoni làm thành hytrua. Ông nghĩ cho sắp đặt những hytrua lại thành khối và khi nào những khối lượng này hợp lại với nhau làm thành khối lượng lâm giới thì tất nhiên bom nổ. Đúng như ông nghĩ, 1-3-1954, một chiếc bom H nổ ở Bikini mà không cần bom A, mạnh bằng 14 triệu tấn TNT (bom Hi-

roshima: 20 tấn TNT). Một quả bom như vậy thả trên mặt đất sẽ phá hại một vùng 15.000 cây số vuông. Và sau này nhiều quả bom H khác còn mạnh gấp đôi!

Trong lúc Teller thành công làm ra được bom H, Oppenheimer bị đưa ra tòa án cách chức. Thế giới đã rung động vì quả bom H lại càng náo động thêm về vụ án này. Tháng 11-1954, Churchill cũng lên án bom H...

Câu chuyện quả bom H này đây đã dứt? Thưa không, chuyện chỉ mới bắt đầu. Ngoài Nga và Mỹ, các nước Pháp, Anh,... và gần đây Tàu đều có bom và đang khảo cứu thêm. Không biết rồi đây các quả bom sẽ đưa thế giới đến đâu. Oppenheimer đã có một câu nói bất hủ: « Các nhà vật lý học đã phạm một tội lỗi... Các nhà bác học phải chẳng độc nhất đã phạm tội lỗi? »



* KHI NÀO BẠN « BỊ MẬP PHI » ?

Nói chung khi người Tây phương gần 100 ký, người Việt gần 80 ký là mập rồi. Nhưng phương pháp đơn giản sau đây có thể giúp bạn biết lúc nào bị báo động để « tốp » bớt ăn uống v.v... lại...

Các bạn hãy tính theo công thức này :

Lấy con số bề cao trừ cho 150 rồi nhân với 0,75, xong cộng tới con số 50. Con số thành tức bạn nặng bao nhiêu ký.

Nếu con số này ít hơn 15% so với con số bạn cân ở tiệm thuốc tây, tức là bạn bắt đầu mập phì đấy.

Hãy lấy ví dụ. Một người cao 1m63 :

$$(163-150) \times 0,75 = 9,75. + 50 = 59 \text{ ký } 75.$$

Nếu tại tiệm thuốc tây bạn cân được 70 ký (tức số thành của bài tính kém số thực tế 15%) có thể kết luận bạn bắt đầu mập phì vậy.

Hãy tính xem để phòng!

HỌA THƠ

XUÂN NHẬT SẦU NGÂM

của NGUYỄN-VỸ

TRONG số Tất-Niên có bài thơ « Xuân Nhật Sầu Ngâm » mà tác giả thân ái mời các bạn làng Thơ bốn phương « họa chơi... cho đỡ buồn ». Tòa soạn đã nhận được rất nhiều bài họa, chúng tôi xin lựa những bài xuất sắc nhất, đăng lần lượt trong mục này.

Tết nhất chưa chi vội chán đời
 Ví dù họa dữ khắp nơi nơi
 Nhân tài đâu dễ lòng dân loạn
 Tuấn kiệt sao nhìn mệnh nước rơi!
 Nghĩ nước buồn quê lòng đã vậy
 Yêu nơi quý giống cũng than ôi?
 Vận này chưa thể cầm ngang kiếm
 Xuân đã về đây, cạm chén thôi!

● VÂN-XUYỀN
 (Virginia — Hoa-Kỳ)

Nghĩ vẫn suy vơ lại chán đời,
 Xuân về ngăn cách kẻ đôi nơi.
 Trông Nam dân Bắc chân mây rụng,
 Ngóng Bắc người Nam giọt lệ rơi.
 Lụt lội trong ni : Trời đau khổ.
 Cơ hàn ngoài nớ : Nghĩ thương ôi.
 Đuôi Rồng đầu Rắn người xưa bảo :
 Chém giết còn nhiều đâu đã thôi!

● ANH VÊ-TÊ
 (Paksé)

3

Mừng xuân mà lại chán cho đời?
 Danh vọng bạc vàng trấn khắp nơi.
 Hai chục xuân thừa dân hoạn nạn,
 Ba dương mở rộng bạo tàn rơi. ⁽¹⁾
 Nhìn lên hoạn lộ tranh ngôi thứ,
 Ngó xuống thôn quê chạnh cảm ôi!
 Lịch sử bốn ngàn mờ khó rõ,
 Luân thường đảo lộn ngán đi thôi!

● LÊ THỊ BÀNG, 76 tuổi
 Hiệu Tiết-Quế
 (32, đường Trần-thúc-Nhân Bến-Ngự — Huế)

4

Nghĩ Tết Xuân nay chán mới đời!
 Nước còn loạn lạc khắp muôn nơi.
 Đêm nghe súng nổ, lòng như sắt,
 Ngày thấy bom rơi, lệ muốn rơi.
 Giặc già tung hoành ghê tởm quá,
 Tai ương chồng chất thảm thương ôi!
 Tết Xuân : dân vẫn còn đau khổ,
 Thì Tết Xuân thêm tủi hận thôi!

✱ MINH-HÙNG
 (Trị-Tâm)

5

Ngơ ngẩn nhìn nhau giữa cuộc đời,
 Cuộc đời ly loạn khắp nhiều nơi.
 Dân miền hậu-tuyển, tâm còn hận
 Kẻ chốn sa trường, máu vẫn rơi.
 Sao nữ gầy chỉ nên cảnh ấy
 Đề lòng se thắt lắm người ôi!
 Giáp-Thìn chuyện cũ đành như vậy
 Ất-Tỵ xuân này cũng thế thôi!

● TÔN NỮ HỖ-KHƯƠNG
 (trong Tao-Đàn Bạch-Nga)

(1) Tam-dương khai thái vận : Ý nói những ngày đầu Xuân mồng 1, 2, và 3

6

Nghĩ lại mà kinh cái cuộc đời !
 Một năm tang tóc diễn cùng nơi:
 Thủy tai mấy thước, giang san ngập;
 Biển cổ bao lần, máu lệ rơi.
 Rượu Tết, khó khuấy cơn nước lũ !
 Quà Xuân, vẫn nhớ bữa cơm ôi !
 Thìn đi, Tỵ lại mong tin mới;
 Chẳng biết năm này rồi nữa thôi.

● NGÔ-HỮU-BÀNG
 (9 Hoàng-Hoa-Thám — H.)

7

Tết nhứt năm nay chán mớ đời !
 Dân tình hỗn-loạn đời nơi, nơi.
 Quốc gia xáo trộn, dân cùng loạn,
 Địa vị tranh dành tướng tá rơi.
 Ai đó xin đừng rề rụt quá,
 Ta đây chẳng buộc tiếng than ôi !
 Rồng đi, Rắn lại trời thêm tối,
 Sát cánh DÂN TA đến chết thôi !

● THI-THANH-VÂN

8

Xuân đến thêm gieo mồi hận đời,
 Yên vui tính thử được bao nơi ?
 Giao thừa bom đạn đùa thay pháo,
 Tết nhứt nghe vang khúc lệ rơi !
 Những tướng thanh bình trong Cách-mạng
 Ai ngờ tao loạn ngập dâng ôi !
 Ngán cho thế cuộc nhiều điên đảo !
 Non nước bao giờ bình lửa thôi ? !

● CHƠN-PHƯƠNG
 (Bình-Dương)

9

Nguyễn-Vỹ anh sao chán mớ đời ?
 Đề xem cuộc thế diễn nơi nơi !
 Dân miền Thôn-dã đầu mau bạc ?
 Chánh-trị Đô-thành lệ hắt rơi ?
 Nạn lụt Miền-Trung bao miệng đói ?
 Chiến trường Nam-Việt mấy người ôi... ?
 Cuộc cờ Chiến-Quốc đang lưu diễn !
 Tranh Bá đồ Vương có thể thôi ? ? ?

LÊ-QUÍ-CHÁNH
 (Mũi-Né, Phan-Thiết)

10

Vắng khúc sầu xuân nào nuốt đời
 Còn trông âm hưởng vọng n uôn nơi.
 Đưa Thìn đón Tỵ lòng hoang lạnh
 Sốt nước thương nhà lệ đầm rơi.
 Tết vẫn ngậm ngùi chung rượu đắng
 Năm dài bịn rịn bát cơm ôi.
 Rồng qua, con cháu Rồng thêm thẹn
 Chém Rắn đâu người, ngóng mãi thôi.

L. Q.
 (Pleiku)

11

Hai chục năm nay vẫn khổ đời,
 Vẫn bom, vẫn đạn nổ đời nơi.
 Non còn thoang thoảng mùi xương nát,
 Nước mãi lan tràn giọt máu rơi.
 Cống RẮN cắn gà, nguy khốn lắm,
 Rước voi vầy mã, thảm thương ôi !
 Nổi da xáo thịt, sao đành nhĩ ? !
 Oán hận làm gì, giấc ngộ thôi.

HÀNH KHỘNG
 (Tuy-Hòa)



Tuần

DÂN CHÚNG
LỊCH SỬ
XÃ HỘI HIỆN ĐẠI

CHÀNG TRAI 1910-1960

★ Nguyễn-Uỷ

(tiếp theo P.T. 143)

Ít lâu sau hôm xừ - từ anh Nguyễn-thái-Học, Tuấn được tin chị Nguyễn-thị-Giang tự tử bằng súng lục ở ngay làng quê của người yêu,

Hai biến-cổ ấy làm đảo-lộn tinh-thần của đám thanh-niên học-sinh có theo rồi và tham-gia chút ít hoạt động của V.N.Q.D.Đ. Dư-luận dân chúng Bắc Kỳ rất xôn-xao, nhất là ở Hà - nội. Nhưng người ta chỉ bàn tán thăm thỉ với nhau trong gia đình chứ không dám nói lớn. Các báo Việt ở Hà-nội chỉ làm nhiệm vụ thông-tin hoàn-toàn khách-quan. Không có một tờ báo nào viết bài ca ngợi các liệt-sĩ V.N.Q.D.Đ, hoặc tỏ cảm tình trong

lúc viết tin - tức, hay bình-luận thời cuộc. Thỉnh thoảng một đôi tờ báo có đăng một bài thơ của một cụ nhà Nho, nói về Nguyễn thái-Học và Nguyễn-thị-Giang, nhưng đại ý cũng chỉ tỏ lòng thương hại, hoặc trách móc, chứ không có bài nào tán-dương hay khâm - phục việc làm của V.N.Q.D.Đ. và Nguyễn-thái-Học, lãnh tụ của đảng.

Ở Trung-Kỳ có hai luồng dư luận trái ngược nhau : đa số trong giới quan-lại của Triều-đình Huế dĩ-nhiên là mạt sát Nguyễn-thái-Học và V.N.Q.D.Đ, lại còn cười nhạo Học là « trẻ lòng non dạ », « châu-chấu đá voi ». Giới thanh niên trí-thức và học-sinh Trung-học thì rất cảm phục lòng ái-quốc hăng say và hy-sinh cao-cà của

TUẦN CHÀNG TRAI

Nguyễn-thái-Học và Nguyễn-thị-Giang. Hầu hết dân chúng miền Trung chỉ nghe tin tức qua báo *Tiếng-Dân* của cụ Huỳnh-thúc-Kháng, nhưng chính cơ - quan tranh-dấu độc-nhất của Trung-Kỳ, do nhà Cánh-mạng nổi danh làm chủ-nhiệm kiêm chủ-bút, vẫn hết sức dè dặt, không hăng hái mấy.

Duy có Sài-gòn, cả báo Tây và báo Việt đều nói đến nhiều nhất. Nhưng ở đây dư-luận báo chí và dân chúng chia làm 3 phe : một phe gồm các báo thực-dân Pháp và một số báo Việt của các nhà tư bản, điền-chủ, Đốc phủ-sứ, công kích việc « phiến-loạn » của V.N.Q.D.Đ. Một phe trung-lập, như báo *Phụ-Nữ Tân-Văn*, do Phan-Khôi làm chủ - bút, thì chỉ nhận xét vụ V.N.Q.D.Đ. theo bài sấm của Trạng-Trình. Tờ tuần báo *Phụ-Nữ Tân-Văn* cho rằng biến-cổ V.N.Q.D.Đ chỉ là một sự kiện tiền-dịnh của Lịch-sử, và không khen không chê.

Trái lại, có một số báo chánh-trị bằng Pháp-văn của những người thanh - niên Trí - thức Việt-Nam chủ-trương, thì nhiệt

liệt tán thưởng cuộc khởi-nghĩa của V.N.Q.D.Đ.

Giới học-sinh Hà-nội, phần đông ở hai tư-thực Trung-học lớn nhất, *Thăng-Long* (của người Việt), *Gia-Long* (của người Pháp), và trường « Trung - học Bảo-hộ » của Nhà-Nước, xôn xao khá nhiều trong một tháng đầu. Nhưng rồi người ta thấy có nhiều tội học-sinh làm mạt-thám, chuyên môn đi nghe ngóng các câu chuyện thỉ thăm của bạn-bè hoặc thường đi xe đạp rào qua các nhà trọ của học sinh, hay vờ - vỉnh đến nhà bạn chơi để lục soát sách vở vì thế mà dần dần có một cuộc « âm mưu của im-lặng », theo câu chữ Pháp thông dụng lúc bấy giờ trong trường hợp đó : « une conspiration du silence ».

Nhà trọ của Tuấn ở 77c đường Maréchal Pétain có đến 7 trò, hầu hết là học trường Gia-Long, Thăng-Long, hoặc Trung học Pháp Lycée Albert Sarraut, cũng thường có vài đứa bạn đến chơi, và thừa lúc anh em vô ý, lục soát các sách vở và bàn học để kiểm « tài-liệu quốc sự ».

Dùng midol trị các chứng đau nhức và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

1360/BY.T/D.P.D.C.

Một lần, đúng ngày 24 tháng 3 dương lịch, Tuấn và các bạn tổ chức ở trên gác một buổi lễ kỷ niệm ngày Cụ Phan-Chu-Trinh tạ thế. Các cậu đặt một chiếc bàn thờ tạm, treo bức chân dung của Cụ, có đèn, hương, hoa quả, bày biện đầy đủ trên bàn. Bảy anh em học sinh và sinh-viên cùng ở trọ trong nhà, đều hăng hái và thành kính làm lễ. Tuấn đọc một bài diếu-văn kể lại tiểu-sử và sự nghiệp cách-mạng của Cụ, và cổ vũ anh em nên noi gương ái-quốc của Cụ, nguyện sau này sẽ đem học-vấn và tài năng của mình để phụng sự Quốc-gia. Xong bài diếu văn, anh em lần lượt từng người ra lạy trước bàn thờ nghi ngút trầm hương. Buổi lễ đơn giản, nhưng rất cảm động. Anh em ai cũng bồi ngùi. Có người lạy rồi lạy nữa, ba bốn lần.

Thình-lình, một cậu-học trò, chỉ quen sơ với Tuấn cũng như với các sinh viên học sinh khác trong nhà, cũng quê-quán ở Trung-Kỳ, đi xe-đạp đến, và lật-đật leo cầu thang lên gác. Hắn bắt gặp cả một đám học-sinh sinh viên đang đứng im-lặng trước bàn thờ có

treo ảnh cụ Phan - Chu - Trinh, còn khói hương trầm, cặp nến trắng còn đang cháy liu-liu. Hắn cười, hỏi Tuấn :

— Tụi các anh đang làm gì thế?...

Hắn dăm dăm nhìn ảnh cụ Phan, rồi nhún vai, bảo :

— À, hôm nay là... 24 Mars... ngày giỗ cụ Phan-Chu-Trinh... Thế mà tôi quên mất chứ ! Tụi các anh nhớ giời nhỉ !

Nói xong nó ngoay-ngoay chạy xuống cầu thang, và ra cửa lên xe đạp phóng một mạch về phía Bờ Hồ.

Tụi trò Tuấn vội-vàng dọn cất chiếc bàn, tắt đèn, tắt hương, sau khi lạy cụ Phan một lần nữa.

Trò Trần-Kiên-Mỹ tức giận nói to :

—Thằng khốn nạn, quê ở Quảng-Nam, bạn đồng-hương mà đi làm chó săn !

Trò Long bảo bằng tiếng Pháp :

— C'est un mouton dangereux (Một thằng do-thám (nghĩa bóng) nguy-hiêm).

Tuấn không nói gì, chỉ lấy tấm hình của cụ Phan đem gói

vào tờ giấy giấu dưới miếng ngói ở mái nhà bếp.

Tất cả đều hồi-hộp lấy bài vở ra học, và chờ mật-thám đến xét nhà. không có ai sợ trốn đi.

Nhưng chờ mãi, không thấy mật-thám tới. Tuấn đứng trong cửa sổ ngó xuống đường Maréchal Pétain, chỉ thấy thằng khốn-nạn đạp xe lượn qua lượn lại nhiều lần trước nhà.

Lần cuối cùng, vào khoảng 12 giờ trưa, hắn ghé vào. Tuấn không muốn cho hắn lên gác, vì có mấy đứa bạn, nhất là Long-Lycéc (thường gọi là Long Toét) hăm «đánh hắn vỡ mặt».

Tuấn xuống dưới nhà, gặp hắn sắp-sửa lên cầu thang. Tuấn nắm tay hắn giữ lại :

— Mi lên trên đó, thế nào cũng bị mấy người đập chết. Mi ở đây với tao. Tại rằng lúc này mi có thái-độ chi lạ rứa ? Tao hỏi thiệt mi : mi làm mouton cho mật thám Tây, phải không ?

Hắn run sợ, bảo :

— Không có. Ai bảo với anh thế ?

— Tao bảo. Vì thái độ của mi

chứng tỏ rằng mi là một agent de recherche, một thằng điếm-chỉ cho Tây. Tụi tao làm lễ truy-niệm cụ Phan-Chu-Trinh chứ có gì bí mật đâu mà tụi bây đi rình ? Mi cũng là dân Quảng-Nam, rứa mi đi làm chuyện tồi-bại rứa ? Mi không sợ tụi bạn đồng hương của mi đập mi nát óc à ?

Hắn cười dả-lả :

— Anh đừng nghi oan tôi chớ. Tôi đâu có làm agent de Sûreté cho Tây. Lúc này tôi đến là định hỏi anh có được mandat ở nhà gởi ra chưa, nếu có thì cho tôi mượn tạm 5 đồng để trả tiền trọ. Nhưng tôi thấy các anh bận việc, tôi đi về. Thế thôi. Tôi thề với các anh rằng tôi không làm điếm chỉ cho Tây đâu.

Tuấn bảo :

— Mi cần tiền thiệt không ?

— Thiệt. Tôi định đến mượn anh 5 đồng.

— 5 đồng đây, mầy rút đi !

Tuấn lấy 5 đồng đưa cho thằng khốn nạn, nó cảm ơn rồi ra đi,

(còn tiếp)

Dũng midol trị các chứng đau nhức
và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY
1350/BYT/DRDC.

Dũng midol trị các chứng đau nhức
và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY
1350/BYT/DRDC.

Mai anh đi trả cho em thành phố
Bỏ lại sau lưng ngày tháng ngục tù
Mai anh đi mang nỗi buồn tuổi nhỏ
Kiếp lưu đày thân hải đảo hoang vu

Mai anh đi trả cho em thành phố
Những buổi chiều lên tươi nét môi
Anh đi rồi làm sao nguôi nhung nhớ
Một chiếc lá vàng, một chiếc lá vàng rơi.

Gác hẹp buổi trưa trời khát gió
Anh ngồi nghe rạn nứt tâm tư
Niềm đau da thịt rần da thịt
Âm mịch linh hồn mơ lãng du

Mai anh đi trả cho em thành phố
Trả nụ cười, trả ánh mắt thơ ngây
Chiếc hôn đầu tiên thơm mùi trinh nữ
Cho đến bây giờ chưa hết say

Mai anh đi phố phường nước nở
Bỏ lại sau lưng ngày tháng êm đềm
Nuối tiếc băng khuâng tuổi trời đỏ võ
Anh đi rồi thành phố trả cho em.

RẢN

là con vật thế nào
mà có kẻ thờ,
có kẻ ghét ?

* Diêu-Huyền



THƯỜNG ngày Bà Tú đi chợ về, vút giỏ mây trên bàn, chạy đến hôn ông Tú một cái cho sướng đã, rồi nói chuyện riu ra riu rít một lúc lâu mới chịu đi xuống bếp làm cơm. Hôm nay, bà cũng hôn ông Tú, nhưng cái mặt bí-xị. Bà chớp mắt lia lịa, như sắp khóc đến nơi. Ông Tú đang nằm võng xem sách, thấy thái độ của Bà Tú hơi lạ ông bỏ sách xuống, hỏi :

- Sao ? Có gì mà nhăn nhó thế, cưng ?
- Bà Tú ngó ông :
- Mình không yêu em hả ?
- Sao hôm nay bày đặt hỏi câu đó ?

— Chớ sao mình qua nhà cô Tám Hột-Vịt-Lộn làm gì trong lúc vắng em ?

Ông Tú bật cười lên :

— À, thì ra thế ! Tui sang nhà cô Tám Hột-Vịt-Lộn, em tui ghen ! Ha ha !

— Mình sang bên con nhỏ đó làm gì ? Mình nói thật cho em nghe. Không nói thật, em khóc đó !

Ông Tú vẫn cười :

— Anh nhớ hột vịt lộn quá, sang ăn hai cái.

— Thôi đi, không phải.

— Nhưng sao em đi chợ mà em biết là anh có sang bên cô Tám ?

— Chị Tư Hủ-Tiểu mét em, chớ bộ. Em cho mình biết rằng cả xóm này ai cũng thương em hết. Mình làm gì lén lút trong lúc vắng em, hay Mình tiếp cô nào trong nhà, họ đều nói lại cho em nghe, chớ đừng tưởng em không biết đâu.

— Thế, chị Tư Hủ-Tiểu mét em thế nào ?

— Chị ấy bảo cô Tám Hột-Vịt-Lộn đi Thủ-Thiên mua hột vịt, bị rắn cắn. Mình chạy sang cứu cô.

— Chuyện có thể mà em cũng ghen hả ? Hàng xóm láng giềng ai bị tai nạn gì, cầu cứu mình

thì mình có bồn phận phải chạy đến cứu giúp người ta chớ. Đó là tình nhân đạo, đâu phải tình yêu mà em ghen ?

— Ai chớ cái con Tám Hột-Vịt-Lộn bị rắn cắn cũng đáng đời. Em hồng thương hại nó chút nào hết.

— Cô ấy bị rắn cắn, em hồng thương sao ?

— Còn phía ! (còn khuya ! Nhưng bà Tú quen nói: còn phía)

— Rắn cắn độc lắm, em ơ, có thể chết được à.

— Xí ! Tại Mình lo cho cô ả quá, Mình mới quýnh lên thế, chớ rắn cắn làm gì chết được ?

— Trong Lịch-sử Ai-Cập thời Thượng - cổ, Hoàng - hậu **Cléopâtre** cho rắn cắn chết đó, em biết không ? Bị Octave đánh bại ở trận Hải-chiến Actium, Cléopâtre nghe Octave sẽ bắt nàng làm tù binh đem về bêu rếu ở La-Mã, Hoàng-hậu liền bắt con rắn Aspic để lên vú cho nó cắn. Rắn mổ vào núm vú Cléopâtre, truyền nọc độc vào người, không đầy 5 phút sau nàng lăn ra chết ngay.

Trong lịch-sử Việt Nam ta có chuyện vua **Lê-Thái-Tôn** chết đột ngột ở Lê-chi-viên của Nguyễn-Trãi trong đêm ngài đi ngự-du ghé về nghỉ ở tư dinh



Cléopâtre để cho Rắn cắn nơi vú, chết liền

viên Cựu Thần. Triều-dinh nhà Lê cho rằng Nguyễn-Trãi giết vua và kết án tru-di tam tộc. Nhưng có nhiều sách thuật lại rằng tại vua thấy vợ hầu của Nguyễn Trãi, là Nguyễn thị Lộ đẹp quá, nên đêm ấy Ngài ngủ với Thị Lộ rồi nửa đêm giữa lúc Ngài say sưa trong giấc ngủ mê ly, Thị-Lộ hiện thân ra con rắn độc cắn Ngài chết. Em thấy không, rắn cắn chết người ?

Trong thần thoại Hy-Lạp, mấy cha con **Laocoon** đi mét cho người Troyens về âm mưu của người Grecs sẽ dùng con ngựa gỗ để tấn công vào thành Troie. Poséidon, thần Biển, tức giận bèn cho hai con rắn lên cắn chết mấy cha con kẻ phản quốc.

Ông Tú khôn quá, đánh ngay chỗ yếu của bà Tú, kể chuyện Văn-hóa cho bà Tú nghe, bà nghe mê, quên mất vụ ghen với cô Tám Hột-Vịt-Lộn. Bà cúi xuống hôn đôi má ông Tú, rồi âu yếm hỏi :

— Rồi sao nữa, Mình ? Mình nói tiếp chuyện Rắn đi.

Ông Tú tùm tùm cười, bảo bà Tú châm cho ông một điều thuốc, ông nói tiếp :

— Cũng trong thần thoại Hy Lạp, Nữ-Thần Hera, vợ của Zeus và là dì ghẻ của Heraclès, (tức là **Hercule**), muốn hại Hercule, một hôm nàng đem hai con Rắn to tướng bỏ vào nôi của Hercule lúc bấy giờ mới ra đời, để cho Rắn cắn chết đứa con trai của Ackmène, tình địch của nàng, không ngờ, đứa bé Hercule một tay bóp chết hai con hung xà.

— Hercule mạnh ghê quá, Mình há ! Mạnh hơn Thạch-Bích Sơn nữa !

— Dù ở Đông phương hay Tây phương, Rắn vẫn là con vật ghê tởm, và nguy hiểm lắm. Em còn nhớ trong Thánh-Kinh của Gia-tô giáo, con Rắn là hiện thân của quỷ Satan, mà quỷ Satan là thù của Chúa Trời. Cho nên ngay từ thời khai thiên lập địa, con Rắn đã xúi nàng Eva hái trái pôm ăn và cho



chàng Adam ăn, trong lúc Chúa cấm hai người con đầu lòng ấy, và là cặp vợ chồng đầu tiên trên trái đất, không được ăn trái pôm, vì ăn trái cấm ấy sẽ hiểu biết hết các việc huyền-vi của Tạo-hóa.

— Tại sao Eva nhẹ dạ nghe lời phỉnh-phờ của con rắn nhỉ? Nếu em là Eva, không bao giờ... không bao giờ...

— Không bao giờ cái gì?

— Không bao giờ em nghe lời con Rắn.

Ông Tú mỉm cười:

— Nếu anh là Adam, anh cũng không bao giờ... để cho Eva nghe lời con Rắn.

— Thế sao Adam lại nghe lời Eva, ăn trái cấm?

— Ấy thế mới lạ! Eva nghe lời dụ-khị của con Rắn Satan, Adam lại nghe lời Eva, Câu

chuyện trong Thánh Kinh tượng trưng cái vòng lần-quần của tội lỗi loài người: Eva nghe lời con Rắn, Adam lại nghe lời Eva!...

Nhiều hạnh-phúc gia-đình đổ-bề cũng tại vì có con Rắn xen vào giữa Adam và Eva.

— Em lạy Trời, giữa hai đứa mình đừng có con Rắn xen vào.

— Nhưng, theo thần-thoại Ai Cập và Ấn-độ con Rắn không phải là tượng-trưng cho cái xấu xa, độc-ác. Ai-Cập cũng là một dân tộc văn-minh xưa nhứt trên Thế-giới, nhưng văn-minh Ai-Cập lại tôn con Rắn lên làm một vị Thần, và thờ con Thần Rắn, như ở Đông phương người ta thờ con Rùa, con Phượng, con Kỳ-Lân, con Rồng. Theo Thần-thoại Ai-Cập, thì tạo ra trời đất, vũ-trụ, là con Rắn thần. Trong cảnh Hư-vô rỗng không và đen tối, Rắn thần xuất hiện ra đầu-tiên và sinh ra một cái Trứng. Cái Trứng nứt ra làm hai: một nửa là vòm Trời, có các vị Thiên Thần, Trăng, sao, mây, gió, v.v... một nửa là quả Đất hình giống một chiếc thuyền, với loài người, súc vật, cỏ, cây non, nước... Theo Thần-thoại Ấn-độ, thì Rắn Thần **Cesha** (cũng gọi là Ananta), tượng

trưng Không-gian và Thời-gian; có 7 đầu, che cho **Vishnou**, Thần Hộ-mạng của Thế-giới loài người. Quả Đất do bốn con voi đội trên đầu và đứng dùm đầu nhau lại trên lưng một con Rùa Thần.

Con Rắn thần cũng có che mưa che nắng cho Đức Phật Thích-Ca và được đặc đạo, trở thành Bồ-Tát còn đề dấu trên đầu đức Phật.

Rắn thần Kim-Xà **Uraeus** cũng nằm trên đầu Thần Đất **Isis** để che sương che nắng cho vị Thần linh-thiên ấy.

Esculape con của Apollon, là vị Thần Y-khoa nhờ con Rắn thần ở Epidaure giúp ông chữa các chứng bệnh. Do sự tích đó



mà hiện nay các nhà Bác sĩ và các Hiệu-thuốc Tây vẫn coi **Esculape** như ông Tò của nghề Y-khoa, và lúc nào cũng vẽ

hình con Rắn quấn vào một cốc rượu thần, trên cửa, trên vách tường hay trên chiếc xe của họ để tượng trưng cho Y-khoa và dược-khoa.

— À, hèn chi em thường thấy trước cửa các Hiệu Thuốc Tây luôn-luôn có hình một con Rắn, hoặc hai con Rắn, quấn vào một cái ly.

— Đó là theo sự tích con Rắn thần của Esculape như vừa kể trên. Rắn này chữa bệnh tài giỏi đến nỗi thần **Zeus** ganh-ghét nó, sợ nó chữa cho loài người khỏi hết bệnh và thành ra bất tử, nên thần Zeus sai một tia sét xuống đánh con Rắn. Nhưng Rắn không chết, và tiếp-tục giúp Esculape chữa bệnh cho loài người.

Như vậy, đối với người Hy Lạp, Ai Cập, Ấn-độ, Rắn là một Linh-vật giúp cho loài người sống lâu, chứ không có hại người cho nên các Dân tộc trên kia vẫn thờ con Rắn.

Trong Lịch sử các cuộc chiến tranh lừng-lẫy nhất, cũng có một câu chuyện Rắn rất lý thú. Hai trăm mười năm trước J.C.. đại tướng **Annibal** thắng Hoàng-đế La - Mã trong một trận thủy-chiến, nhờ mưu lược sau đây: ông bắt hàng nghìn con Rắn lục bỏ vào trong mây

trăm cái hũ, rồi thủy thủ của ông chỉ có việc quăng hàng trăm hũ rắn đó qua các tàu chến của La-Mã. Rắn bò đầy tàu, quân lính La - Mã bị rắn cắn, chạy tán loạn, không đánh giặc được nữa, thế là Annibal cho lính đồ bộ chiếm thành Roma.

Nhưng do cuộc bại trận này mà viên quan chỉ huy Hải-quân La-Mã, là **Caius Claudius Nero** bắt quan y-sĩ **Andromachus** phải tìm cấp tốc một môn thuốc trị nọc rắn để chữa bệnh cho thủy thủ của ông bị rắn cắn. Y sĩ Andromachus bắt đầu nghiên cứu về loài Rắn và khám phá ra rằng nếu con Rắn có nọc độc thì chính nó có một chất gì trong cơ thể để dung dưỡng nọc độc ấy. Nghĩa là trong cơ thể nó phải có chất trừ độc. Nên nhớ rằng sự khám phá y-khoa này đã có 2000 năm trước J.C. lặn, mà y-khoa hiện nay, sau 20 thế kỷ, vẫn phải áp dụng, gọi là *Thériaque*.

— Người đời xưa cũng văn minh quá há!

— Trong nhiều trường hợp, khoa học và y-học đời nay chỉ bắt chước áp dụng những phương pháp xưa. Dù sao y-sĩ La-Mã

Andromachus đã truyền lệnh cho các quân-sĩ La-Mã bị nọc độc của đạo quân Rắn lục của Annibal, phải kiếm Pắn lục, chặt đầu nướng ăn. Theo phương thuốc đó, các thủy-thủ La-Mã đều khỏi bệnh.

— Hay quá, há Mình !

— Sự thật, chúng ta nên biết rằng không phải loài Rắn nào cũng có nọc độc. Trên khắp mặt Địa-cầu hiện nay có chừng 2500 loại Rắn, và trong số đó chỉ có 175 loại rắn độc. Rắn độc chỉ cắn khi nào ta đụng đến nó, hoặc ta làm hại nó : đó là luật tự nhiên. Con Rắn lục, hay Rắn hồ-mang, đang nằm yên bên lề đường, ta bước ngang mình nó, nó vẫn không có phản ứng nào cả. Vì nó có oán thù gì ta đâu mà cắn ta? Trái lại, loài Rắn rất có ích, nó ăn chuột và các loại thú vật phá hại mùa màng hoa cỏ.

Thấy ông Tú nói chuyện đã lâu bà Tú nằm xuống vâng, ôm xiết lấy ông, và âu yếm hôn ông. Bà cười bảo :

— Hai đứa mình quấn chặt với nhau như hai con Rắn nhỉ !...

✧ *Diệu-Huyền*

Chợ Lớn Quận

đài phát-thanh tự thân

MƯƠU

Rằng : « tôi có tội tình gì,
Tôi không « chính trị », chẳng vì « chính em »,
Đỉnh chung tôi cũng kiêng khen,
Trách ai làm chạo, làm nem tôi hoài.

NÓI

Đau đớn nhẽ ! mấy ngài « chính trị »,
Tủi thân hèn biết nghĩ sao đây ?
Các ngài : nào danh, nào lợi, nào quyền, nào thế, nên
mắm lợi, day tay

Tôi hà tội ? dọa này chi mãi tá ?
Thương thân con cuộc kêu mùa hạ,
Ngán kiếp đã tràng lấp biển đông.
Ông bắt tôi nói những câu « đít bụt rỗng không »,
Nào tổ quốc với non sông, nhai nhải mãi.
Non sông chia sẻ chung phần lãi,
Tổ quốc tan hoang chán vạ lợi.
Ông mang nào xè « tăng », nào thiết giáp, nào đại bác,
chĩa mang tai,

Bắt phải nói nếu không sẽ rồi đời, ôi kiếp sống !
Đã mấy năm nay bao lần sáo động,
Nghĩ buồn tênh phận mỏng tính làm sao ?
Nói ra khôn siết lệ trào.

TÚ BÈ

mông mênh



Âm thanh ngoài rợn rã
Hòa tiếng nấc tâm tư
Thành nhạc lòng điên loạn
Rồi lịm xuống hồn thơ.

Màn đêm buông dần xuống,
Nét buồn vương dần lên.
Mây chiều lui nhịp bước,
Đề lại lòng mông mênh.

Gió đêm đưa nhè nhẹ
Vào tâm hồn đơn côi
Những mảnh sầu hoang dại,
Làm tím ngắt đời tôi.

Gió ơi! đừng thổi nữa,
Đêm ơi! ngừng buông rơi.
Cho hồn thôi vương vấn,
Cho buồn đi xa xôi.

LY-TAN V.T.

người
tù

69



Hồi ký của NGUYỄN-VỸ ★ Hồi ký của NGUYỄN-VỸ

(tiếp theo P.T. 143)

Sống trong khung cảnh vô cùng hiểm-nguy như thế, luôn luôn ở trước tầm súng của Linh Raddhés, vây bọc chung quanh bởi bao nhiêu chông gai hầm hồ và hai lớp rào lưới sắt, 150 T.S. vẫn thân nhiên, tự tạo ra một thế-giới riêng biệt, với những tập-tục riêng, luật-lệ riêng và một nếp sống tập-thể điều-hòa trong kỷ-luật.

Trong tập hồi-ký này, tôi muốn ghi lại nhiều chuyện lý-thú, vui-vẻ, hoặc bức-bội, lo âu của những chuỗi ngày vô-tận. Nhiều khi chán nản muốn thoát-ly, uất-giận muốn tự-tử, nhưng cũng có nhiều lúc chứa chan hy vọng, đầy can-đảm, quyết hăng-hái. Tuy quan-điểm chính-trị hoàn toàn trái ngược nhau, nhưng tất cả trên 150 anh em T.S. ở bốn năm năm trời sau rào lưới sắt Trà-Khê đều một chí nhần-nại, một lòng tin tưởng mạnh-mẽ vào tương-lai tốt đẹp.

Ở đây tôi đã hấp-thụ được nhiều bài học rất hay, nhiều kinh nghiệm rất lợi-ích cho tôi, về những phương-diện tâm-lý, chính-trị, xã-hội, quân-chúng, đảng-phái, cá-nhân.

Tôi hãnh-diện đã ở trong trường Đại-học Trà-Kê, và nay được cấp bằng T.S. ra sông lại với đời.

Đêm hôm tôi mới đến Trà-Kê, tôi không ngủ được. Anh em xúm-xít lại nói chuyện và lấy bánh kẹo cho tôi ăn, lấy thuốc cho tôi hút. Tôi rất vui mừng, nhưng mệt lắm. Sáng hôm sau dậy, tôi mặc bộ đồ vải xnh của nhà tù, với một vuông vải trắng lớn bằng bàn tay may dính sau lưng, ghi hai con số 69 bằng nét mực đen thật bự. Anh em cứ chề nhạo tôi mãi về con số 69 này mà ngẫu nhiên số kiếp đem đến cho tôi. Viên Đồn-trưởng Bazia thì cười xòa lên và nói:

— C'est un numéro porte-bonheur!

(Đó là con số hên lắm đây!)

Dưới ánh mặt trời tươi sáng như một màu kim-tuyền lóng-lánh trên núi rừng vừa mới cời lớp áo sương mù, tôi bắt đầu làm quen với phong-cảnh Trà-kê.

Luật-lệ ở đây là sáng 6 giờ kèn trên đồn thổi « Réveil », — tiếng kèn rặng-đồng lú-lo như tiếng chim kêu buổi sáng — thì T.S. phải thức dậy, đợi 5 phút sau lính vào điểm rồi mới được viên đội Raddhés Y Blil với 5 người lính cũng Raddhés từ ngoài sân mở cửa bước vào, chia ra hai bên đi dọc theo hai giầy giường tre, bắt bên nào ngồi bên này để họ đi đêm từng người. Mỗi lần đêm là mỗi lần lộn-xộn tức cười, vì lính Raddhés kém trí nhớ, đêm đó rồi quên đó, rồi phải đêm lại, rồi quên nữa, rồi đêm lại nữa. Mấy anh đi từng bước, từ đầu giầy đêm tới cuối giầy, ngón tay chỉ từng người, miệng lầm-nhảm: « A, đơ, toa, cách... » đêm xit xết, huých, bỗng có ai cười lên một tiếng thì mấy anh lính quên hết. Phải đi trở lại, đêm lại: « A, đơ, toa, cách... » cứ như thế mà đêm đi đêm lại 150 T. S. có khi hơn nửa tiếng đồng hồ chưa xong.

Thầy thê chúng tôi thường nghịch, chọc phá mấy chả, làm cho mấy chả cứ quên, phải đêm đi đêm lại hoài. Có khi đêm đến 130 người rồi, bỗng dừng đến người thứ 131 anh này cười ồ lên một tiếng, anh lính quên hết, lại phải đêm lại từ 1 trở đi.

Điểm đủ số T.S. xong rồi, lính mới mở cửa cho T.S. đi ra. Súc miệng, rửa mặt, ăn mỗi người một tô cháo đậu xanh, xong rồi chúng tôi chia nhau ra từng ê-kíp đi làm việc. Anh em đã cử một anh T.S. làm « Đốc-công » để phân công và chỉ huy công-tác trong một thời hạn mấy tháng.

Công việc thường xuyên mỗi ngày được chia ra như sau đây, theo danh từ thông-dụng lúc bấy giờ ở Trà-kê:

— 3 corvées làm vườn (2 vườn T.S., 1 vườn đồn), mỗi corvée có một anh « Xếp Vườn ».

— 1 corvée đi củi.

— 1 corvée gánh nước.

— 1 corvée đồ thùng (vệ sinh)

— 1 corvée làm bếp, với 1 anh « Xếp Bếp ».

Ngoài ra còn nhiều corvées linh tinh. Một anh « Điều-hộ » (tức là Y-tá), cũng là T.S., để săn-sóc anh em bệnh-nhân. Một anh Cai-Kho. Hai anh thư-ký lên làm việc trên văn-phòng đồn-trưởng. Một người coi về tiếp-tê lương-thực, và đại-diện chính-thức của toàn trại để liên-lạc với đồn-trưởng về mọi vấn-đề liên-quan đến đời sống của anh em T.S. Mỗi corvée gồm nhiều hoặc ít người tùy theo tầm quan-trọng của công-tác.

2 corvées Vườn T.S. mỗi corvée gồm 6 hoặc 7 người. Corvée vườn đồn 4 hoặc 5 người. Vườn T.S. tức là một khu lưng đồi, rộng độ nửa mẫu, do chính anh em T.S. tự sức khai khẩn lầy, vỡ đất, làm ranh, bón phân, trồng đủ cả các giống rau, trái, petits pois, cà chua, cà tím, đậu xanh, đậu haricot, vert, xà-lát, búp choux, củ cải đỏ, cải trắng, rau muống, rau dền, đu-đủ, chuối, cam v.v... thành một khu vườn xanh tươi, thật đẹp. Mấy anh T.S. phụ-trách 2 khu vườn toàn là những tay nhà nông chuyên-môn, hầu hết là quê quán ở Nghệ-An, Hà-Tĩnh, Thanh-Hóa. Cũng có những nhà trí-thức Nho học, Tây học, lương-y, giáo-sư, công-chức v.v... được đưa vào corvée làm vườn, dưới sự điều khiển của mấy anh nhà nông chuyên môn.

Dưới chân đồi có một suối nước trong-veo, không sâu lắm nhưng không bao giờ cạn. Đây là nơi T.S. tắm, giặt dĩa,

và mức nước tưới vườn. Mỗi buổi sáng sớm, toàn thể corvée làm vườn đều chăm lo tưới nước bằng những chiếc «arrosoirs» bằng thiếc giống như arrosoir của các nhà vườn Đà-lạt. Công việc này tuy có hơi mệt nhọc vì phải xuống dưới suối mức nước nhưng rất hăng say nhờ công-tác tập-thể, trên một lưng đôi không dộc lắm, và suối chảy ngang chân đồi, cách vườn không quá 10 bước.

Trong lúc anh em tưới nước các luống rau, hoặc bắt sâu, xới đất, bón phân, gieo giống... thì anh mang súng đứng canh gác chung quanh lưng đồi. Theo thông-lệ, cứ 1 người lính phải canh chừng 3 người T.S., nhưng 18 T.S. của 2 corvées làm vườn vẫn làm việc vui vẻ, tự-do, dưới những cặp mắt dòm ngó thường xuyên của 6 người lính Rhaddés chia nhau mỗi người đứng canh mỗi góc vườn.

Anh em T.S. rất tự-do, thông-thả trong khu-vực của vườn, muốn làm hay nghỉ ngơi, cười giỡn, tùy theo sở thích và công việc của mình không bị bó buộc. Lính Rad-dhés chỉ canh gác mà thôi, không được cho mệnh-lệnh nào cả.

Bởi T.S. làm việc cho T.S. chứ không phải cho Đồn trưởng và chỉ theo mệnh-lệnh phân công của anh T.S. Đồn công mà thôi... (còn tiếp)

**Các bạn xem mỗi ngày
nhật báo**



- ★ XÃ THUYẾT CHÍNH TRỊ. của N.V
 - ★ Hậu THẠCH-BÍCH-SƠN, truyện bằng tranh của NGUYỄN-VỸ
 - ★ NHẬT KÝ của DIÊU-HUYỀN
 - ★ LỢI NGƯỢC II của DIÊU-HUYỀN
- Chủ nhiệm, Chủ bút: NGUYỄN VỸ**

Đọc rồi? Hay đọc lại!

Chưa đọc? Hay tìm đọc ngay!

Lương lý? Hay theo dõi trên báo chí những lời phê bình về cuốn:

NGUYỄN CẦU

● LÊ-HUY LINH-VŨ

- Cuốn sách đã gây một dư luận sôi nổi tại Thủ Đô trong mấy ngày Tết ẤT TỶ vừa qua.
- Cuốn sách mở đầu cho sự trỗi dậy của nền văn nghệ nước nhà trong năm 1965.
- Cuốn sách của tất cả thanh niên Việt Nam từ 17 đến 71 tuổi!



POLYVIT C_a

TÉVÉTÉ

ĐÀN BÀ DƯỠNG THAI VÀ THỜI KỲ CHO CON BÚ
TRẺ EM ỒN-YẾU, Ề-O-T, CHẬM MỌC RĂNG
THUỐC BỔ MÁU, XƯƠNG, PHỔI
 CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY VÀ TIỆM TRỪ AU-DƯỢC



K.N. số 25 BYTBQCD 18-10-62

Nước Ngọt « CON CỌP »

Nguồn mạch Sức Khỏe
và Vui Tươi



Nước Ngọt « CON CỌP » mỗi chai
Là nguồn Vui Mạnh kéo dài Tuổi Xuân

CÙ-LÀ



古
那
油

VIỆN BẢO CHÈ
NGUYỄN CHÍ

KN. 657.BYT/QCDP. 21/2/64



Số 252 BYT/QCDP/18-10-62



K.N. số 260 ngày 20-6-63

KINH - LÝ VĂN - PHONG

110, đại lộ Nguyễn-Huệ — Saigon
Điện-thoại 23.187



Phạm - văn - Lạng

Giám-Định Trắc-địa-sư
Géomètre — Expert

373, Phan-thanh-Giản

SAIGON

K.D. số 138 ngày 1-3-1965